

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NGỌC KHÁNH

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI
ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH
Ở TỈNH THÁI BÌNH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HÀ NỘI - 2024

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NGỌC KHÁNH

PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI
ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH
Ở TỈNH THÁI BÌNH

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

MÃ SỐ: 931 01 02

Người hướng dẫn khoa học: PGS, TS NGÔ TUẤN NGHĨA

HÀ NỘI - 2024

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, tư liệu được sử dụng trong luận án là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng, các luận điểm rút ra chưa được công bố trong bất cứ công trình nghiên cứu nào khác.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Khánh', written over a horizontal line.

Nguyễn Ngọc Khánh

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.....	9
1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu	9
1.2. Đánh giá về những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài và hướng nghiên cứu mới của luận án.....	25
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH.....	29
2.1. Kinh tế biển, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và sự cần thiết phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh	29
2.2. Nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh.....	43
2.3. Kinh nghiệm về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở một số địa phương của Việt Nam và bài học cho tỉnh Thái Bình.....	66
Chương 3. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở TỈNH THÁI BÌNH GIAI ĐOẠN 2010 - 2022.....	76
3.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tác động đến phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình	76
3.2. Tình hình thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 - 2022.....	83
3.3. Đánh giá về thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010-2022.....	125
Chương 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045	136
4.1. Tình hình quốc tế, trong nước tác động tới phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2045.....	136
4.2. Quan điểm về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2045	141
4.3. Giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2045	145
KẾT LUẬN.....	172
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN.....	174
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	175

BẢNG CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN	: Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
CNH, HĐH	: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
FDI	: Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	: Tổng thu nhập quốc dân
GRDP	: Tổng thu nhập trên địa bàn của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
HĐND	: Hội đồng nhân dân
HTX	: Hợp tác xã
KT - XH	: Kinh tế - xã hội
NSNN	: Ngân sách Nhà nước
UBND	: Ủy ban nhân dân
UNESCO	: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá Liên Hiệp Quốc

DANH MỤC BẢNG

	Trang
Bảng 3.1. Nhu cầu lao động tại ven biển Thái Bình đến năm 2025	84
Bảng 3.2: Cảng cá, bến cá nằm trong quy hoạch của tỉnh Thái Bình.....	88
Bảng 3.3. Diện tích nuôi trồng thủy sản tỉnh Thái Bình thời kỳ 2010-2020 ..	101
Bảng 3.4. Giá trị sản xuất ngành thủy sản tỉnh Thái Bình, thời kỳ 2010 - 2015 - 2020 (theo giá so sánh 2010).....	103
Bảng 3.5: Vốn đầu tư NSNN cho kinh tế biển ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 - 2020.....	117

DANH MỤC HÌNH

Trang

Hình 3.1. Diện tích nuôi trồng nước mặn, nước lợ và sản lượng thủy sản ở khu vực ven biển Thái Bình.....	99
Hình 3.2. Quy hoạch xây dựng khu kinh tế biển Thái Bình	109
Hình 3.3. Đầu tư của khu vực dân doanh trong nước cho phát triển kinh tế biển ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 - 2015	119

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Kinh tế biển và phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh có vai trò đặc biệt quan trọng đối với kinh tế các quốc gia có biển. Bước vào thế kỷ XXI - “Thế kỷ của đại dương”, các quốc gia có biển đã và đang xây dựng cho mình một chiến lược biển quốc gia với nhiều tham vọng theo hướng “lấy đại dương nuôi đất liền”. Trước xu hướng đó, việc gắn kết giữa phát triển kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng, an ninh trở thành chiến lược phát triển của nhiều quốc gia có biển nói chung, Việt Nam nói riêng. Ngược lại, phát triển kinh tế biển là nền móng vững chắc cho đảm bảo an ninh toàn diện của đất nước cũng như an ninh trên biển bao gồm: an ninh chính trị, kinh tế, tài chính, thương mại, văn hóa - xã hội, môi trường sinh thái; chống diễn biến hòa bình và chiến tranh kinh tế tài chính, chống xâm lược, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Ngược lại, đảm bảo quốc phòng, an ninh vững chắc là điều kiện tiên quyết ổn định cho phát triển kinh tế biển.

Nằm bên bờ vịnh Bắc Bộ, Thái Bình là một trong số 29 tỉnh, thành phố có biển của Việt Nam và là một trong số những trọng điểm của Vành đai kinh tế vịnh Bắc Bộ với nhiều thuận lợi cho việc phát triển kinh tế biển. Đặc biệt, với bãi triều rộng khoảng 25.000 ha với hàng nghìn ha rừng ngập mặn phía ngoài đê biển và hệ thống 3 cồn nổi gần bờ (cồn Vành, cồn Thủ, cồn Đen) tạo nên hệ thống phòng thủ ven biển vững chắc, kết hợp với nuôi thủy hải sản, trồng rừng ngập mặn, du lịch sinh thái. Vì vậy, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua, các lĩnh vực kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình được tăng cường và có nhiều bước chuyển biến đáng kể: Các quy hoạch, kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế biển đã tích hợp một cách chủ động nội dung đảm bảo lồng ghép giữa phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; Bước đầu xây dựng môi trường pháp lý cho phát triển kinh tế biển; Đã xây dựng được một cách có hệ thống

quy hoạch, kế hoạch về huy động nguồn lực; Đã xây dựng chính sách quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, nguồn nước, khoáng sản, rừng ngập mặn; Phòng ngừa, xử lý có hiệu quả các hành vi gây ô nhiễm môi trường, quan tâm đầu tư cho công tác thu gom, tái chế và xử lý chất thải. Bên cạnh đó, phát triển lực lượng sản xuất trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình đã có sự tiến bộ rõ nét; tình hình phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng ven biển chuyển biến khá tích cực; kết cấu hạ tầng đã được tập trung nguồn vốn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu vực ven biển; Kinh tế biển đã có sự thay đổi về cơ cấu ngành nghề theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa, xuất hiện nhiều ngành kinh tế biển gắn với công nghệ - kỹ thuật hiện đại như khai thác dầu khí, công nghiệp đóng tàu, đánh bắt xa bờ, vận tải biển, du lịch biển - đảo và tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn... Việc khai thác nguồn lợi từ biển đã đóng góp quan trọng cho sự phát triển của tỉnh và đất nước. Đồng thời kinh tế biển cũng góp phần quan trọng cho nhiệm vụ giữ gìn quốc phòng, an ninh của địa phương và của cả nước.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, những năm qua, giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh của Thái Bình còn nhiều khó khăn, hạn chế như: Việc cụ thể hoá văn bản pháp luật về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh còn hạn chế; Các chính sách phát triển thủy sản ban hành chưa đồng bộ; Công tác tuyên truyền về vai trò phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh chưa được chú trọng; Chất lượng nhân lực biển còn chưa cao, chưa đồng đều; Đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế biển tại các sở, ban, ngành, địa phương cấp huyện, xã còn thiếu về số lượng, chưa tinh về chất lượng; Cơ cấu ngành nghề thủy sản chưa hợp lý; đa số các cơ sở sản xuất công nghiệp (nằm ngoài khu công nghiệp Tiên Hải) có quy mô nhỏ, sản xuất gia công, lắp ráp, sơ chế, giá trị gia tăng thấp;

Kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản cũng như khu vực vùng ven biển còn yếu kém, chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm; Tình trạng ô nhiễm môi trường, dịch bệnh có chiều hướng tăng. Khai thác hải sản quy mô còn nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh; chủ yếu vẫn là đánh bắt ven bờ, đội tàu đánh bắt xa bờ còn ít, sản lượng khai thác đạt thấp; Chưa làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, hoạt động phát triển kinh tế biển; tình hình an ninh khu vực biên giới biển còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định, nhiều vấn đề gây mất ổn định, trật tự an toàn xã hội, an ninh và năng lực phòng thủ bờ biển chưa được tăng cường đúng mức; tình hình ô nhiễm môi trường biển còn nhiều phức tạp;...

Những tồn tại và bất cập trong giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình nêu trên đã và đang đặt ra những thách thức không chỉ ảnh hưởng đến tiềm năng tăng trưởng kinh tế mà còn ảnh hưởng lớn đến đảm bảo quốc phòng, an ninh của Thái Bình, của vùng Duyên hải Bắc bộ cũng như của cả nước. Với ý nghĩa như vậy, nghiên cứu nhằm tìm ra những giải pháp phù hợp và hiệu quả để phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trở nên cấp thiết và có ý nghĩa quan trọng đối với tỉnh Thái Bình hiện nay.

Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh lựa chọn chủ đề ***“Phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình”*** làm luận án tiến sĩ ngành Kinh tế chính trị với mong muốn góp phần làm rõ hơn mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế biển và nhiệm vụ giữ vững quốc phòng, an ninh; Đề xuất giải pháp để thực hiện hài hoà mối quan hệ này trên địa bàn tỉnh Thái Bình trong bối cảnh mới.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ cơ sở lý luận, kinh nghiệm thực tiễn về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn cấp tỉnh; phân tích,

đánh giá thực trạng phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình; luận án đề xuất quan điểm và giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

(1) Tổng quan tình hình nghiên cứu, làm rõ những khoảng trống nghiên cứu và đề xuất hướng nghiên cứu mới của luận án.

(2) Làm rõ hơn cơ sở lý luận về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên các khía cạnh: khái niệm, vai trò, nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế biển gắn với việc đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đồng thời, phân tích kinh nghiệm thực tiễn về phát triển kinh tế biển gắn với việc đảm bảo quốc phòng, an ninh trong bối cảnh mới ở một số địa phương, rút ra bài học cho tỉnh Thái Bình trong bối cảnh mới.

(3) Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 – 2022 trên hai khía cạnh: Phát triển lực lượng sản xuất trong kinh tế biển và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh chỉ ra kết quả, hạn chế và nguyên nhân.

(4) Đề xuất một số quan điểm và giải pháp chủ yếu góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là nội dung của phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh theo cách tiếp cận của khoa học kinh tế chính trị.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung nghiên cứu:*

(1) Phát triển lực lượng sản xuất trong kinh tế biển bao hàm nhiều nội dung, trong luận án này giới hạn trọng tâm ở các khía cạnh: phát triển nhân lực kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh; phát triển kết cấu hạ tầng trong kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; phát triển khoa học công nghệ và phát triển kinh tế biển ở một số ngành, lĩnh vực chủ yếu gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

(2) Về khía cạnh hoàn thiện quan hệ sản xuất trong việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh, luận án giới hạn ở các khía cạnh cơ bản gồm: phát triển các thành phần kinh tế trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; hoàn thiện thể chế, phương thức tổ chức quản lý phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh thể hiện ở quy hoạch, kế hoạch, công tác về kiểm tra, giám sát và giải quyết quan hệ lợi ích kinh tế - xã hội trong phát triển kinh tế biển.

Khía cạnh quốc phòng, an ninh được tiếp cận gồm bảo đảm trật tự an ninh, an toàn xã hội, an ninh vùng biển, đảm bảo toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ, đảm bảo các quyền chủ quyền và quyền tài phán trên biển thuộc phạm vi địa phương, từ đó đảm bảo sự bền vững của các cấp chính quyền, chế độ chính trị.

- *Về thời gian:* Đề tài tập trung nghiên cứu, đánh giá kết quả giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng, an ninh giai đoạn 2010 - 2022, trên cơ sở đó đề xuất định hướng, giải pháp đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

- *Về không gian:* Đề tài nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển kinh tế biển gắn với với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

4. Cơ sở lý luận của luận án

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin,

tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Luận án cũng đồng thời kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố có liên quan để làm rõ hơn những nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra.

5. Phương pháp nghiên cứu của luận án

Về phương pháp nghiên cứu chung:

Luận án phương pháp nghiên cứu của khoa học kinh tế chính trị là trừu tượng hoá khoa học và phương pháp logic gắn với lịch sử trong phân tích về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Phương pháp tiếp cận này sẽ được sử dụng trong suốt quá trình phân tích, đánh giá cũng như đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình.

Về phương pháp cụ thể:

- Chương 1, tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu nhằm xác định rõ những vấn đề cần tiếp tục bổ sung, phát triển; đồng thời sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh nhằm phân tích, tổng hợp những kết quả, các vấn đề đã được các công trình nghiên cứu làm rõ, rút ra những vấn đề luận án cần tiếp tục bổ sung, phát triển.

- Chương 2, luận án chủ yếu sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, mô tả để tìm ra những nội dung cốt lõi trong cơ sở lý luận phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn cấp tỉnh.

- Chương 3 và chương 4, luận án chủ yếu sử dụng phương pháp thu thập và xử lý số liệu thứ cấp từ các báo cáo, niên giám thống kê, các kết quả tổng kết thực tiễn về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Thái Bình và các địa phương có biển đồng thời kết hợp với phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh để tập trung phân tích kinh nghiệm về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh

và phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh ở tỉnh Thái Bình.

- Chương 4, luận án cũng sử dụng phương pháp dự báo để làm rõ một số xu hướng và yêu cầu mới đặt ra đối với việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; kết hợp với phương pháp so sánh, tổng hợp để đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình.

6. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

Một là, luận án chỉ ra nội hàm phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh gồm: phát triển lực lượng sản xuất kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; hoàn thiện quan hệ sản xuất trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; xây dựng các tiêu chí đánh giá về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh theo hai nhóm nêu trên; đồng thời, chỉ ra những nhân tố ảnh hưởng tới phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh theo cách tiếp cận của ngành Kinh tế chính trị.

Hai là, phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình theo hai nhóm nội dung: phát triển lực lượng sản xuất kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và hoàn thiện quan hệ sản xuất gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh ở tỉnh Thái Bình. Từ đó làm nổi bật thực trạng mối quan hệ giữa việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế biển gắn với thực hiện nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh; chỉ ra được những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 - 2022.

Ba là, đề xuất một số giải pháp chủ yếu để tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh đáp ứng yêu cầu tình hình mới ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

7. Kết cấu của luận án

Luận án gồm: phần mở đầu; 4 chương, 11 tiết; kết luận; danh mục các công trình nghiên cứu của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài luận án; danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1: Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Chương 2: Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn cấp tỉnh

Chương 3: Thực trạng phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh giai đoạn 2010 – 2022

Chương 4: Quan điểm và giải pháp đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2045

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

Phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh là một trong những chủ đề được quan tâm rộng rãi dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau ở trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Liên quan đến chủ đề luận án, có một số công trình nổi bật sau đây:

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến kinh tế biển và vai trò của kinh tế biển

Các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

Nghiên cứu của Gunter Pauli với tiêu đề “*The Blue Economy*” (Kinh tế biển xanh) [100]. Nội dung của nghiên cứu phân tích sâu về vai trò của kinh tế biển dưới góc độ bền vững là nguồn lực và động lực cho phát triển. Nghiên cứu cho thấy việc bảo đảm nguyên vật liệu và điều chỉnh các kế hoạch sản xuất theo kiểu mẫu của tự nhiên sẽ giải quyết được nhiều vấn đề về suy thoái và ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, chính sách kinh tế hiện nay và các mô hình kinh doanh cốt lõi chưa thực sự quan tâm đến những giải pháp tổng hợp. Các mô hình kinh tế tương lai nên tính đến lợi thế chiến lược của những cải tiến dựa vào tự nhiên và vật lý học. Nghiên cứu cũng chỉ ra nỗ lực khai thác tiềm năng đạt tới sự bền vững trong khắp các hệ sinh thái của tự nhiên trong đó có tài nguyên biển.

Wilfred Thomason Grenfell, “*The Harvest of the Sea, A Tale of both sides of Atlantic*”, (Vụ thu hoạch của biển, một câu chuyện của cả hai bờ Đại tây dương) [114]. Trong nghiên cứu này, tác giả tập trung bàn về các ngành nghề liên quan đến biển Đại Tây Dương như khai thác thủy sản, khí tượng thủy văn, trong đó cũng nghiên cứu tác động của ngành nghề này đến đời sống kinh tế - xã hội của ngư dân và những cán bộ làm công việc đo đạc, dự báo thời tiết biển.

James N. Sanchirico, Kathryn A. Cochran, and Peter M. Emerson với nghiên cứu: “*Marine Protected Areas: Economic and Social Implications*” (Các khu vực bảo tồn biển: các hàm ý kinh tế và xã hội) [101]. Đây là nghiên cứu giúp cho người dân, các nhà khoa học, nhà quản lý tài nguyên, và các nhà hoạch định chính sách, người quan tâm đến giá trị kinh tế và xã hội của khu vực bảo tồn biển (MPA) hiểu rõ hơn những lợi ích tiềm năng và chi phí liên quan tới các khu bảo tồn biển. Khẳng định rằng: khu bảo tồn biển chỉ có thể cung cấp bảo vệ cho môi trường sống quan trọng và các di sản văn hóa bảo tồn đa dạng sinh học, chứ không phải là một công cụ để tăng cường khai thác thủy sản. Tác động của việc khai thác đánh bắt quá mức thủy sản luôn có tính hai mặt.

Lee Ki-suk với nghiên cứu “*East Sea in the world maps*” (Biển Đông trên bản đồ thế giới) [107]. Nghiên cứu này phân tích về vị trí, điều kiện tự nhiên của biển Đông trên bản đồ thế giới, phân tích sâu sắc về các vấn đề quan trắc học, sự hình thành các tầng cấu trúc, sinh vật của Biển đông. Đồng thời, nêu bật giá trị kinh tế của các nguồn lực và tiềm năng về giá trị kinh tế của biển Đông, trong đó nêu bật vấn đề vai trò của biển Đông đối với vận tải biển và đường di chuyển hàng hải quốc tế.

Cùng hướng nghiên cứu về vấn đề biển, có công trình nghiên cứu của Stephen Oppenheimer, “*Eden in the East: The Drowned Continent of Southeast Asia*” (Thiên đường ở phía đông: bị che lấp bởi lục địa Đông Nam Á) [111]. Tác giả đã sử dụng các bằng chứng từ dân tộc học, khảo cổ học, hải dương học, những câu chuyện sáng tạo, thần thoại, ngôn ngữ học, và phân tích DNA chỉ ra khu vực Đông Nam Á - không phải là ở vùng Luỡng Hà, nền văn minh nơi đây đã bị phá hủy bởi trận lụt do sự tăng nhanh chóng mực nước biển.

Các nhà hải dương học Trung Quốc trong Dự án “*Biển Đông sâu thẳm*” (South China Sea-Deep) [120] với mục đích thăm dò, khám phá Biển Đông, nơi mà Trung Quốc gọi là Biển Nam Trung Hoa. Trong dự án này, các tác giả

mô tả theo quan điểm của Trung Quốc về những khía cạnh tài nguyên và những yêu sách không có căn cứ của Trung Quốc đối với biển Đông. Bên cạnh đó, các tác giả còn nêu ra những giải pháp để Trung Quốc có thể khẳng định chủ quyền bất hợp pháp của họ tại biển Đông. Những luận điểm trong dự án của Trung Quốc không được quốc tế thừa nhận.

Bộ Quốc phòng Mỹ (BQP Mỹ),”*Chiến lược an ninh biển Châu Á - Thái Bình Dương (APMSS)*” theo yêu cầu của Quốc hội tại Khoản 1259 của Đạo luật trao quyền quốc phòng cho năm tài chính 2015 (bản dịch tiếng Việt) [12]. APMSS cấu trúc gồm ba phần chính: (i) Mục tiêu; (ii) Bối cảnh chiến lược; và (iii) Các biện pháp triển khai. Các nhà nghiên cứu chỉ ra, qua bản chiến lược APMSS thể hiện nỗ lực nhằm tăng cường địa vị của Mỹ và quyết tâm của BQP Mỹ trong việc ngăn chặn các hành động làm thay đổi nguyên trạng của Trung Quốc ở Biển Đông và Hoa Đông. Tuy còn bộc lộ một số hạn chế (như chưa làm rõ sự khác biệt giữa cưỡng ép và xung đột và vạch ra các biện pháp hiệu quả để ngăn chặn chiến lược cưỡng ép của Trung Quốc, chưa xác định được các “ranh giới đỏ” với Trung Quốc như việc đi vào phạm vi 12 hải lý quanh các đảo nhân tạo mà nước này đang bồi đắp) nhưng thời gian tới, Việt Nam có thể khai thác các khía cạnh trong Chiến lược của Mỹ liên quan đến các sáng kiến hợp tác xây dựng năng lực chung của Mỹ ở khu vực, đồng thời trao đổi, chia sẻ để Mỹ có cái nhìn chính xác hơn về tình hình thực tế.

Robert Kaplan trong cuốn sách “*Asia’s Cauldron: the South China Sea and the End of a Stable Asia - Pacific*” (Chảo dầu Châu Á: Biển Đông và sự kết thúc một khu vực Châu Á - Thái Bình Dương ổn định) [109] đã đề cập đến một trong những chủ đề đang được các học giả thế giới quan tâm nhất trong thời gian gần đây: chiến lược cường quốc biển của Trung Quốc trong so sánh với học thuyết cường quốc biển của Alfred Mahan và học thuyết Monroe của Mỹ từ cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Là một chuyên gia địa chính trị, Robert Kaplan đã xuất bản 3 cuốn sách trong vòng 4 năm gần đây liên quan

đến lĩnh vực này. Với phong cách kết hợp giữa phân tích địa chính trị, quan hệ quốc tế với sử và ký đặc trưng, trong cuốn Chảo dầu Châu Á, Kaplan đã vẽ ra một bức tranh toàn cảnh về Biển Đông mà trong đó, mỗi mảng màu tượng trưng cho một quốc gia xung quanh vùng biển này. Lấy tư liệu từ quá trình tự mình ngao du tìm hiểu về các nước ở khu vực, ông đã viết nên những câu chuyện cuốn hút về lịch sử, về cá nhân lãnh đạo tài giỏi và trên hết, về cạnh tranh địa chính trị phức tạp ở Biển Đông hiện nay.

John Hayton có công trình "*Biển Đông: Cuộc chiến Quyền lực ở Châu Á*" [106]. Tác giả cho rằng: tham vọng tìm kiếm bá quyền của Trung Quốc ở Biển Đông cần được nghiên cứu hàng đầu cùng với biến đổi khí hậu, thánh chiến hồi giáo và virus Ebola. Đây là một vấn đề vô cùng nan giải song nó đã trở thành thuốc thử quan trọng cho việc liệu trật tự quốc tế có thể dung hòa lợi ích của một "Trung Quốc đang trỗi dậy" hay không.

Nhóm công trình nghiên cứu của tác giả Việt Nam

Với các tác giả trong nước, *vấn đề kinh tế biển và vai trò của kinh tế biển cũng được quan tâm nghiên cứu*. Tiêu biểu có các nghiên cứu như:

Nguyễn Duy Thiệu công bố nghiên cứu "*Biển trong tư duy và trong văn hóa Việt Nam*" [115]. Tác giả nhấn mạnh vai trò của biển trong tiến trình phòng thủ và bảo vệ đất nước từ trong lịch sử, từ đó cũng nêu lên sự ảnh hưởng của vấn đề biển trong tư duy của người Việt Nam. Theo tác giả, trước đây, trong tư duy của người Việt Nam là đứng trước biển mà chưa thâm nhập vào biển, mặc dù người Việt Nam đã tham gia khai thác biển từ rất lâu đời.

Vũ Hữu San, "*Địa lý biển Đông*" [117]. Trong công trình nghiên cứu tác giả tập trung phân tích cấu trúc, vị trí địa lý của biển Đông và nêu bật các tiềm năng của biển Đông có thể phục vụ hữu ích cho sự phát triển kinh tế xã hội. Nguyễn Đức Hùng "*Một số ý kiến về việc nghiên cứu lịch sử ngành hàng hải và đóng tàu Việt Nam*" [34]. Tác giả đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử ngành hàng hải từ trong quá khứ các triều đại đến hiện nay. Tác giả cũng phân tích

những yếu kém về sự nghiệp phát triển hàng hải của Việt Nam, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm tiếp tục phát triển ngành hàng hải và đóng tàu của Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Dương Danh Huy - Phạm Thu Xuân - Nguyễn Thái Linh - Lê Vĩnh Trương - Lê Minh Phiếu, "*Tranh chấp biển Đông và vai trò của Liên hiệp quốc*" [31]. Trong công trình này, tập thể các tác giả nêu bật vị trí vai trò của biển Đông và những tranh chấp và phạm vi giải quyết tranh chấp thông qua vai trò của Liên hợp quốc, khả năng và điều kiện để các quốc gia giải quyết tranh chấp chủ quyền trên biển thông qua Liên hợp quốc.

Viện Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kỳ yếu Hội thảo khoa học "*Tầm nhìn kinh tế biển và phát triển thủy sản Việt Nam*" [94]. Trong các công trình nghiên cứu, các tác giả đã đi sâu phân tích tiềm năng, tầm nhìn, những giải pháp đã thực hiện và những hạn chế trong cách thức tổ chức phát triển kinh tế biển cũng như ngành thủy sản Việt Nam, nêu ra một số giải pháp nhằm tiếp tục phát triển bền vững ngành thủy sản.

Về thực trạng khai thác tiềm năng kinh tế biển, đảo có khá nhiều các công trình, trong đó đáng quan tâm là: "*Kinh tế biển Việt Nam trong thời đại hội nhập: Cơ hội và các vấn đề*" của Nguyễn Thiết Hùng trình bày trong Hội thảo khoa học "*Tầm nhìn kinh tế biển và phát triển ngành thủy sản Việt Nam*" [35]. Tác giả đã nhấn mạnh, trong điều kiện các nguồn tài nguyên thiên nhiên trên đất liền đang ngày càng cạn kiệt, không gian kinh tế truyền thống trở nên chật chội và bó hẹp, nhiều quốc gia bắt đầu vươn ra biển, biển và hải đảo thành lãnh địa, thành không gian và nguồn lực kinh tế mới, để tìm kiếm, khai phá và đảm bảo các nhu cầu về nguyên, nhiên liệu, năng lượng, thực phẩm và không gian sinh tồn mới trong tương lai. Việt Nam không nằm ngoài xu thế đó, khi mà nguồn tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản, tiềm lực trong đất liền đã và đang bị khai thác, dần cạn kiệt. Do vậy đây là cơ hội nhưng là thách

thức đối với chúng ta. Phạm Huy Tiến, "*Tiềm năng khoáng sản biển Việt Nam và vấn đề khai thác sử dụng*" [61]. Tác giả phân tích sâu tiềm năng khoáng sản biển của Việt Nam và nêu các cách thức khai thác sử dụng khoáng sản biển Việt Nam, trong đó nhấn mạnh: Với vị trí đặc địa và có ý nghĩa chính trị đặc biệt quan trọng, điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên đa dạng phong phú của biển Việt Nam sẽ là những tiềm năng và cơ hội quan trọng trước mắt cũng như lâu dài cho phát triển kinh tế biển để làm giàu. Tuy nhiên, để biến tiềm năng, lợi thế thành hiện thực và phát triển kinh tế biển Việt Nam bền vững đang là những cơ hội song cũng đầy thách thức. Cao Thượng Toàn, "*Then chốt của việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế vùng ven biển là đi sâu cải cách*" [59]. Tác giả đưa ra một số giải pháp đổi mới tư duy trong để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển. Theo tác giả, để khai thác được tiềm năng của biển và thực hiện tốt chiến lược biển thì vấn đề mấu chốt là các cấp các ngành phải nhận thức sâu sắc về vị trí vai trò của biển và tương lai phát triển gắn liền với biển để từ đó có những giải pháp phù hợp. Nguyễn Xuân Thu và Bùi Tất Thắng, "*Phát triển kinh tế biển của Việt Nam - Thực trạng và triển vọng*" [66]. Trong đó các tác giả đánh giá một cách khái quát thực trạng phát triển kinh tế biển Việt Nam và cho rằng, việc phát triển kinh tế biển của Việt Nam trong thời gian qua thiếu một các làm tổng thể, còn manh mún, không thể hiện tư duy liên kết vùng, mạnh tỉnh nào tỉnh đó làm dẫn đến phân tán nguồn lực. Do vậy, Để phát triển kinh tế biển bền vững, đồng thời để thu hút mạnh đầu tư từ nhiều thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia vào đầu tư phát triển kinh tế biển thì Việt Nam cần phải thực hiện một loạt giải pháp, trong đó giải pháp rất cần chú ý là cần đẩy mạnh công tác điều tra, khảo sát, nghiên cứu, củng cố thông tin về tài nguyên và môi trường biển, để hiểu hơn về tài nguyên trên biển cũng như dưới đáy biển để bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái biển; bố trí không gian và phát triển các vùng biển phù hợp với sinh thái của từng vùng; phát triển các ngành kinh tế biển

bền vững; kiểm soát các nguồn ô nhiễm từ đất liền; phòng ngừa ô nhiễm từ các hoạt động trên biển và ô nhiễm xuyên biên giới; phòng chống thiên tai, ứng phó với tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và nước biển dâng sẽ là các nội dung quan trọng của chiến lược biển.

Thu Thảo, "*Môi trường biển: thiếu một chiến lược tổng thể*" [73]. Tác giả đi sâu phân tích hạn chế về chiến lược tổng thể về bảo tồn và phát triển môi trường biển từ đó nuôi dưỡng sự phát triển lâu dài, bền vững môi trường biển. Tác giả kiến nghị cần tăng cường sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành Trung ương, địa phương và các nước lân cận, nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng tài nguyên biển, giảm thiểu các xung đột lợi ích; phương thức quản lý tổng hợp, tiếp cận yếu tố sinh thái trong phát triển biển và vùng ven biển đang được nhiều nước trên thế giới áp dụng cũng cần được đưa vào áp dụng ở Việt Nam để phát triển biển bền vững, giữ biển hữu hiệu hơn nữa cho các thế hệ mai sau.

Về cơ bản, những công trình nghiên cứu trên đây đã góp phần nêu lên những thông tin nhiều chiều về kinh tế biển, vai trò của kinh tế biển trong phát triển kinh tế xã hội.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu liên quan đến phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

Nhóm những công trình nghiên cứu của tác giả nước ngoài

Các công trình của các tác giả nước ngoài thể hiện dưới nhiều dạng: báo cáo nghiên cứu, bài nghiên cứu đăng tạp chí, các công trình sách. Tiêu biểu trong số đó gồm các công trình nghiên cứu sau:

Harry B. Harris, Bộ chỉ huy Thái Bình Dương (PACOM) thuộc Hoa Kỳ, học viện Hải quân Hoa Kỳ, "*Mỹ cần thành lập Trung tâm tác chiến quốc tế Biển Đông ở Indonesia*" ("Essay: U.S. Should Consider Establishing a South China Sea International Operations Center in Indonesia"- U.S. Pacific Command (PACOM) commander, Adm. Harry B. Harris, U.S naval Institute ,

2015) [97]. Đây là nghiên cứu về việc Mỹ nên thành lập một trung tâm tác chiến trên biển quốc tế (IMOC) đặt trụ sở ở Indonesia để thể hiện cam kết của hải quân Mỹ đối với châu Á - Thái Bình Dương, theo dõi những diễn biến trên biển ở Biển Đông và Ấn Độ Dương cũng như đóng vai trò là một cơ chế mới để đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Carlyle Thayer - Đại học New South Wales, *“Năng lực trên biển đông, hải quân, cảnh sát biển, kiểm ngư của việt nam”* (“The capacity on the eastern sea, navy, marine police, fishery control of Vietnam” [120]. Bài trình bày của GS. Carlyle Thayer tập trung phân tích vào ba lực lượng trên biển của Việt Nam: Hải quân, cảnh sát biển, kiểm ngư tác động đến kinh tế chính trị của Việt Nam và liên hệ đến sự kiện giàn khoan HD-981.

John C. Baker (Viện Nghiên cứu và Phân tích An ninh Nội địa), *“Hợp tác giám sát bằng vệ tinh ở Biển Đông”* (“Cooperation of satellite monitoring in East Sea” - John C. Baker and Analysis Institute for Homeland Security, 2015) [104]. Nghiên cứu cho thấy: nhờ công nghệ thông tin phát triển nhanh, các công cụ mới hỗ trợ ngăn ngừa và quản lý xung đột ngày càng trở nên phổ biến rộng rãi, giúp tăng cường tính minh bạch trên toàn cầu. Một trong những công nghệ này là một thể hệ các vệ tinh quan sát thương mại và dân sự với chất lượng hình ảnh cao (như GeoEye 1, IKONOS, Pleiades-1, QuickBird, WorldView-2) có thể cho ra dữ liệu hình ảnh để giám sát các diễn biến ở Biển Đông, bao gồm tranh chấp ở quần đảo Trường Sa. Xây dựng một cơ chế hợp tác giám sát bằng vệ tinh, trong đó có sự tham gia của các bên tranh chấp ở Trường Sa lẫn các quốc gia có lợi ích trong việc ngăn chặn xung đột quân sự sẽ không giải quyết được vấn đề tranh chấp chủ quyền, nhưng nó đưa ra một biện pháp giúp tăng cường tính minh bạch trong khu vực và khuyến khích hợp tác giữa các quốc gia có cùng mối quan tâm, chẳng hạn như giám sát môi trường hay phòng chống thiên tai.

Nhóm những công trình nghiên cứu của tác giả Việt Nam

Nguyễn Trường Sơn, “*Liên kết đánh bắt hải sản xa bờ kết hợp với bảo vệ biển, đảo của Tổ quốc, một đòi hỏi bức xúc của các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ*” [53]. Bài viết tập trung bàn về hoạt động kinh tế gắn với biển, đảo của ngư dân các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ. Họ là những người thực hiện việc đánh bắt hải sản xa bờ chủ yếu ở nước ta trong những năm vừa qua. Đặc biệt, vùng duyên hải Nam Trung bộ là địa phận có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, và từ xa xưa, người dân của vùng này đã được giao trọng trách quản lý và bảo vệ hai quần đảo quan trọng này của Tổ quốc. Mai Diệp, Chí Nhân, “*Kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh trong phát triển kinh tế biển ở Khánh Hòa*” [117]. Tác giả tập trung phân tích thực trạng phát triển kinh tế biển trong cách tiếp cận gắn với quốc phòng, an ninh ở Khánh Hòa. Các tác giả cũng nêu bật một số giải pháp đặc thù ở Khánh Hòa nhằm thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an ninh.

Hội thảo Khoa học Quốc tế lần thứ 4 về Biển Đông với chủ đề “*Biển Đông: Hợp tác vì An ninh và Phát triển trong Khu vực*”, trong đó có bài: “*Biển Đông: Địa chính trị, Lợi ích, Chính sách và Hành động của Các bên liên quan*” [10], trong đó nhấn mạnh vấn đề lợi ích như là trung tâm của các vấn đề phức tạp trên biển hiện nay.

Nguyễn Thành Hữu, “*Phát triển kinh tế biển, tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển đảo*” [38]. Trong bài viết, tác giả chỉ rõ, Biển, đảo là bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ quốc gia, có vị trí, vai trò to lớn đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam không chỉ là nhiệm vụ thường xuyên mà còn là vấn đề mang tính cấp bách hiện nay. Việt Nam là một quốc gia ven biển và có lợi thế về biển. Vì vậy, phát triển kinh tế biển không chỉ là nhu cầu tất yếu của đất nước mà còn là xu thế chung của cộng đồng quốc tế. Nội dung, yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ, giữ vững chủ quyền của Việt Nam trên

biển đòi hỏi trước mắt là đấu tranh làm thất bại hành động xâm phạm của các thế lực thù địch; đồng thời tiếp tục kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế biển với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân trên biển. Phát triển kinh tế biển là cơ sở quan trọng để củng cố quốc phòng, an ninh trên biển; xây dựng và củng cố quốc phòng, an ninh trên biển lại là điều kiện, là tiền đề để phát triển kinh tế biển.

Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng, “*Phát triển kinh tế biển trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế - nhìn từ thực tiễn Hải Phòng*” [84]. Bài báo nhấn mạnh, trong bối cảnh toàn cầu hóa, kinh tế thế giới đang bước vào một giai đoạn phát triển với các thách thức mới: khan hiếm nguyên nhiên liệu, biến đổi khí hậu, an sinh xã hội bị đe dọa, cạnh tranh thị trường, tranh chấp lãnh thổ và xung đột quốc gia thường xuyên và gay gắt hơn bao giờ hết. Một thế giới biến đổi như vậy đòi hỏi cộng đồng thế giới và các quốc gia phải thay đổi tư duy phát triển và công nghệ để giải quyết những thách thức trên.

Vũ Văn Phúc, “*Phát triển kinh tế biển, đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh*” [48]. Trên cơ sở làm rõ những quyết sách chính trị của Đảng có ý nghĩa mang tầm chiến lược, một cách toàn diện, thống nhất, đúng đắn và phù hợp với tình hình hiện nay, tác giả đã tạo niềm tin vững chắc, để chúng ta tiếp tục hành động chủ động và mạnh mẽ hướng tới tương lai, tác giả đã phân tích những tiềm năng, chỉ ra những thách thức trong quá trình phát triển kinh tế biển, đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Từ đó, đề xuất một số giải pháp khắc phục như phải đổi mới tư duy, nhận thức về kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh, phải làm tốt công tác quy hoạch để chủ động, phải có cơ chế phối hợp tổng thể và cuối cùng phải giải quyết hiệu quả chính sách an sinh xã hội.

Nguyễn Văn Hiến, “*Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc và những vấn đề đặt ra*” [36]. Bài

báo chỉ rõ nhận thức về vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh của các vùng biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng và Nhà nước ta đã sớm quan tâm tới việc quản lý, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giải quyết tranh chấp trên biển và phát triển kinh tế biển. Tuy nhiên, nhìn nhận một cách nghiêm khắc, hiện nay, còn nhiều cấp, ngành, địa phương và lực lượng hoạt động trên biển chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò chiến lược của biển trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công tác nghiên cứu và hiểu biết về biển còn sơ sài, chưa có chiến lược lâu dài ở tầm quốc gia để định hướng công tác khai thác, quản lý, bảo vệ vùng biển một cách thống nhất, đúng trọng điểm. Kết cấu hạ tầng vùng ven biển, hải đảo thiếu thốn và lạc hậu. Sự phát triển kinh tế biển ở nhiều địa phương và một số ngành chủ yếu chạy theo nhu cầu thị trường, chưa thực sự gắn kết giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, lợi ích quốc gia trên biển. Vấn đề phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai từ hướng biển đang là khó khăn lớn của Việt Nam. Việc xây dựng lực lượng để quản lý, bảo vệ chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển, đảo, đặc biệt là Hải quân chưa được tăng cường đúng mức, khả năng sẵn sàng đáp trả các hành động xâm phạm chủ quyền vùng biển, đảo của Tổ quốc còn nhiều hạn chế. Tình hình đó đòi hỏi chúng ta phải thay đổi cách nhìn, cách nghĩ, phải nhanh chóng tiến ra biển; xây dựng được một nền kinh tế biển mạnh, một nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trên biển đủ mạnh. Chỉ có thực hiện được mục tiêu này, chúng ta mới hoàn thành nhiệm vụ đưa Việt Nam trở thành nước văn minh, giàu mạnh, hiện đại, có khả năng tham gia vào đời sống quốc tế với một vị trí xứng đáng; ngăn chặn nguy cơ bị các nước bao vây, tranh giành để sử dụng, khai thác biển của ta vì mục đích của họ.

Bàn về khía cạnh kinh nghiệm thực tiễn về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh có các công trình nghiên cứu như:

Nghiêm Xuân Thành, “*Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố*

quốc phòng, an ninh ở vùng biển, đảo Quân khu 7 trong tình hình mới” [64]. Tác giả nhấn mạnh, thời gian qua, Quân khu 7 đã phối hợp với các tỉnh, thành trên địa bàn thực hiện tốt phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ở vùng biển, đảo. Bước vào thời kỳ mới, Quân khu tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được để góp phần thực hiện thành công “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2030” trên cơ sở tăng cường những giải pháp chủ yếu sau: (i) Thực hiện công tác tuyên truyền sâu rộng về vị trí kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. (ii) Xây dựng lực lượng trên biển; (iii) Tăng cường thế trận quốc phòng, an ninh gắn với phát triển kinh tế; (iv) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Nguyễn Đức Tinh, “*Một số giải pháp kết hợp phát triển kinh tế biển với tăng cường quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo*” [58]. Trong công trình này, tác giả đã tập trung làm rõ 3 nhóm giải pháp góp phần phát triển kinh tế biển với tăng cường quốc phòng, an ninh. (1.) Tăng cường tuyên truyền, giáo dục cho toàn dân về quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước ta về biển, đảo. (2) Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với tăng cường tiềm lực, thế trận quốc phòng, an ninh trên biển, đảo vững mạnh. (3) Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, trước hết là lực lượng Hải quân làm nòng cốt bảo vệ biển, đảo.

Nguyễn Chu Hồi, “*Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm chủ quyền vùng biển quốc gia*” [37]. Trong công trình, tác giả đi sâu đề cập đến vai trò kinh tế của đại dương và biển, các chiến lược gia đều thống nhất nhận định “Đại dương và biển là nơi dự trữ cuối cùng của loài người về lương thực, thực phẩm và các nguồn nguyên nhiên liệu ở thế kỷ 21 và tiếp tới”, đặc biệt khi thế giới đang lâm vào cuộc khủng hoảng thiếu tài nguyên thiên nhiên trên đất liền. Thực tế lịch sử cũng cho thấy những đột phá phát triển mang tầm thế giới hầu như đều bắt nguồn từ những quốc gia có biển và mỗi thời đại phát triển lớn đều gắn kết với đại dương và được định nghĩa bằng biển và đại

duyệt. Theo tác giả, phát triển mạnh kinh tế biển và bảo đảm tốt quốc phòng, an ninh trên vùng biển Tổ quốc cũng đòi hỏi phải huy động tối đa lực lượng lao động của các ngành kinh tế biển mà bản chất của họ rất khác nhau. Trên thực tế, biển chỉ là con đường đi qua của các thủy thủ, là nơi làm việc tập trung dài ngày của công nhân giới hạn trên các dàn khoan dầu khí, là nơi trú chân ngắn ngày của du khách ở ven biển và một số đảo ven bờ, nhưng lại là không gian sống của ngư dân. Phát triển nền kinh tế biển mạnh theo đúng nghĩa đòi hỏi không chỉ giải quyết hoặc chạy theo chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế đơn thuần, mà điều không kém phần quan trọng là giải quyết cho được các vấn đề xã hội bức xúc của người lao động biển nói chung và lao động nghề cá nói riêng, cũng như bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn lợi biển. Khai thác thủy sản đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm và cải thiện sinh kế cho dân cư sống ở vùng ven biển và hải đảo.

Lê Đức Vinh, “*Khánh Hòa phát triển du lịch biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực biên giới biển*” [96]. Trong đó, tác giả cho rằng: vị trí địa lý đã tạo cho Khánh Hòa tiềm năng to lớn để phát triển kinh tế du lịch biển và có vai trò quan trọng trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Do vậy, phát triển du lịch biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới biển vừa là vấn đề lâu dài, vừa là vấn đề cấp bách của tỉnh Khánh Hòa hiện nay. Hiện nay, Khánh Hòa trở thành một trong những trung tâm du lịch trọng điểm, địa bàn an toàn, thu hút số lượng lớn du khách trong và ngoài nước, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh. Những năm qua, công tác kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế du lịch với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới biển được cấp ủy quan tâm, chính quyền và hệ thống các tổ chức vào cuộc nên đã thực hiện tốt sự gắn kết giữa phát triển kinh tế du lịch với đảm bảo quốc phòng an ninh biên giới biển. Trước tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường, việc giải quyết quan hệ giữa lợi ích kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh có ý nghĩa hết sức quan trọng, tác động tới

việc phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo đà tăng trưởng cũng như xây dựng khu vực phòng thủ tinh vững chắc. Tuy nhiên, còn nhiều hạn chế đặt ra. Do vậy, theo tác giả, cần tập trung vào một số giải pháp như: thường xuyên nâng cao nhận thức cho các đối tượng về kết hợp phát triển du lịch biển đảo gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới biển; phát huy vai trò của các lực lượng trong kết hợp phát triển kinh tế du lịch với đảm bảo quốc phòng, an ninh khu vực biên giới biển; thực hiện tốt việc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động du lịch.

Tương tự như vậy, tác giả Lê Viết Chữ với bài: “*Quảng Ngãi phát triển kinh tế biển, đảo gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia*” [16]. Tác giả nêu bật: nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Trung bộ, tỉnh Quảng Ngãi có vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế biển, đảo, tăng cường quốc phòng và an ninh khu vực và cả nước. Quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nghị định của Chính phủ, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tích cực phát triển kinh tế biển, khắc phục khó khăn, tự lực, tự cường đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia. Nhằm nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế biển, tỉnh Ủy Quảng Ngãi đã ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược biển Việt Nam và những nhiệm vụ, giải pháp, kế hoạch thực hiện từng năm. Về kinh tế, đẩy mạnh thực hiện 04 trụ cột kinh tế biển đảo gồm: xây dựng, phát triển khu kinh tế Dung Quất và các đô thị ven biển; phát triển mạnh khai thác, nuôi trồng, chế biến sản phẩm từ biển; khai thác tài nguyên biển; vận tải biển, dịch vụ biển, cảng biển; phát triển du lịch biển và kinh tế hải đảo. Về quốc phòng, an ninh, tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương, trọng tâm là xây dựng khu vực phòng thủ biển, đảo vững chắc, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, nhất là lực lượng thường trực và dân quân tự vệ biển vững mạnh toàn diện làm nòng cốt trong xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Để đạt được mục tiêu đó, tác giả cho rằng, cần nâng cao nhận

thức về nội dung, vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kết hợp phát triển kinh tế biển, đảo với bảo vệ chủ quyền quốc gia cho cán bộ đảng viên; tích cực phát huy nội lực, chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường đồng thời có chính sách thu hút các nguồn đầu tư trong và ngoài nước tạo thế đan xen về thế trận kinh tế và quốc phòng trong phát triển kinh tế biển.

Nguyễn Thế Trầm - Lê Nam Hải công bố bài viết: “*Phát triển kinh tế biển, đảo các tỉnh duyên hải miền Trung gắn với an ninh - quốc phòng*” [69]. Các tác giả nhấn mạnh, thời gian qua, các cấp ủy, chính quyền địa phương các tỉnh duyên hải miền Trung từ Quảng Bình tới Khánh Hòa đã có nhiều chủ trương, biện pháp phát triển kinh tế biển, đảo và đã đạt được một số kết quả nhất định. Giá trị khai thác kinh tế biển, đảo ở các tỉnh này có xu hướng tăng lên. Nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng biển, đảo tăng dần theo các năm. Tốc độ tăng trưởng ở các khu kinh tế, khu công nghiệp ở vùng ven biển các tỉnh bình quân 6%/năm. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển kinh tế biển đảo gắn với an ninh - quốc phòng ở các tỉnh này đến nay còn hạn chế, chưa thực sự có sự phối hợp một cách chặt chẽ hai mục tiêu với nhau. Một trong những vấn đề mấu chốt là các tỉnh nói trên vẫn chưa hoàn thiện chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế biển, đảo gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh mang tính liên tỉnh, liên ngành, liên vùng. Do đó để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế biển đảo gắn với quốc phòng, an ninh ở các tỉnh duyên hải miền Trung, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp như: lãnh đạo các tỉnh, thành phố trong vùng duyên hải miền Trung cần đổi mới tư duy phát triển kinh tế biển, đảo gắn với an ninh - quốc phòng. Bên cạnh đó, cần tăng cường đầu tư xây dựng phát triển các lĩnh vực, các hệ thống kết cấu hạ tầng vùng ven biển, hải đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Vũ Văn Hà, “*Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội*, [29]. Theo tác giả, để góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng

lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn hiện nay, một trong những nội dung quan trọng được khẳng định là: “Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo”. Quan điểm này không chỉ là sự kế thừa kinh nghiệm trong tiến trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc mà còn là bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng ta. Để tiếp tục tăng cường gắn kết chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội, trước mắt theo tác giả cần tập trung chú ý 5 nội dung cơ bản như: đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về cơ sở khách quan và sự cần thiết phải gắn bó giữa các lĩnh vực; tiếp tục điều tra, nghiên cứu, khảo sát làm rõ hơn tiềm năng các nguồn lực để xây dựng quy hoạch, kế hoạch xác thực, phù hợp; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đi liền với thể chế hóa các chủ trương, mục tiêu, chính sách; tiếp tục nghiên cứu dự báo tốt hơn tình hình để tránh bị động bất ngờ về chiến lược; tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng các đơn vị quân đội vừa thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh vừa tham gia giải quyết các nhiệm vụ xã hội, tham gia phát triển kinh tế và xây dựng đời sống văn hóa nơi đóng quân.

Cùng khía cạnh về vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo trong phát triển kinh tế biển, Trần Xuân Hiệp có bài: “*Bộ đội biên phòng Thái Bình bảo vệ chủ quyền vùng biển gắn với phát triển kinh tế ven biển*” [119]. Trong đó, tác giả nêu rõ, để bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế, Đảng ta đã chỉ rõ, phương châm chiến lược, đồng thời cũng là tư tưởng chỉ đạo trong nhiệm vụ này là quản lý, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia phải gắn với xây dựng biên giới vững mạnh về mọi mặt; phát triển kinh tế - xã hội gắn với quản lý, bảo vệ biên giới, xây dựng củng cố thế trận biên phòng toàn dân, gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc ở khu vực biên giới. Đảng uỷ, Bộ chỉ

huy biên phòng tỉnh đã đề ra chủ trương tích cực chỉ đạo và xây dựng kế hoạch triển khai cho toàn lực lượng tham gia phát triển văn hóa, kinh tế, xã hội xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh. Tác giả nhấn mạnh, trong thời gian tới, để tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ tham gia phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền an ninh vùng biển của tỉnh, bộ đội biên phòng tỉnh Thái Bình cần tập trung làm tốt một số nhiệm vụ như: Phát huy tốt vai trò tham mưu cho Bộ tư lệnh bộ đội biên phòng, tỉnh Ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh và phối hợp với các sở ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức thực hiện tốt việc gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quản lý, bảo vệ chủ quyền vùng biển ngay trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn biên giới biển. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ các công trình, dự án đã giao cho bộ đội biên phòng làm chủ đầu tư, chỉ đạo đơn vị tổ chức các hoạt động thiết thực hướng về nhân dân khu vực biên giới biển. Phát huy hiệu quả vai trò của bộ đội biên phòng tỉnh trong việc tham gia xây dựng hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới biển, xây dựng địa bàn vững mạnh toàn diện. Tăng cường xây dựng, củng cố thế trận biên phòng toàn dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân.

Bên cạnh đó, còn nhiều công trình nghiên cứu thể hiện dưới dạng các bài báo đăng tải trên nhiều phương tiện thông tin khác. Những công trình đó cũng có giá trị tham khảo cho quá trình triển khai nghiên cứu của luận án.

1.2. ĐÁNH GIÁ VỀ NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU MỚI CỦA LUẬN ÁN

1.2.1. Những khía cạnh có sự thống nhất của các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Thứ nhất, nhìn chung, trong hầu hết các công trình nghiên cứu của các tác giả Việt Nam cũng như nước ngoài, mặc dù có những cách đặt vấn đề khác nhau song đều có điểm chung là nhấn mạnh vai trò của kinh tế biển đối

với phát triển kinh tế - xã hội. Các công trình đã hệ thống hóa và nêu được những khái niệm về kinh tế biển. Về cơ bản, các khái niệm về kinh tế biển được chỉ ra từ các công trình nghiên cứu đều xuất phát từ thực tiễn phát triển kinh tế biển. Nhiều tác giả nhấn mạnh rằng kinh tế biển là các hoạt động về kinh tế có liên quan trực tiếp hoặc liên quan gián tiếp tới biển. Trong đó, kinh tế biển nếu được hiểu theo nghĩa hẹp thì nó là toàn bộ các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển, nhưng hiểu theo nghĩa rộng thì nó còn bao gồm các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác biển. Tuy không phải diễn ra trên biển nhưng những hoạt động kinh tế này lại nhờ vào yếu tố biển hoặc trực tiếp phục vụ các hoạt động kinh tế biển ở dải đất ven biển.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu đã nêu được một số khía cạnh về kinh tế biển như: kinh tế hàng hải, khai thác tài nguyên biển, khai thác thủy sản, du lịch biển, các hoạt động của các khu kinh tế ven biển và xem đây là những lĩnh vực chủ chốt của kinh tế biển.

Thứ ba, khi đề cập tới phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, các công trình trong nước cũng như nước ngoài xem đó là một mối quan hệ có tính biện chứng. Hầu hết các công trình đề xuất các kiến nghị mang tính giải pháp. Trong đó, để thực hiện được mục tiêu đảm bảo quốc phòng trong phát triển kinh tế biển cần phát huy vai trò của hệ thống chính trị và vai trò tham gia của nhân dân. Các công trình nghiên cứu đều khẳng định rằng, trong điều kiện nguồn lực còn hạn hẹp, việc đầu tư dàn trải sẽ làm phân tán nguồn lực và phát triển kinh tế biển không hiệu quả.

Thứ tư, đa số các công trình nghiên cứu nêu trên đã nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, coi đây là nhiệm vụ có tính chiến lược đối với các địa phương có biển. Các quan điểm có nhiều điểm chung khi cho rằng, cần phát triển ngay từ đầu, nếu không sẽ dẫn tới lãng phí lợi thế phát triển và tạo ra khoảng cách phát triển giữa các địa phương có biển. Quan điểm nêu tập trung vào một số ngành, lĩnh vực dựa trên lợi thế địa phương.

Thứ năm, nhiều công trình của các tác giả Việt Nam đã chỉ ra và khá thống nhất ở chỗ, việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh chịu tác động của nhiều nhân tố khách quan, chủ quan. Tuỳ thuộc vào điều kiện, trình độ phát triển và bối cảnh thế giới mà tác động của các nhân tố khách quan, chủ quan đó đến việc giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng an ninh có khác nhau.

Đây là những khía cạnh có nhiều điểm đã rõ và luận án sẽ kế thừa một cách chọn lọc những điểm khá thống nhất trong nhiều quan điểm để sử dụng trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

1.2.2. Những điểm còn tranh luận và khoảng trống nghiên cứu của các công trình đã tổng quan

Về những điểm còn tranh luận, trong khi đa số các công trình nghiên cứu khá thống nhất ở khía cạnh cần thiết phải có sự gắn kết phát triển kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng, an ninh thì cũng có nhiều quan điểm cho rằng phát triển kinh tế biển không nhất thiết phải đi đôi với vấn đề an ninh, quốc phòng.

Mặt khác, nhiều quan điểm thừa nhận vai trò quan trọng của phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh nhưng vấn đề là tiếp cận ở những lĩnh vực nghiên cứu khác nhau nên được nhìn nhận theo các khía cạnh nội dung khác nhau. Do đó, việc xác định nội hàm của phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh là còn có nhiều điểm chưa có sự thống nhất. Đa số những công trình nghiên cứu về kinh tế biển mới chỉ đề cập được một số khía cạnh làm thế nào để khai thác tiềm năng thế mạnh về biển của Việt Nam mà chưa đi sâu phân tích một cách kỹ lưỡng mối quan hệ giữa phát triển kinh tế biển bền vững gắn với quốc phòng, an ninh trong tình hình mới hiện nay.

Về khoảng trống nghiên cứu, trong hầu hết các công trình nghiên cứu đã công bố có liên quan, vấn đề nội dung, tiêu chí đánh giá về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở một địa phương có biển chưa được đề

cập một cách có hệ thống, chỉnh thể dưới cách tiếp cận của ngành Kinh tế chính trị. Đó là nhìn nhận phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh từ phát triển lực lượng sản xuất cũng như hoàn thiện quan hệ sản xuất. Đây là những vấn đề cần tiếp tục cần được làm rõ để thấy được tính quy luật của phát triển kinh tế biển phải gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Những khía cạnh này sẽ được bàn luận chi tiết hơn trong luận án này.

Với ý nghĩa như vậy, luận án một mặt kế thừa những thành tựu nghiên cứu đã công bố, mặt khác sẽ triển khai nghiên cứu làm rõ hơn nội dung phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Cụ thể:

- Tập trung nghiên cứu làm rõ hơn khung khổ lý thuyết về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn cấp tỉnh, trong đó làm rõ những khái niệm, nội dung và nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn cấp tỉnh.

- Nghiên cứu kinh nghiệm về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

- Phân tích, đánh giá một cách khái quát nhất về thực trạng phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo, quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 - 2022; chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế.

- Đề xuất quan điểm và giải pháp phù hợp nhằm phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 một cách đồng bộ, hệ thống nhằm nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình trong giai đoạn mới.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH TRÊN ĐỊA BÀN CẤP TỈNH

2.1. KINH TẾ BIỂN, PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH VÀ SỰ CẦN THIẾT PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH

2.1.1. Kinh tế biển và vai trò của kinh tế biển biển trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có biển

2.1.1.1. Khái niệm kinh tế biển

Khái niệm kinh tế biển

Hiện nay, có rất nhiều cách quan niệm khác nhau về kinh tế biển. Cụ thể:

Theo tổ chức Hợp tác khu vực trong quản lý môi trường các biển Đông Á, kinh tế biển bao gồm: thương mại theo đường biển; hệ thống các khu kinh tế, khu công nghiệp và các cảng biển; vận tải biển; công nghiệp đóng và sửa chữa tàu biển; khai thác đánh bắt thủy sản; khai thác dầu và khí đốt; du lịch biển và dịch vụ nghỉ dưỡng và các hoạt động phụ trợ khác như hậu cần, giao nhận vận tải, bảo hiểm, đánh giá kiểm định chất lượng tàu biển, tiếp nhiên liệu tại cảng, đào tạo đội ngũ thủy thủ [66].

Ở Việt Nam, trong Định hướng Chiến lược phát triển kinh tế biển và vùng ven biển Việt Nam [8], kinh tế biển được quan niệm như sau: *Một là*, các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển, chủ yếu gồm: Kinh tế Hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển); Hải sản (đánh bắt và nuôi trồng hải sản); Khai thác dầu khí ngoài khơi; Du lịch biển; Làm muối; Dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; Kinh tế đảo. *Hai là*, các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến kinh tế biển, tuy không diễn ra trên biển nhưng những hoạt động kinh tế này là nhờ vào yếu tố biển hoặc trực tiếp phục vụ các hoạt động kinh tế biển bao gồm: Đóng và sửa chữa tàu biển (hoạt động kinh tế này cũng có thể xếp vào kinh tế hàng hải); Công nghiệp chế biến dầu khí; Công nghiệp chế biến thủy

sản, hải sản; Cung cấp dịch vụ biển; Thông tin liên lạc biển; Nghiên cứu khoa học - công nghệ biển; Đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển; Điều tra cơ bản về tài nguyên - môi trường biển. Đây là quan niệm về kinh tế biển theo nghĩa rộng.

Nghiên cứu của Ban Tuyên giáo Trung ương cho rằng: Kinh tế biển được hiểu theo nhiều khía cạnh khác nhau, nhưng có ba lợi ích kinh tế phục vụ con người rõ ràng nhất là vận tải biển, khai thác nguồn tài nguyên phong phú của biển và du lịch, viễn thông [4].

Như vậy, có thể thấy kinh tế biển đã và đang được nhìn nhận, quan niệm dưới nhiều góc độ khác nhau. Điểm chung của các quan niệm thể hiện ở chỗ: đã chỉ ra kinh tế biển bao gồm những hoạt động kinh tế có liên quan đến biển. Ở Việt Nam, kinh tế biển có thể được hiểu theo nghĩa rộng hoặc nghĩa hẹp:

Theo nghĩa hẹp, kinh tế biển bao gồm toàn bộ các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển, chủ yếu gồm: Kinh tế hàng hải (vận tải biển và du lịch cảng biển); Hải sản (đánh bắt và nuôi trồng); Khai thác dầu khí ngoài khơi; Du lịch biển; Làm muối; Dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; Kinh tế đảo.

Theo nghĩa rộng, kinh tế biển bao gồm các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển: Kinh tế hàng hải; Hải sản; Khai thác dầu khí ngoài khơi; Du lịch biển; Làm muối; Dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn; Kinh tế đảo và các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác biển ở dải đất liền ven biển, bao gồm: Đóng và sửa chữa tàu biển; công nghiệp chế biến dầu khí; Công nghiệp chế biến thủy, hải sản; Cung cấp dịch vụ biển; Thông tin liên lạc biển; Nghiên cứu khoa học - công nghệ biển, đào tạo nhân lực phục vụ quản lý kinh tế biển, điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường biển [41].

Với những cách tiếp cận đó, kinh tế biển, hiểu một cách chung nhất, là một lĩnh vực kinh tế bao gồm toàn bộ các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và các hoạt động kinh tế diễn ra trên đất liền nhưng trực tiếp liên quan đến khai thác và sử dụng tài nguyên biển. Trong đó, các hoạt động diễn ra trên biển cụ thể là: Kinh tế hàng hải (vận tải biển và dịch vụ cảng biển); Hải sản (đánh bắt

và nuôi trồng hải sản); Khai thác dầu khí ngoài khơi; Du lịch biển; Làm muối; Dịch vụ tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, và kinh tế đảo có thể coi là quan niệm kinh tế biển theo nghĩa hẹp [35]. Các hoạt động trực tiếp liên quan đến khai thác biển, tuy không phải diễn ra trên biển nhưng những hoạt động kinh tế này diễn ra là nhờ vào yếu tố biển hoặc trực tiếp phục vụ các hoạt động kinh tế biển ở dải đất liền ven biển bao gồm: Đóng và sửa chữa tàu biển (các hoạt động này được xếp chung vào lĩnh vực kinh tế hàng hải); Công nghiệp chế biến dầu, khí; Công nghiệp chế biến thủy hải sản; Cung cấp dịch vụ biển; Thông tin liên lạc (biển); Nghiên cứu khoa học - công nghệ biển, đào tạo nhân lực phát triển kinh tế biển, điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường biển. Có thể coi cách hiểu kinh tế biển bao gồm tất cả các hoạt động kinh tế diễn ra trên biển và các hoạt động kinh tế trực tiếp liên quan đến khai thác biển ở dải đất liền ven biển, giáo dục và khoa học biển, bảo vệ môi trường biển, dịch vụ biển [53].

Ngoài ra, khi xem xét tới kinh tế biển, người ta còn đề cập tới kinh tế vùng ven biển. Đó là toàn bộ các hoạt động ở dải ven biển, có thể tính theo địa bàn ven biển. Trên thế giới, kinh tế biển là tất cả các ngành và nhóm ngành có hoạt động liên quan đến biển. Ở châu Âu, kinh tế biển được hiểu gồm 9 nhóm ngành. Trong đó 6 nhóm ngành diễn ra trên đất liền và 3 nhóm ngành diễn ra trên biển với tổng cộng có 34 ngành 9 nhóm ngành [98].

Trên cơ sở các quan niệm nêu trên, luận án quan niệm về kinh tế biển tiếp cận theo ngành kinh tế chính trị như sau:

Kinh tế biển là một lĩnh vực hoạt động nhằm tìm kiếm lợi ích của con người trong sự thống nhất biện chứng giữa lực lượng sản xuất với quan hệ sản xuất và được biểu hiện ra dưới dạng các quan hệ lợi ích kinh tế diễn ra trên biển và liên quan đến biển.

2.1.1.2. Vai trò của kinh tế biển trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có biển

Trong mối liên hệ với kinh tế - chính trị - xã hội - quốc phòng, an ninh của một địa phương có biển, có thể khái quát kinh tế biển ở một số vai trò điển hình như sau:

Thứ nhất, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế

Kinh tế biển giúp khai thác những tiềm năng tài nguyên lớn để phát triển kinh tế. Các tài nguyên biển được sử dụng để phục vụ các ngành kinh tế biển bao gồm: Tài nguyên thủy hải sản phục vụ ngành thủy sản, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên dầu khí đốt, tài nguyên sinh thái - du lịch, tài nguyên giao thông - vận tải biển... Phát triển kinh tế biển là điều kiện phát triển du lịch - dịch vụ, nhất là du lịch ven biển, hải đảo, tăng cường hợp tác khu vực, quảng bá hình ảnh vùng biển. Cùng với đó, kinh tế biển góp phần thúc đẩy mạnh sự hội nhập của nền kinh tế với thế giới. Các ngành nghề kinh tế biển đòi hỏi sự hợp tác quốc tế cao nhất là trong bối cảnh hiện nay, khi kinh tế biển giữ một vai trò rất quan trọng đối với các quốc gia. Vì vậy, phát triển kinh tế biển đồng nghĩa với phát triển khả năng hợp tác, hội nhập quốc tế, từ đó, tận dụng khoa học kỹ thuật, vốn đầu tư, công nghệ hiện đại, hợp tác quốc phòng, an ninh trên biển, giao lưu thương mại, đầu tư, hội nhập thông qua hệ thống cảng biển. Khi bàn đến hoạt động giao lưu đường biển, người ta thường chú ý nhiều ở lĩnh vực buôn bán, trao đổi hàng hóa mà ít quan tâm đến một hệ quả vô cùng quan trọng bởi sự giao lưu này sẽ dẫn đến hình thành các khu công nghiệp tập trung hoặc khu kinh tế, các đặc khu kinh tế, các chuỗi đô thị và kéo theo hình thành các lĩnh vực dịch vụ và làm biến đổi trình độ phát triển kinh tế. Đây là nội dung quan trọng của nền kinh tế biển của mỗi quốc gia. [80].

Thứ hai, góp phần thúc đẩy sự phát triển các lĩnh vực xã hội

Các lĩnh vực xã hội được xem xét bao gồm: Giáo dục, y tế, văn hoá và an sinh xã hội. Phát triển kinh tế biển góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập và đào tạo lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao, không chỉ tạo ra việc làm và thu nhập cho lao động các vùng miền khác nhau nâng cao nhận thức của người lao động, tạo động lực cho người lao động phát huy tính sáng tạo nghiên cứu khoa học, công nghệ biển, nâng cao dân trí, hạn chế các

tệ nạn xã hội. Phát triển kinh tế biển góp phần phát triển kết cấu hạ tầng về giáo dục, y tế, công cộng có tác động lớn đến xóa nạn mù chữ ở một số vùng kinh tế chưa phát triển, giảm thiểu tỷ lệ hộ nghèo giảm, hệ thống dịch vụ y tế được cải thiện, xây dựng nhiều trường học, bệnh viện đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại các vùng làm ngư nghiệp đặc biệt là các vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo.

Thứ ba, góp phần củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh

Kinh tế biển phát triển góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia. Phát triển kinh tế biển mạnh là làm chủ được vùng biển, làm chủ được chủ quyền biển quốc gia. Phát triển kinh tế biển tạo cơ sở cho đảm bảo an ninh toàn diện của đất nước cũng như an ninh trên biển bao gồm: An ninh chính trị, kinh tế, tài chính, thương mại, văn hóa - xã hội, môi trường sinh thái; Chống diễn biến hòa bình và chiến tranh kinh tế tài chính, chống xâm lược, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Thứ tư, góp phần bảo vệ môi trường

Phát triển kinh tế biển cũng đồng thời phải bảo vệ môi trường. Môi trường có trong sạch thì kinh tế biển mới phát triển, duy trì và ổn định dài lâu. Đó cũng là thách thức cho sự phát triển của kinh tế biển Việt Nam hiện nay. Sự phát triển ồ ạt nhanh chóng của kinh tế biển kéo theo hệ lụy là môi trường đang bị đe dọa. Tuy nhiên, phát triển kinh tế biển cũng là thuận lợi hơn, phát triển có kế hoạch và sự đầu tư cho phát triển môi trường.

Mặc dù vậy, bên cạnh đó, khi đẩy mạnh khai thác dầu khí, phát triển kinh tế hàng hải, nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch biển, xây dựng hệ thống các cảng ven biển, phát triển nhiều khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị ven biển cũng làm suy kiệt các hệ sinh thái và môi trường biển và ven biển. Cạn kiệt tài nguyên, suy thoái các hệ sinh thái, ô nhiễm môi trường biển là những vấn đề lớn cần quan tâm giải quyết trong quá trình tiến ra biển và lớn mạnh từ biển. Muốn kinh tế biển phát triển thì môi trường cũng phải được bảo vệ.

2.1.2. Phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

2.1.2.1. Phát triển kinh tế biển

Hiện nay, vẫn còn nhiều cách tiếp cận khác nhau về phát triển kinh tế biển. Do đó, chưa có sự thống nhất về quan niệm phát triển kinh tế biển. Quan điểm tiếp cận theo góc độ kinh tế phát triển thì phát triển kinh tế biển là sự gia tăng một cách toàn diện kinh tế biển theo chiều hướng tiến bộ bao gồm sự phát triển toàn diện đồng thời của các ngành kinh tế biển với lĩnh vực văn hóa - xã hội tại khu vực ven biển dựa trên một chiến lược phát triển kinh tế biển và phương thức quản lý kinh tế biển một cách hiệu quả [50]. Theo đó, nội dung phát triển kinh tế biển là một trong những nội dung quan trọng trong phát triển kinh tế. Điều đó thể hiện tầm nhìn dài hạn “hướng ra biển” của quốc gia đó nhằm thúc đẩy hoạt động kinh tế biển lên tầm tương xứng với tiềm năng của biển [47]. Các tác giả cho rằng, phát triển kinh tế biển bao hàm việc gia tăng quy mô sản lượng, dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ đồng thời phải bao hàm sự phát triển về xã hội và môi trường bền vững. Về nội dung xã hội thì phát triển xã hội của kinh tế biển là khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng và nguồn lực biển để phát triển mạnh mẽ và toàn diện các lĩnh vực xã hội như phát triển nguồn lao động, phát triển trình độ nguồn nhân lực, giáo dục, y tế, chất lượng sống của người dân, giảm thiểu tệ nạn xã hội, nâng cao dân trí hướng đến một cuộc sống văn minh. Về nội dung môi trường, phát triển kinh tế biển cần chú trọng sử dụng nguồn lực tạo ra từ kinh tế biển nhằm mục đích giảm thiểu suy thoái và ô nhiễm môi trường biển và vùng ven biển. Trong đó, chú trọng phòng ngừa và ngăn chặn ô nhiễm biển kết hợp với xử lý ô nhiễm, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên; tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học, chú trọng sử dụng hợp lý các tài nguyên thiên nhiên và kết hợp phát huy nội lực với tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Cụ thể hơn, có tác giả cho rằng: phát triển kinh tế biển được quan niệm là tổng thể các chủ trương, biện pháp, cách thức mà chủ thể phát triển kinh tế

biển tác động nhằm làm gia tăng về quy mô, số lượng, chất lượng các lĩnh vực kinh tế biển theo hướng tiến bộ, hiện đại; từ đó tạo ra sự tăng trưởng về kinh tế, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, hiệu quả; góp phần nâng cao đời sống vật chất - tinh thần của nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh [46].

Kế thừa một cách có chọn lọc các quan điểm nêu trên, nhất quán với khái niệm về phát triển kinh tế biển của tác giả đã trình bày, trong luận án này, phát triển kinh tế biển ở một địa phương có biển được hiểu như sau:

Phát triển kinh tế biển là quá trình mà các chủ thể liên quan thực hiện tổng hợp các biện pháp để gia tăng quy mô, chất lượng cũng như nâng cao dần trình độ lực lượng sản xuất đi liền với từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất trong lĩnh vực kinh tế biển nhằm tạo ra sự hài hòa lợi ích giữa các chủ thể.

Phát triển kinh tế biển tiếp cận theo góc độ khoa học kinh tế chính trị ở đây được bao hàm những khía cạnh cụ thể sau :

Về chủ thể thực hiện phát triển kinh tế biển: Đó là các cấp chính quyền, doanh nghiệp và người dân. Nghĩa là, việc thực hiện phát triển kinh tế biển không phải là quá trình tự nó, mà là quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động của con người. Các cấp chính quyền bao gồm cả cấp trung ương và các cấp tại địa phương có biển. Phát triển kinh tế biển của một địa phương có biển không phải chỉ do địa phương đảm nhiệm. Có những lĩnh vực hoạt động có những biện pháp phải được thực hiện ở cấp chính quyền quốc gia. Dĩ nhiên, chủ thể thường xuyên, trực tiếp thuộc về các cấp chính quyền địa phương. Nếu như các cấp chính quyền đóng vai trò xây dựng thể chế cho phát triển kinh tế biển thì doanh nghiệp và người dân đóng vai trò là các chủ thể thực hiện trực tiếp các hoạt động kinh tế và xác lập các quan hệ lợi ích kinh tế trên biển và liên quan đến biển. Doanh nghiệp bao hàm nghĩa rộng nhất, tức là của mọi loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Về phương thức phát triển kinh tế biển: Phát triển kinh tế biển trong điều kiện hiện nay trước hết phải dựa trên yêu cầu của thị trường. Do đó, các biện

pháp của các cấp chính quyền, doanh nghiệp, người dân thực hiện phải kết hợp với cơ chế thị trường, tuân thủ các quy luật thị trường, gắn với thị trường.

Về nội dung phát triển kinh tế biển: Phát triển kinh tế biển phải bao hàm phát triển về lực lượng sản xuất cũng như từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất trong kinh tế biển.

Về mục đích phát triển kinh tế biển: Mục đích của phát triển kinh tế biển là khai thác có hiệu quả các tài nguyên, thế mạnh của biển; góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội, xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế; đồng thời hướng tới mục đích sâu xa là hài hòa lợi ích giữa các chủ thể cũng như giữa lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài. Quan hệ lợi ích giữa các chủ thể ở đây bao hàm cả giữa địa phương với quốc gia, giữa các địa phương với nhau và giữa quốc gia với quốc gia trong khai thác biển. Trong đó, để hài hòa được lợi ích, trước hết phải nâng cao được năng suất lao động và sức cạnh tranh của các ngành sản xuất và dịch vụ liên quan đến biển.

2.1.2.2. Quốc phòng, an ninh và đảm bảo quốc phòng, an ninh

Quan niệm về quốc phòng

Quốc phòng là hoạt động xuất hiện cùng với sự ra đời của nhà nước, nhằm tạo ra sức mạnh để bảo vệ đất nước, bao gồm tổng thể các hoạt động: chính trị, quân sự, văn hoá, xã hội, đối nội, đối ngoại của một quốc gia, nhằm mục đích bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tạo môi trường thuận lợi để xây dựng đất nước.

Ở Việt Nam, quốc phòng được hiểu là công cuộc giữ nước của một quốc gia, gồm tổng thể hoạt động đối nội và đối ngoại về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học... của nhà nước và nhân dân để phòng thủ đất nước, tạo nên sức mạnh toàn diện, cân đối, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng, nhằm giữ vững hoà bình, đẩy lùi, ngăn chặn các hoạt động gây chiến của kẻ thù và sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, quy mô, trong đó lực lượng vũ trang làm nòng cốt. Quốc phòng phải kết hợp

chặt chẽ với an ninh để bảo vệ đất nước, bảo vệ chế độ. Quốc phòng, an ninh phải kết hợp chặt chẽ với kinh tế để bảo vệ và xây dựng đất nước. Tổ chức quốc phòng của mỗi nước phụ thuộc trực tiếp vào chế độ chính trị - xã hội, truyền thống dân tộc và hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước.

Quan niệm về an ninh

Nhiều nước quan niệm quốc phòng là một bộ phận của an ninh quốc gia” [4, tr.848]. Trong thời kỳ mới, quốc phòng phải luôn kết hợp chặt chẽ với các lĩnh vực: an ninh, đối ngoại để bảo vệ đất nước, bảo vệ chế độ. Do vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương xây dựng lực lượng và thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng lực lượng và thế trận an ninh nhân dân. Quốc phòng, an ninh phải kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế nói chung, kinh tế biên nói riêng, bảo vệ và xây dựng đất nước.

Theo cách hiểu phổ biến hiện nay ở Việt Nam, an ninh là trạng thái ổn định, an toàn, không có dấu hiệu nguy hiểm đe dọa sự tồn tại và phát triển bình thường của cá nhân, của tổ chức, của từng lĩnh vực hoạt động xã hội hoặc của toàn xã hội. Có an ninh quốc gia, an ninh chính trị, an ninh quân sự, an ninh kinh tế... Duy trì an ninh toàn diện là điều kiện để phát triển xã hội [20]. Ở đây, tập trung vào vấn đề an ninh quốc gia: Đó là trạng thái ổn định vững chắc của chế độ chính trị - xã hội, chủ quyền quốc gia được toàn vẹn. An ninh quốc gia bao gồm: an ninh kinh tế, an ninh chính trị, an ninh quân sự, an ninh văn hoá - tư tưởng và trật tự an toàn xã hội, trong đó an ninh chính trị làm nòng cốt, xuyên suốt trong sự kết hợp chặt chẽ với quốc phòng và công tác đối ngoại; có nước quan niệm an ninh quốc gia bao gồm cả quốc phòng... Bảo vệ an ninh quốc gia được xác định là một nhiệm vụ trọng yếu của mọi quốc gia. Ở Việt Nam, bảo vệ an ninh quốc gia thuộc trách nhiệm của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, trong đó, Công an nhân dân và Quân đội nhân dân là lực lượng nòng cốt [4, tr.26].

Từ phân tích trên cho thấy, quốc phòng và an ninh tuy là những phạm trù khác nhau, nhưng có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó, đan xen, hỗ trợ nhau

trong quá trình gìn giữ hoà bình, đẩy lùi nguy cơ, bảo vệ tổ quốc và chế độ. Vì vậy, trong nghiên cứu, trong chiến lược, chính sách của đất nước, phạm trù quốc phòng và phạm trù an ninh thường gắn với nhau.

Quan niệm về đảm bảo quốc phòng, an ninh

“Đảm bảo” là một khái niệm chỉ điều chắc chắn thực hiện được, thể hiện những điều kiện để thực hiện được, gìn giữ được hay có được những thứ cần thiết.

Vì thế, theo cách tiếp cận của khoa học lý luận quân sự thì đảm bảo quốc phòng, an ninh được hiểu một cách khái quát nhất đó là tổng thể các quá trình, biện pháp của Nhà nước và nhân dân được tiến hành trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm duy trì trạng thái an toàn, ổn định cho chế độ chính trị - xã hội, bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, quá trình đảm bảo quốc phòng, an ninh không phải là công việc riêng của Nhà nước, mà cần phải coi đó là trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của Nhà nước và nhân dân, của các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư. Mọi người dân, mọi thành phần kinh tế và tổ chức kinh tế - xã hội trên đất nước nói chung, ở một số tỉnh biên giới (biển, đất liền) nói riêng đều có nghĩa vụ và quyền lợi cùng với Nhà nước chăm lo đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, đó là một trong những biểu hiện quan trọng của đường lối quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc của Đảng và nhân dân Việt Nam. Đường lối đó đã, đang và sẽ được thực hiện có hiệu quả trên đất nước ta nói chung, ở một số tỉnh biên giới nói riêng trong thời kỳ mới.

Với cách hiểu khái quát về đảm bảo quốc phòng, an ninh như trên đã cho thấy đặc điểm của đảm bảo quốc phòng, an ninh trong giai đoạn hiện nay, trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội, đặc điểm này đã và đang chi phối mạnh mẽ đến phương thức hay cách thức đảm bảo. Trong

điều kiện phát triển kinh tế thị trường, việc đảm bảo quốc phòng, an ninh cần được cân nhắc tính toán cụ thể, vừa đảm bảo lợi ích quốc phòng, an ninh, vừa phải đạt tính hiệu quả cao xét về mặt kinh tế - xã hội. Hơn thế nữa, bên cạnh mặt tích cực của nền kinh tế thị trường, bản thân nó cũng bộc lộ nhiều mặt hạn chế. Đảm bảo quốc phòng, an ninh cần khai thác mặt tích cực và tìm cách khắc phục những mặt hạn chế đó.

Kế thừa quan điểm trên đây, xét dưới góc độ kinh tế chính trị, tác giả cho rằng: Đảm bảo quốc phòng an ninh là hoạt động phản ánh khả năng thực tế của địa phương hay quốc gia sẵn sàng phản ứng một cách chủ động, thắng lợi trước các nguy cơ đe dọa đến độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích kinh tế hợp pháp của đất nước và sự an toàn về con người, trật tự xã hội cũng như bền vững môi trường tự nhiên, văn hóa và thể chế chính trị.

2.1.2.3. Phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

Từ quan niệm về phát triển kinh tế biển, đảm bảo quốc phòng an ninh nêu trên, tác giả luận án cho rằng: *Phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh là quá trình thực hiện một cách có định hướng của các chủ thể liên quan trong lĩnh vực kinh tế biển nhằm tạo ra sự hài hòa lợi ích giữa các chủ thể và tạo ra những tiền đề vật chất và thể chế cho việc duy trì, củng cố trạng thái an toàn, ổn định cho chế độ chính trị - xã hội, bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc.*

Theo đó, nội hàm phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh chính là nhấn mạnh đến sự kết hợp, sự gắn bó, mối quan hệ biện chứng giữa hai yếu tố là phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Nói cách khác, vừa tiến hành song song các hoạt động phát triển kinh tế biển, vừa gắn bó chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh; vừa tìm ra các biện pháp để gia tăng quy mô, chất lượng cũng như nâng cao dần trình độ lực lượng sản xuất đi liền với từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất trong lĩnh vực kinh tế biển nhằm tạo ra sự hài hòa lợi ích giữa các chủ thể vừa phòng

tránh những nguy cơ đe dọa khả năng đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương cũng như quốc gia.

Trong đó chủ thể đề ra chủ trương, đường lối phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, thực hiện quy hoạch, đưa ra các chính sách, văn bản phù hợp để thúc đẩy phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh là Nhà nước; Chủ thể trong các phân ngành kinh tế biển bao gồm: Doanh nghiệp; các HTX; các hội nghề nghiệp; người dân,...; Chủ thể chuyên trách đảm bảo quốc phòng, an ninh gồm: Bộ đội biên phòng; hải quân, cảnh sát biển, công an; lực lượng kiểm ngư.

Như vậy, mọi hoạt động phát triển kinh tế biển mà gây ra những nguy cơ đe dọa đến năng lực đảm bảo quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, sự bền vững của thể chế và chính trị, xói mòn những giá trị tốt đẹp về văn hóa, gây huỷ hoại môi trường là quá trình phát triển kinh tế biển không gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2.1.3. Sự cần thiết gắn phát triển kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở cấp địa phương

Trong bối cảnh phát triển kinh tế biển ngày nay, việc phát triển kinh tế biển cần thiết, tất yếu phải gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh bởi các lý do sau đây:

Thứ nhất, do bản chất mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh

Kinh tế biển cung cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho hoạt động quốc phòng, an ninh. Ph.Ăngghen đã khẳng định: Thất bại hay thắng lợi của chiến tranh đều phụ thuộc vào điều kiện kinh tế. Vì vậy, để xây dựng quốc phòng, an ninh vững mạnh cần xây dựng, phát triển kinh tế, trong đó có kinh tế biển. Đồng thời, phát triển kinh tế biển còn góp phần đắc lực cung cấp số lượng, chất lượng nguồn nhân lực cho quốc phòng, an ninh. Qua đó, quyết định tổ chức biên chế của lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân; quyết định đường lối chiến lược quốc phòng, an ninh quốc gia.

Mặt khác, hoạt động của quốc phòng, an ninh, không chỉ phụ thuộc vào kinh tế biển mà còn tác động ngược trở lại với kinh tế biển trên cả góc độ tích cực và tiêu cực. Bởi vì, quốc phòng, an ninh vững mạnh sẽ tạo môi trường hoà bình, ổn định lâu dài, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế biển. Ngược lại, hoạt động quốc phòng, an ninh tiêu tốn đáng kể một phần nguồn nhân lực, vật lực, tài chính của xã hội. Hoạt động quốc phòng, an ninh còn có thể dẫn đến huỷ hoại môi trường sinh thái biển, để lại hậu quả nặng nề cho kinh tế, nhất là khi bị đe dọa bởi chiến tranh, khủng bố, tham nhũng, tội phạm kinh tế, tội phạm môi trường,... Để hạn chế những tác động tiêu cực này, phát triển kinh tế biển phải gắn chặt với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh trong một chỉnh thể thống nhất [117].

Như vậy, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh là tất yếu khách quan. Mỗi lĩnh vực hoạt động có nội dung, phương thức riêng nhưng lại có sự thống nhất ở mục đích chung, cái này là điều kiện tồn tại của cái kia và ngược lại. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế biển với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là điều kiện tiên quyết để tăng cường tiềm lực an ninh, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Tuy nhiên, việc kết hợp cần phải được thực hiện một cách khoa học, hợp lí, cân đối và hài hoà.

Thứ hai, do yêu cầu của việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ tổ quốc

Đối với thế giới cũng như Việt Nam, việc phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước là những nhiệm vụ không tách rời nhau. Đó là mối quan hệ tất yếu mà mọi quốc gia đều cần quan tâm. Đối với Việt Nam, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế gắn với bảo vệ Tổ quốc còn là nội dung mang tính quy luật trong phát triển đất nước. Vì vậy mà Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam [25, tr.76]. Để hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, điều tiên quyết đặt ra là phải không ngừng

củng cố, tăng cường sức mạnh quốc gia, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên biển. Trong đó, xây dựng thế trận lòng dân, đảm bảo bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc là vấn đề chiến lược, mang tính cấp bách, then chốt. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi tình hình thế giới, tình hình khu vực có nhiều biến động về biển và đảo đang diễn ra gay gắt, gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng - an ninh là rất quan trọng, cần thiết.

Thứ ba, do bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực hiện nay tạo ra các mối đe dọa đối với quốc phòng, an ninh quốc gia

Kinh tế biển là nền kinh tế mở, đòi hỏi sự hợp tác cao giữa các quốc gia trên thế giới. Do vậy, sự phát triển của kinh tế biển tại các địa phương liên quan chặt chẽ tới sự giao lưu hợp tác quốc tế của đất nước đó. Quan hệ quốc tế đem lại nhiều lợi ích giữa các quốc gia về: nguồn vốn, chuyển giao hợp tác công nghệ biển, phương thức quản lý và thị trường tiêu thụ các sản phẩm từ nền kinh tế biển. Có thể nói hợp tác quốc tế là người mở đường, cầu nối cho các nhân tố phát triển kinh tế biển đã đề cập ở trên.

Trên vùng biển Nam Á bao gồm cả biển Đông, từ năm 1998 đến nay đã liên tục gia tăng các vụ việc mất an ninh và xung đột trên biển, xuất phát từ những lợi ích khác nhau của mỗi quốc gia [101]. Tình hình biển Đông hiện nay cũng đang căng thẳng, phức tạp, và có lẽ, sẽ còn tiếp tục căng thẳng, phức tạp, khó lường. Việc Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan Hải Dương 981 trong thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế Việt Nam đã vi phạm nghiêm trọng luật pháp quốc tế, đi ngược các thỏa thuận của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam - Trung Quốc [27].

Trong thời gian tới, trên thế giới, xu hướng hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là chủ đạo, hợp tác kinh tế toàn cầu với nội dung cơ bản là thúc đẩy tự do hóa thương mại, đầu tư, dịch vụ vẫn tiếp tục được đẩy mạnh. Tuy nhiên, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động vẫn không từ bỏ tham vọng bá quyền, trắng trợn can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia

có chủ quyền, chủ nghĩa khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, các thách thức an ninh phi truyền thống vẫn đang tồn tại, do vậy nguy cơ xảy ra chiến tranh cục bộ trên quy mô lớn, nguy cơ gây mất ổn định chính trị - xã hội, cản trở phát triển kinh tế - xã hội đất nước chưa bị loại trừ. Trong bối cảnh đó, việc kết hợp phát triển kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng, an ninh nhằm ở Việt Nam là cần thiết.

Thứ tư, do vị trí, vai trò của phát triển kinh tế biển đối với quốc phòng, an ninh đặt ra yêu cầu xây dựng chiến lược phát triển kinh tế biển của địa phương

Giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ để bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh và bền vững là yêu cầu mang tính quy luật. Bởi vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung, bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm nói riêng hiện nay diễn ra trong bối cảnh tình hình quốc tế đang biến đổi nhanh chóng và phức tạp.

Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, phòng, chống tội phạm là tất yếu khách quan. Mỗi lĩnh vực hoạt động có nội dung, phương thức riêng nhưng lại có sự thống nhất ở mục đích chung, cái này là điều kiện tồn tại của cái kia và ngược lại. Tuy nhiên, việc kết hợp cần phải được thực hiện một cách khoa học, hợp lý, cân đối và hài hoà.

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở CẤP TỈNH

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh

2.2.1.1. Phát triển lực lượng sản xuất kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh

* *Phát triển nhân lực kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh*
Phát triển nhân lực kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh là

quá trình thúc đẩy sự gia tăng quy mô và nâng cao chất lượng nhân lực lao động và quản lý trong lĩnh vực kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Nghĩa là, vừa phát triển nhân lực, vừa gắn sự phát triển nhân lực đó trong mối liên hệ với khả năng sẵn sàng về lực lượng nhân lực tham gia đảm nhiệm nhiệm vụ quốc phòng hoặc đảm bảo thể trận an ninh nhân dân trong phát triển kinh tế biển.

Nhân lực là bộ phận có vai trò đặc biệt quan trọng trong lực lượng sản xuất, đặc biệt là bộ phận nhân lực quản lý (bao hàm cả nhân lực quản lý nhà nước cũng như quản trị doanh nghiệp). Việc phát triển nhân lực kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh là quá trình tăng quy mô đi liền với cải thiện cơ cấu nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển. Trong đó, điều này bao hàm tính định hướng đảm bảo bộ phận nhân lực có thể đảm nhiệm nhiệm vụ quốc phòng an ninh hoặc đặt quá trình lao động của nhân lực vào trong tổng thể quan hệ với phát triển kinh tế đồng thời gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và sự phù hợp giữa các loại hình hoạt động và quan hệ lợi ích trong kinh tế biển. Biện pháp gia tăng quy mô này có thể thực hiện dưới rất nhiều hình thức như gia tăng quy mô đào tạo nhân lực kinh tế biển, gia tăng quy mô tuyển dụng, thu hút nhân lực hoạt động kinh tế biển. Đi đôi với gia tăng quy mô là nâng cao trình độ lao động, kỹ năng, ý thức kỷ luật và tinh thần lao động văn minh trong các hoạt động kinh tế biển.

Huy động nguồn nhân lực biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh bao gồm một số khâu thực hiện: trước hết cần đánh giá và dự báo đúng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của toàn hệ thống quản lý cấp tỉnh về biển và hải đảo, bao gồm: Cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, các chuyên gia và đội ngũ lao động chuyên ngành kỹ thuật thuộc các lĩnh vực kinh tế biển. Trên cơ sở đó, lập kế hoạch phát triển nhân lực trung hạn và dài hạn, cùng với việc xây dựng cơ chế, chính sách đào tạo gắn với cơ chế cử tuyển để khuyến khích cán bộ khoa học và

quản lý ra công tác tại các hải đảo và vùng ven biển. Khuyến khích việc xây dựng một số cơ sở đào tạo ngành, nghề về biển ở bậc đại học, cao đẳng và dạy nghề tại các thành phố ven biển Việt Nam. Do các đặc thù của biển, công tác phát triển nhân lực quản lý cấp tỉnh về biển cần phải gắn với đào tạo chuyên môn, ra biển và quản lý biển phải “có nghề”. Đồng thời phải đa dạng hóa các hình thức đào tạo phù hợp với từng đối tượng, trong đó cần ưu tiên đào tạo con em ngư dân, người làm nghề biển, đội ngũ người lao động trên biển, đảo và ven biển thông qua “vừa học, vừa làm”, đào tạo qua công việc, tham quan học hỏi, tập huấn kỹ năng và nghiệp vụ, mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, thông qua các hoạt động khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế về biển và hải đảo. Để huy động nhân lực biển đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế cần: đầu tư xây mới, nâng cấp các trường học, cơ sở đào tạo, dạy nghề, cần có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao làm việc. Thường xuyên cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp kinh tế biển để giúp những người đã tốt nghiệp các ngành nghề kinh tế biển trong và ngoài tỉnh có thể dễ dàng tìm kiếm được việc làm, ổn định cuộc sống, đồng thời có chính sách tiền lương hấp dẫn để kích thích nhiều người vào học các ngành nghề kinh tế biển và thu hút nhân tài ở nơi khác đến làm việc trong lĩnh vực kinh tế biển.

** Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh*

Tư liệu lao động trong kinh tế biển theo nghĩa rộng nhất bao gồm hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật cũng như hạ tầng kinh tế xã hội của kinh tế biển. Phát triển tư liệu lao động kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh là quá trình gia tăng quy mô và trình độ của tư liệu lao động của kinh tế biển đi liền với việc đa dạng hóa giá trị sử dụng của tư liệu lao động vừa gắn với mục tiêu phát triển kinh tế đồng thời vừa có định hướng giá trị sử dụng của công trình, kết cấu hạ tầng cho mục đích đảm bảo quốc phòng,

an ninh khi cần thiết. Quá trình đó đi liền với gia tăng quy mô đầu tư và xây dựng các hạng mục kết cấu hạ tầng kinh tế biển có giá trị sử dụng kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Phát triển nâng cấp các công trình biển như cảng biển, kho chứa, công trình đảm bảo hàng hải, bến bãi, hình thành các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, hệ thống nhà xưởng, vật kiến trúc... để phục vụ các hoạt động kinh tế biển đồng thời định hướng giá trị sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh. Đây là hệ thống tư liệu lao động đồ sộ, phức hợp của kinh tế biển. Chẳng hạn, trong phát triển giao thông, bưu chính viễn thông, xây dựng cơ bản cần được tính toán, xem xét cụ thể cả mục tiêu phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh ngay từ khi lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng, sửa chữa nâng cấp các tuyến giao thông, đường bộ, đường sắt, đường không, đường biển, hệ thống kho bãi... trên từng tỉnh, từng hướng chiến lược, tạo nên mạng lưới giao thông liên hoàn ở tất cả các cấp từ xã đến huyện, tỉnh... Trong thời bình, mạng giao thông vận tải chủ yếu phục vụ công cuộc phát triển kinh tế biển các tỉnh, khi chiến tranh xảy ra phục vụ tốt nhất cho vận chuyển vật chất, cơ động lực lượng, phương tiện phục vụ chiến tranh. Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, đẩy mạnh hội nhập quốc tế cả chiều rộng lẫn chiều sâu, đây là lĩnh vực sẽ tiếp tục được phát triển mạnh mẽ, thu hút nhiều vốn, nhân lực, tác động mạnh mẽ đến kinh tế biển và quốc phòng, an ninh. Những công trình được xây dựng cần thúc đẩy phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu kinh tế biển với mục tiêu quốc phòng, an ninh từ trong thiết kế, quy hoạch dự án đầu tư đến quá trình thi công xây dựng. Khi xây dựng công trình, nhất là các công trình trọng điểm trên tuyến biên giới và trên địa bàn từng tỉnh, cần tính đến khả năng tự bảo vệ và được bảo vệ, tính đến khả năng chuyển hoá phục vụ cho các nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh khi có nhu cầu, đặc biệt là khi có chiến tranh xảy ra; cần tính toán đến nhu cầu và nhiệm vụ phòng thủ dân sự, phòng thủ của các tỉnh và các lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn; trong quá trình xây

dựng các khu kinh tế biển cửa khẩu, các đô thị mới cần gắn với các khu vực phòng thủ, coi trọng xây dựng các công trình ngầm trong điều kiện có thể.

Hệ thống kết cấu hạ tầng là một trong những nhân tố quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế biển. Nó cũng chính là yếu tố đảm bảo về điều kiện cho mọi hoạt động trong quá trình phát triển kinh tế biển được thực hiện. kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh bao gồm:

Hạ tầng kinh tế

Hạ tầng giao thông biển: bao gồm có kết cấu hạ tầng giao thông trên bộ ở ven biển (đường bộ, đường sắt, đường không) và kết cấu hạ tầng giao thông biển (cảng biển, luồng lạch, bến bãi). Có thể nói kết cấu hạ tầng giao thông là huyết mạch của nền kinh tế biển nói riêng và của cả nền kinh tế nói chung.

Hạ tầng thông tin, hệ thống điện, hệ thống cấp - thoát nước, hệ thống xử lý chất thải: Là hệ thống kết cấu hạ tầng căn bản phục vụ cho tất cả các ngành, lĩnh vực liên quan tới kinh tế biển từ những ngành trực tiếp trên biển đến những ngành phụ trợ từ đất liền ven biển như công nghiệp đóng tàu, chế biến thủy hải sản, công nghiệp hóa chất.

Các công trình cảnh báo, phòng tránh thiên tai, trung tâm cứu hộ cứu nạn, các khu neo đậu tàu thuyền tránh bão gồm: hệ thống quan trắc, cảnh báo thiên tai; các cơ sở vật chất phục vụ cứu hộ, cứu nạn trên biển; các cơ sở dịch vụ hỗ trợ nghề cá, khu neo đậu tránh bão.

Cơ sở chế biến và thương mại thủy sản như nhà máy chế biến, chợ cá, kho bảo quản thủy sản và các công trình kết cấu hạ tầng thương mại thủy sản khác.

Hệ thống đê cửa sông và đê biển để chống bồi lắng sạt lở, hạn chế hiện tượng sa mạc hóa, đảm bảo thoát lũ và khai thác tổng hợp nguồn nước của từng lưu vực. Xử lý và bảo vệ một số đoạn sông mà dân cư đang sống tập trung ở vùng cửa sông đang bị sạt lở.

Hạ tầng xã hội

Phát triển kết cấu hạ tầng xã hội ven biển và biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh bao gồm các nội dung sau:

Hoàn thiện hạ tầng đô thị, dân sinh là cơ sở hạ tầng phụ trợ bao gồm nhà ở, trường học, y tế, khu giải trí... Mặc dù là các cơ sở hạ tầng phụ trợ nhưng giữ vai trò quan trọng trong phát triển lĩnh vực liên quan dịch vụ biển (du lịch, giải trí), đảm bảo an sinh xã hội và đời sống tinh thần của cư dân khu vực ven biển cũng như những lao động trong các ngành kinh tế biển.

Hoàn thiện hệ thống cấp nước: Quy hoạch hệ thống cấp nước cho nhân dân ven biển, trên các đảo. Giải quyết nhu cầu nước sạch nông thôn bằng biện pháp khoan giếng, đào giếng khơi, xây dựng bể chứa nước mưa, sử dụng nguồn nước mặt qua xử lý, xây dựng các trạm xử lý cấp nước bằng công nghệ trong nước. Sự kết hợp hài hoà giữa cảnh quan tự nhiên với cảnh quan văn hoá - xã hội của biển, vùng ven biển và các hải đảo cùng với điều kiện thuận lợi về vị trí, địa hình của vùng ven biển đã tạo cho du lịch biển có lợi thế phát triển hơn hẳn so với nhiều loại hình du lịch khác trên đất liền.

** Đẩy mạnh đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh*

Việc ứng dụng khoa học công nghệ kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh là quá trình gia tăng quy mô và hiện đại hóa các tư liệu lao động trong kinh tế biển như hệ thống tàu thuyền, phương tiện hàng hải, thông tin liên lạc phục vụ nâng cao giá trị của kinh tế biển đồng thời gia tăng sự đa dạng về giá trị sử dụng của các tư liệu lao động gắn với mục tiêu quốc phòng, an ninh.

Phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ thực chất cũng góp phần phát triển lực lượng sản xuất kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Giải quyết mối quan hệ giữa phát triển khoa học công nghệ kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh có tác động trực tiếp và toàn diện đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, bao

gồm cả kinh tế biển và quốc phòng, an ninh. Động lực đó sẽ được tăng lên khi khoa học và công nghệ của lĩnh vực dân dụng được gắn kết chặt chẽ lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Do đó, việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong lĩnh vực khoa học và công nghệ là yêu cầu khách quan, cấp thiết trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tận dụng tối đa kết cấu vật chất kỹ thuật, phòng thí nghiệm, các kết cấu hạ tầng khác và các nhà khoa học phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đồng thời, triển khai ứng dụng nhanh các thành tựu mới về khoa học và công nghệ nhằm thúc đẩy phát triển cả hai lĩnh vực kinh tế biển và quốc phòng, an ninh.

** Phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong các ngành, các lĩnh vực chủ yếu*

Trước hết, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong ngành công nghiệp. Đây là nội dung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, được quy định bởi vai trò của nền công nghiệp, bao gồm cả công nghiệp dân dụng và công nghiệp quốc phòng đối với sự phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh của mỗi tỉnh. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, làng nghề ở nông thôn. Đồng thời, cần chú trọng khai thác khả năng của công nghiệp phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, tiến tới đẩy mạnh phát triển các ngành, các lĩnh vực và cơ sở công nghiệp mang tính lưỡng dụng cao. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng theo hướng vừa phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh, vừa phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế biển. Tích cực khai thác năng lực của các cơ sở công nghiệp quốc phòng hiện có phục vụ nhu cầu dân sinh và nhu cầu quốc phòng, an ninh. Từng bước đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế quản lý và công nghệ nhằm thực hiện tốt nhất việc lưỡng dụng hoá nền công nghiệp. Tập trung xây dựng một số cơ sở công nghiệp quốc phòng then chốt do quân đội trực tiếp quản lý.

Thứ hai, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong nông, lâm, ngư nghiệp. Đây là một nội dung có ý nghĩa quan trọng, góp

phần đảm bảo cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc giành thắng lợi. Với nội dung phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong nông, lâm, ngư nghiệp, trước hết cần phải có quy hoạch phát triển các vùng lúa, vùng rau, màu, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm; quy hoạch diện tích rừng và phát triển ngư nghiệp, vùng ven biển một cách vững chắc. Đồng thời, cần có chính sách đầu tư khoa học, công nghệ tiên tiến, cung cấp các loại giống và các điều kiện thâm canh tăng năng suất, bảo đảm cho các loại sản phẩm được tạo ra có giá trị kinh tế cao. Gắn bó giữa phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với xây dựng nông thôn mới nhằm làm cho bộ mặt các vùng nông thôn thay đổi một cách cơ bản, làm cho nhân dân các vùng nông thôn trên địa bàn ngày càng thêm gắn bó với đảng bộ và chính quyền địa phương, nâng cao tinh thần đoàn kết gắn bó giữa quân với dân, nâng cao tiềm lực, sức mạnh quốc phòng, an ninh trên địa bàn đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ biên giới, bảo vệ Tổ quốc trên chính quê hương mình.

Trong quá trình phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong nông, lâm, ngư nghiệp, cần lấy hiệu quả phát triển kinh tế gắn với yêu cầu đảm bảo quốc phòng, an ninh làm cơ sở cho những chủ trương phát triển cụ thể của từng vùng, từng địa phương. Trong đó, chú trọng bố trí về ngành nghề, cơ sở kinh tế, lao động, dân cư, hạ tầng, tài nguyên trên từng vùng phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên hướng, từng địa bàn, nhất là những hướng, địa bàn quan trọng, chiến lược vùng biên giới, hải đảo. Chuẩn bị tốt cả về kinh tế biển và quốc phòng, an ninh cho chiến tranh bảo vệ trên địa bàn từng vùng và toàn địa bàn biên giới ngay trong thời bình, làm cho mỗi vùng trở thành một trung tâm kinh tế biển và trở thành phòng tuyến về quốc phòng, an ninh, đủ sức để thực hiện làng giữ làng, huyện giữ huyện, tỉnh giữ tỉnh, cả tuyến biên giới trở thành một pháo đài vững chắc, kiên cường nếu chiến tranh xâm lược xảy ra.

Thứ ba, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong ngành vận tải biển cần được tính toán, xem xét cụ thể cả mục tiêu phát

triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh ngay từ khi lập quy hoạch, kế hoạch xây dựng, sửa chữa nâng cấp các tuyến giao thông, đường bộ, đường sắt, đường không, đường biển, hệ thống kho bãi... trên từng tỉnh, từng hướng chiến lược, tạo nên mạng lưới giao thông liên hoàn ở tất cả các cấp từ xã đến huyện, tỉnh... Trong thời bình, mạng lưới giao thông vận tải chủ yếu phục vụ công cuộc phát triển kinh tế biển các tỉnh, khi chiến tranh xảy ra phục vụ tốt nhất cho vận chuyển vật chất, cơ động lực lượng, phương tiện phục vụ chiến tranh. Trong quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH gắn với phát triển kinh tế tri thức, đẩy mạnh hội nhập quốc tế cả bề rộng lẫn chiều sâu, đây là lĩnh vực sẽ tiếp tục được phát triển mạnh mẽ, thu hút nhiều vốn, nhân lực, tác động mạnh mẽ đến kinh tế biển và quốc phòng, an ninh. Những công trình được xây dựng phải thúc đẩy phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh; gắn kết chặt chẽ giữa mục tiêu kinh tế biển với mục tiêu quốc phòng, an ninh ngay từ đầu; từ trong thiết kế, quy hoạch dự án đầu tư đến quá trình thi công xây dựng. Khi xây dựng công trình, nhất là các công trình trọng điểm trên tuyến biên giới và trên địa bàn từng tỉnh, cần tính đến khả năng tự bảo vệ và được bảo vệ, tính đến khả năng chuyển hoá phục vụ cho các nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh khi có nhu cầu, đặc biệt là khi có chiến tranh xảy ra; phải tính toán đến nhu cầu và nhiệm vụ phòng thủ dân sự, phòng thủ của các tỉnh và các lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn; trong quá trình xây dựng các khu kinh tế biển cửa khẩu, các đô thị mới cần gắn với các khu vực phòng thủ, coi trọng xây dựng các công trình ngầm trong điều kiện có thể.

Thứ tư, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Điều này có tác động trực tiếp và toàn diện đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, bao gồm cả kinh tế biển và quốc phòng, an ninh. Cùng với khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế biển và quốc phòng, an ninh. Động lực đó sẽ được tăng lên khi giáo dục và đào tạo của lĩnh vực dân dụng được gắn kết chặt chẽ lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Do đó, việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo

quốc phòng, an ninh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo là yêu cầu khách quan, cấp thiết trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Thứ năm, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong y tế. Sự gắn kết đó đã trở thành truyền thống, được duy trì thường xuyên cả trong thời bình và thời chiến, không chỉ thiết thực đối với vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, những nơi khó khăn, dân trí thấp mà còn phát huy hiệu quả cả ở địa bàn đô thị. Việc gắn kết thể hiện trước hết ở xây dựng chiến lược phát triển y tế toàn diện, đồng bộ. Bên cạnh việc chú trọng phát triển có chiều sâu các trung tâm y tế chất lượng cao tại các đô thị, cần coi trọng phát triển mạng lưới y tế cộng đồng, chú trọng đầu tư phát triển mạng lưới y tế nông thôn, ưu tiên các vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa. Trong thời bình, các cơ sở y tế có nhiệm vụ chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ nhân dân, sản xuất thuốc chữa bệnh, kết hợp phát triển y học hiện đại với y học cổ truyền tạo tính đa dạng, phong phú trong hoạt động bảo vệ sức khoẻ của nhân dân. Khi chiến tranh xảy ra, các cơ sở y tế có nhiệm vụ chi viện cứu chữa thương, bệnh binh, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang cơ động chiến đấu giành thắng lợi.

Thứ sáu, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế. Nội dung phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh không chỉ chú ý đến hiệu quả quốc phòng, an ninh thuần tuý, mà còn phải chú ý cả hiệu quả kinh tế, đảm bảo đầy đủ đến việc thực hiện các mục tiêu kinh tế, tích cực góp phần thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế biển trong điều kiện có thể, đặc biệt là trong kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế. Kinh tế đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế biển, đảm bảo quốc phòng, an ninh của đất nước. Đó là nguồn ngoại lực, thu hút nguồn vốn lớn với công nghệ cao, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Do đó, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh cần hội nhập quốc tế. Trong quan hệ đối ngoại rộng mở, song phương và đa phương, việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm

bảo quốc phòng, an ninh được biểu hiện tập trung ở sử dụng quan hệ quốc tế và kinh tế đối ngoại phục vụ cho cả nhu cầu phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh: gia tăng đồng minh trong phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời, kịp thời phát hiện, đẩy lùi thách thức “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, nguy cơ chiến tranh, giữ vững ổn định chính trị, chế độ xã hội và nền hoà bình, tạo điều kiện để phát triển đất nước. Muốn vậy, trong đối ngoại và kinh tế đối ngoại, ngay từ mục tiêu, nhiệm vụ đã thể hiện và đòi hỏi khách quan, cấp thiết phải gắn kết chặt chẽ với kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Kinh tế đối ngoại phải gắn kết chặt chẽ với kinh tế, văn hoá, quốc phòng, an ninh để không ngừng tăng cường hợp tác và đấu tranh, mở rộng quan hệ đối tác, hạn chế mặt đối tượng; mở rộng quan hệ hoà bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển với các dân tộc, các tổ chức, khu vực và quốc tế, trước hết là đối với các nước láng giềng như: Trung Quốc, Lào, Campuchia.

2.2.1.2. Hoàn thiện quan hệ sản xuất trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

** Hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh*

Quy hoạch về nội dung kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh chính là nhằm phát huy thế mạnh đặc thù của kinh tế biển đồng thời định hướng huy động, động viên tiềm lực quốc phòng, an ninh khi có tình huống đặt ra. Việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh phải dựa trên tăng cường điều tra cơ bản làm cơ sở cho các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển.

Quy hoạch phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh phải đảm bảo phát triển mạnh kinh tế biển vừa toàn diện, vừa có trọng tâm, trọng điểm với những ngành có lợi thế so sánh để đưa địa phương trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế.

Quy hoạch về nội dung kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh thể

hiện sự kết hợp phát triển kinh tế biển với tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh trên biển, coi trọng đúng mức khía cạnh quốc phòng, an ninh trong hoạch định chiến lược phát triển kinh tế biển. Quy hoạch là sự chính thức hóa các chiến lược quốc phòng, an ninh biển, cụ thể hóa các nội dung chiến lược bằng quy hoạch, kế hoạch, các dự án và bằng pháp luật, chính sách phù hợp với tình hình và trở thành các văn bản pháp quy có hiệu lực thực hiện với mọi cấp, mọi ngành có liên quan.

Gắn quy hoạch phát triển kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng, an ninh đồng thời, cũng chính là đẩy mạnh nghiên cứu sâu hơn về ý đồ chiến lược trên biển của các nước trong khu vực và các đối sách của ta nhằm bảo vệ hữu hiệu chủ quyền trên biển, đảo của địa phương chịu trách nhiệm nói riêng và quốc gia nói chung. Đó cũng chính là quá trình thể hiện sự điều hành chặt chẽ việc xây dựng, bổ sung hoàn thiện cơ chế, quy chế phối hợp, hiệp đồng các lực lượng trong quá trình triển khai chuẩn bị và thực hành dự án phát triển kinh tế và bảo vệ biển.

Muốn phát triển toàn diện, đồng thời có chiều sâu và hiệu quả, bền vững gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, nhất thiết phải làm tốt công tác quy hoạch bảo đảm cho sự phát triển một cách chủ động. Tuy nhiên, trong thực tế, đôi khi vẫn có thể xảy ra tình trạng phân tán, thậm chí khép kín, biệt lập giữa các ngành trong tỉnh, các địa phương, dù hầu như tỉnh ven biển nào cũng định hướng, quy hoạch, phác thảo chương trình, mô hình riêng của mình về xây dựng cảng nước sâu, về nhà máy lọc dầu, về khu công nghiệp. Do đó, việc gắn quy hoạch phát triển kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng, an ninh thể hiện như là vai trò của một trung tâm điều phối chung một cách tổng thể về năng lượng, về đất đai, về dân số, về môi trường, về đối phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Quy hoạch định hướng để không cản trở sức sáng tạo, phát huy năng lực, lợi thế của mỗi ngành, mỗi địa phương.

Đi đôi với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển là *quy hoạch về nội dung xã hội gắn với quốc phòng, an ninh*.

Thực hiện tiến bộ công bằng xã hội là động lực phát triển to lớn vào thúc đẩy phát triển kinh tế hiện nay. Vấn đề dân sinh phải không ngừng được quan tâm, chính quyền địa phương nên có những chính sách phát triển song song có nghĩa là các vấn đề xã hội phải được giải quyết triệt để, đưa ra các chính sách phát triển xã hội về văn hóa, giáo dục, chính trị góp phần ổn định xã hội ổn định, dân trí tăng, năng động, tiếp thu tinh hoa thế giới, nâng cao chất lượng nhân lực. Sự phát triển đồng bộ giữa chính sách kinh tế và xã hội là điều kiện tiên quyết trong sự phát triển của xã hội ở khu vực ven biển. Đẩy mạnh kinh tế biển cũng đồng thời phải có những chính sách phát triển giáo dục - y tế - văn hóa khu vực ven biển và các đảo.

Thực tiễn cho thấy, vấn đề văn hóa, xã hội đã, đang có tác động không nhỏ tới quốc phòng, an ninh và ngày càng có nhiều tình huống về quốc phòng, an ninh phát sinh từ yếu tố văn hóa, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới và trong một bộ phận giới trẻ. Do đó, phải kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế văn hóa, xã hội trong từng chiến lược quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội; chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển đảo. Khắc phục triệt để những sơ hở, thiếu sót trong việc kết hợp kinh tế và quốc phòng, an ninh tại các địa bàn, nhất là địa bàn chiến lược [25, tr.112]. Đó cũng chính là sự khẳng định sức mạnh bảo vệ Tổ quốc là sự hợp thành của nhiều nhân tố, cả lực lượng và thế trận, cả sức mạnh vật chất và sức mạnh tinh thần, trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, cả sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế...

Cùng với quy hoạch về kinh tế - xã hội, cần phải *có quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.*

Quy hoạch sử dụng biển tại các tỉnh thành gắn với môi trường được thực hiện dựa trên 5 nguyên tắc chính, đó là: Bảo vệ, duy trì cấu trúc và chức năng quan trọng của các hệ sinh thái (Quản lý dựa vào hệ sinh thái). Đây là nguyên tắc cốt lõi được ưu tiên xem xét, phân tích và đánh giá trong quá trình lập quy hoạch; liên kết, tích hợp các thành phần, chức năng của biển, thu hút sự tham

gia của các bên liên quan trong quá trình quy hoạch (Quản lý tổng hợp); lập và triển khai liên tiếp các kế hoạch trên cơ sở giám sát, đánh giá, kế thừa và điều chỉnh hợp lý, đảm bảo không xảy ra hậu quả môi trường không thể khắc phục (Quản lý thích ứng và phòng ngừa); tuân thủ đường lối, chính sách và phù hợp với các mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế biển, quốc phòng, an ninh của Việt Nam; tuân thủ pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên liên quan đến biển [1].

** Hoàn thiện kế hoạch phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh*

Trên cơ sở quy hoạch, để hiện thực hóa quy hoạch tổng thể cần phải cụ thể hóa dưới hình thức kế hoạch thực hiện. Các kế hoạch phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh phải cụ thể về lộ trình, cách thức thực hiện, nguồn lực thực hiện.

Về kế hoạch phát triển các hoạt động kinh tế, phải cụ thể hoá phát triển khai thác thủy hải sản với hướng ưu tiên tập trung vừa phát triển kinh tế biển, đảo vừa tham gia bảo vệ chủ quyền an ninh trên vùng biển, trong đó chú trọng mở rộng năng lực đánh bắt, hoàn thiện và mở rộng hệ thống kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá, tạo điều kiện cho ngư dân bám biển dài ngày bằng các chính sách hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ năng lực sản xuất thiết thực. Về kế hoạch nguồn lực phải thể hiện tinh thần đổi mới chính sách đầu tư, trước hết là đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, chính sách tín dụng, hỗ trợ giá cả một cách cụ thể, hiệu quả, để đồng bào diêm dân khắc phục khó khăn, nỗ lực sản xuất. Thông qua kế hoạch mà tăng cường sự gắn bó giữa ngư dân, diêm dân, các tầng lớp cư dân vùng biển với các lực lượng vũ trang, trực tiếp là Bộ đội Biên phòng để giúp nhau sản xuất, nâng cao đời sống văn hóa, tạo dựng thế trận lòng dân vững chắc bảo vệ vùng biển, đảo của Tổ quốc. Cùng với đó, kế hoạch phát triển nhân lực và các lĩnh vực văn hóa - xã hội vùng ven biển, hải đảo; đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển của địa phương cũng rất cần phải chú trọng.

Nội dung kế hoạch và lộ trình thực hiện nội dung môi trường của phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh như: Lập kế hoạch xử lý các cơ sở gây ô nhiễm vùng biển; tổ chức triển khai quan trắc, giám sát tổng hợp tài nguyên và môi trường các khu vực biển theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo, phòng chống thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển và trên các đảo.

** Phát triển các thành phần kinh tế trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh*

Phát triển các thành phần kinh tế là nội dung quan trọng của hoàn thiện quan hệ sản xuất trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh nói riêng và phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh nói chung. Các thành phần kinh tế nằm trong quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, bao gồm: kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, kinh tế nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Cần phát huy tối đa vai trò của các thành phần kinh tế để tạo tiềm lực và động lực thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong đó, cần chú trọng phát triển thành phần kinh tế tư nhân nhanh và đồng đều hơn; đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cần lựa chọn đối tác và quốc gia theo hướng thu hút đầu tư gắn với công nghệ cao và quản lý tiên tiến, mở rộng thị trường, tham gia và cải thiện vị trí trong chuỗi cung ứng, sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu. Điều này sẽ góp phần từng bước nâng cao nội lực của nền kinh tế, khắc phục sự phụ thuộc ngày càng nhiều, thậm chí quá mức vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài cả ở cấp độ địa phương, đồng thời, tránh được những rủi ro về “diễn biến hoà bình” và bạo loạn chính trị, ảnh hưởng đến đảm bảo quốc phòng, an ninh.

** Hoàn thiện công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và hài hoà quan hệ lợi ích kinh tế - xã hội trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh*

Thế chế phát triển kinh tế biển bao gồm rất nhiều khía cạnh, trong đó trước hết là thế chế xác lập quyền sử dụng không gian biển, ven biển. Đó là các thế chế về quyền sử dụng đất, mặt nước, khu vực bãi nổi, cồn, đảo gắn với các chủ thể cụ thể. Để có thể phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh một cách căn cơ, hệ thống thế chế về đất đai, mặt nước, cồn, đảo phải được hoàn thiện. Đây là nội dung của phát triển quan hệ sản xuất trong kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Bên cạnh đó, thế chế về kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh cũng cần phải được hoàn thiện.

Mục đích giám sát là nhằm rà soát, đánh giá sát hệ thống chính sách, pháp luật về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; việc triển khai, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật đối với cá nhân, tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; đặc biệt là xác định trách nhiệm của địa phương và cá nhân liên quan; đề xuất kiến nghị về hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật và những giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Mục đích của đánh giá là xem xét việc thực hiện các chính sách pháp luật về kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đánh giá việc tuân thủ thực hiện chính sách để phát triển khai thác, nuôi trồng, chế biến phát triển tư liệu lao động, giải quyết các quan hệ lợi ích. Xem xét hiệu quả của các chính sách phát triển khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng. Tìm hiểu hạn chế và nguyên nhân của công tác quán triệt, triển khai thực hiện chính sách, pháp luật đối với cá nhân, tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh.

Việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại và xử lý vi phạm pháp

luật về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh cũng là một trong những nội dung sẽ được làm rõ. Từ đó, đề xuất, kiến nghị hoàn thiện chính sách pháp luật và giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương.

2.2.2. Tiêu chí đánh giá về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

Có rất nhiều tiêu chí có thể được sử dụng để đánh giá phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tùy theo cách tiếp cận khác nhau lại có các tiêu chí khác nhau. Theo cách tiếp cận về nội dung phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh với hai nội dung về phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất nêu trên, luận án khái quát một số tiêu chí định tính làm cơ sở cho việc đánh giá về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh ở cấp địa phương như sau:

**** Nhóm tiêu chí đánh giá về phát triển lực lượng sản xuất gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh***

Thứ nhất, nhóm tiêu chí phản ánh phát triển nguồn nhân lực gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Cụ thể là số lượng nhân lực trong tổng lực lượng lao động trong khu vực kinh tế biển bao gồm: nhân lực lao động trên các lĩnh vực ngành nghề kinh tế biển; lực lượng cấu thành thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân. Tiêu chí về chất lượng nhân lực thể hiện ở trình độ chuyên môn, kỹ năng, thái độ làm việc của người lao động; thể hiện ở tri thức về kinh tế biển, phát triển kinh tế biển với đa dạng ngành nghề gắn với bản lĩnh chính trị vững vàng, lòng yêu nước và nhận thức của nhân lực về quốc phòng, an ninh trên biển.

Thứ hai, nhóm tiêu chí phản ánh phát triển tư liệu sản xuất gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tiêu chí này được thể hiện ở số lượng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế biển có tính lưỡng dụng. Tức là số lượng các công trình đã, đang và sẽ đưa vào sử dụng có tính mục đích ngay từ đầu tích

hợp giá trị sử dụng cho phát triển kinh tế đồng thời vừa có thể sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh khi có tình huống xảy ra. Bên cạnh đó, chỉ tiêu về mở rộng quy mô, nâng cao trình độ tư liệu sản xuất của kinh tế biển còn được phản ánh ở chỉ số năng lực khu vực phòng thủ được xây dựng và củng cố, thể trận an ninh lòng dân, an ninh chính trị được giữ vững hay không. Cùng với đó, là các tiêu chí về số lượng các công trình khoa học được đầu tư vừa nhằm mục tiêu phát triển kinh tế biển, vừa nhằm mục đích xây dựng năng lực quốc phòng, năng lực đảm bảo an ninh trong mọi tình huống.

Thứ ba, tiêu chí đo lường mức độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế biển đi liền với việc củng cố thể trận an ninh nhân dân và thể trận quốc phòng toàn dân trên biển vững chắc. Đây là sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế biển với việc sử dụng các điều kiện nguồn lực, tài nguyên biển, khoa học, công nghệ nhằm củng cố thể trận an ninh quốc phòng, được phản ánh qua các chỉ số: (1) Tổng giá trị kinh tế của các sản phẩm dịch vụ từ vùng biển và ven biển (nói cách khác là của tất cả các hoạt động kinh tế biển). Chỉ số này cho phép nhận định được giá trị thực của nền kinh tế biển, cho phép so sánh giữa giá trị kinh tế biển với các vùng, khu vực khác trong cùng một quốc gia hay giữa các quốc gia với nhau; (2) Tổng mức đầu tư trực cho phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Chỉ số này dùng đánh giá tổng giá trị đầu tư của khu vực so với quốc gia và so sánh giá trị đầu tư các khối đầu tư với nhau từ đó có sự đánh giá tương, cân đối hợp lý nguồn vốn đầu tư; (3) Sự đa dạng hóa ngành nghề hay là số các ngành nghề trong khu vực kinh tế biển. Mức độ đa dạng hóa ngành nghề phản ánh sự linh hoạt của một nền kinh tế biển. Càng phụ thuộc vào một ngành nghề thì kinh tế biển càng có nguy cơ kém bền vững cao, đa dạng hóa quá mức không dựa trên tiềm năng và trọng điểm cũng có nguy cơ kém phát triển một cách toàn diện.

*** Nhóm tiêu chí đánh giá về hoàn thiện quan hệ sản xuất trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh**

Thứ nhất, sự rõ ràng trong quan hệ đất đai, quan hệ sử dụng không gian

biên giữa các chủ thể. Quyền và trách nhiệm của các chủ thể được xác lập, phân định tường minh. Việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh đòi hỏi phải giải quyết mối quan hệ giữa đất đai, không gian biển, mặt nước, vị trí các đảo cho phát triển kinh tế song không làm ảnh hưởng tới khả năng phòng thủ và sức mạnh quốc phòng cùng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân khi phát triển kinh tế. Bởi vì, nếu tuyệt đối hóa mục tiêu kinh tế sẽ gây lơ là, mất cảnh giác. Ngược lại, nếu tuyệt đối hóa mục tiêu đảm bảo quốc phòng an ninh lại kìm hãm nguồn lực cho phát triển kinh tế. Vì vậy phải xác định đúng, trúng việc sử dụng nguồn lực đất đai, không gian biển đảo cho phát triển kinh tế gắn trách nhiệm của các chủ thể kinh tế nhưng đồng thời không làm suy yếu tiềm lực quốc phòng, an ninh.

Thứ hai, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh có tính khả thi cả về nội dung quy hoạch cũng như nguồn lực đảm bảo. Việc quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh đòi hỏi phải có tính khả thi. Đồng thời, quy hoạch, kế hoạch phát triển còn phải đảm bảo mục tiêu tăng trưởng từ kinh tế biển đi liền với cải thiện và từng bước thực hiện công bằng xã hội, từ đó củng cố niềm tin của nhân dân vào chế độ chính trị, bảo đảm bền vững môi trường. Tiêu chí này được đánh giá thông qua các chỉ số: tỷ lệ xoá đói giảm nghèo, tỷ lệ được phổ cập giáo dục; trình độ phát triển của văn hoá, y tế và bảo tồn di sản vùng ven biển. Tăng trưởng kinh tế biển gắn với đảm bảo bền vững môi trường biển. Môi trường biển nhìn chung không bị các hoạt động của con người làm ô nhiễm, suy thoái và tổn hại, thể hiện ở: Tỷ lệ sử dụng tài nguyên biển; mật độ dân số biển; nồng độ các chất ô nhiễm biển,...

Thứ ba, sự phát triển đa dạng của các thành phần kinh tế trong phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Sự phong phú, đa dạng của các thành phần kinh tế này cũng thể hiện sự phát triển năng động của khu vực kinh tế biển. Đồng thời, cũng thể hiện mối quan hệ phức tạp hơn trong việc đảm bảo quốc phòng, an ninh nói chung.

Thứ tư, đánh giá mức độ phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh thông qua tổ chức thực hiện hoạt động này và công tác kiểm tra, giám sát, hài hoà lợi ích giữa các chủ thể liên quan. Điều này được thể hiện ở công tác tổ chức thực hiện có minh bạch, sự phối hợp giữa các bên liên quan có nhịp nhàng không? Các hoạt động vi phạm nhiều hay ít, xử lý nghiêm khắc và đúng chưa? Lợi ích của các chủ thể như lợi ích kinh tế, lợi ích chính trị, lợi ích xã hội đã được đảm bảo?...

2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn cấp tỉnh

2.2.3.1. Những yếu tố khách quan

** Bối cảnh thế giới, khu vực*

Trong những năm gần đây, các quốc gia tranh chấp chính xung quanh Biển Đông đã tích cực phát triển lực lượng vũ trang của mình. Theo nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Hòa bình Quốc tế Stockholm (SIPRI) Thụy Điển, trong 5 năm trở lại đây, các quốc gia ven Biển Đông về cơ bản đã đẩy nhanh việc mua sắm vũ khí chủ yếu là tàu ngầm, máy bay chiến đấu, và tên lửa tầm xa. Trong số các nước này, In-đô-nê-xi-a đã nhập vũ khí tăng 49%, Xin-ga-po 146%, và Ma-lai-xi-a là 722%. Ngoài ra, sau cuộc khủng hoảng tài chính, Việt Nam và Thái Lan cũng bắt đầu mua một số lượng lớn vũ khí và trang thiết bị hiện đại. Lý do mọi quốc gia đều tăng cường trang bị vũ khí cho mình là để đối phó với sự gia tăng sức mạnh quân sự của Trung Quốc [27]. Bên cạnh đó, sự can thiệp của các cường quốc lớn ảnh hưởng tới tình hình an ninh quốc phòng trên biển, do đó cũng ảnh hưởng tới phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương.

** Nguồn nhân lực và xu hướng phát triển của khoa học công nghệ biển trên thế giới liên quan đến phát triển kinh tế biển và quốc phòng, an ninh*

Nguồn nhân lực ven biển là yếu tố quan trọng hàng đầu ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế biển. Nguồn nhân lực dồi dào, có chất lượng sẽ cung ứng kịp thời nguồn lao động cho các ngành kinh tế biển. Bên cạnh đó, nguồn lao

động có trình độ cao rất cần thiết trong công việc lập quy hoạch, quản lí việc khai thác, phát triển các ngành kinh tế biển có hiệu quả và bền vững. Ngược lại, việc các đô thị lớn thu hút quá nhiều lực lượng lao động làm cho các vùng biển và ven biển gặp nhiều thách thức trong sự phát triển. Đó là việc thiếu nguồn lao động cả về số lượng lẫn chất lượng dẫn đến các ngành kinh tế biển phát triển bấp bênh, thiếu đồng bộ, chưa bền vững.

Thế kỷ 21 là thế kỷ của nền kinh tế tri thức, là thế kỷ của con người hướng ra biển, vì vậy thế nói nguồn nhân lực là một dạng tài nguyên xã hội vô cùng quan trọng hiện nay và trong tương lai, là một dạng tài nguyên bền vững, không bị giới hạn như các nguồn tài nguyên thông thường khác. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế tri thức và các ngành kinh tế biển là một đòi hỏi tất yếu, là chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho một nền kinh tế biển phát triển mạnh mẽ và bền vững.

Khoa học, công nghệ tiên tiến và nhân lực có kỹ năng là yếu tố quyết định cho sự thành công. Khoa học, công nghệ biển tác động tới lực lượng, trình độ, đẳng cấp, trang bị kỹ thuật cũng như đầu tư phát triển.

** Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa và hội nhập quốc tế*

Kinh tế biển là một nền kinh tế mở, đòi hỏi sự hợp tác cao giữa các quốc gia trên thế giới. Do vậy sự phát triển của kinh tế biển liên quan chặt chẽ tới sự giao lưu hợp tác quốc tế. Quan hệ quốc tế đem lại nhiều lợi ích giữa các quốc gia về: nguồn vốn, chuyên giao hợp tác công nghệ biển, phương thức quản lý và thị trường tiêu thụ các sản phẩm từ nền kinh tế biển. Có thể nói hợp tác quốc tế là người mở đường, cầu nối cho các nhân tố phát triển kinh tế biển đã đề cập ở trên. Bên cạnh xu thế hợp tác trong phát triển kinh tế biển thì một trong những vấn đề quan trọng ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế biển là vấn đề an ninh trên biển. Trong xu thế ngày nay, tầm quan trọng của biển ngày càng được coi trọng cho nên sự tranh chấp trên các vùng biển có xu hướng gia tăng [49]. An ninh trên biển sẽ ảnh hưởng lớn đến ngành giao thông vận tải biển; khai thác thăm dò dầu khí, khoáng sản; đánh bắt thủy hải

sản kéo theo sự ảnh hưởng tới một loạt các ngành công nghiệp phụ trợ: đóng tàu, cảng biển, du lịch biển. Trên các vùng biển liên tục gia tăng các vụ mất an ninh và xung đột trên biển, xuất phát từ những lợi ích của mỗi quốc gia [51]. Do đó, xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa và hội nhập cũng là một trong những nhân tố khách quan tác động trực tiếp tới phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

** Vị trí địa lý tự nhiên của quốc gia và địa phương*

Vị trí chiến lược của các vùng biển ảnh hưởng đến các mặt kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng của các quốc gia có biển. Vị trí này liên quan chặt chẽ đến các tuyến đường hàng hải, thông thương kinh tế giữa các châu lục, khu vực, quốc gia trên thế giới. Vị trí vùng biển, ven biển là “mặt tiền” quan trọng để các quốc gia thông thương, mở cửa với nước ngoài. Mặt khác, nó còn là yếu tố quan trọng trong thu hút đầu tư vì giao thông thuận lợi và gắn liền với các đô thị lớn [26, tr.45]. Đặc điểm vùng biển, ven biển ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế biển thông qua các điều kiện thuận lợi để xây dựng các cảng biển, phát triển giao thông vận tải biển, các nguồn tài nguyên biển như hải sản, khoáng sản. Do đó vị trí địa lý là nhân tố quy định hình thức, cách thức thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

2.2.3.2. Những yếu tố chủ quan

** Chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng an ninh*

Chủ trương, chiến lược, chính sách của các quốc gia sẽ mang đến những cơ hội và thách thức cho sự phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế biển. Các chính sách kinh tế biển liên quan đến việc hình thành cơ cấu ngành kinh tế biển, chính sách đối ngoại, tình hình đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển. Bên cạnh đó là việc giải quyết các vấn đề về xã hội, bảo vệ môi trường, giữ vững an ninh quốc phòng.

Quản lý kinh tế biển có vai trò ảnh hưởng lớn tới sự phát triển của kinh tế biển. Trong những năm gần đây vai trò của công tác quản lý kinh tế biển

ngày càng được chú trọng về cả nghiên cứu và nâng cao năng lực quản lý biển. Ngoài vai trò quản lý chung và định hướng chiến lược của quốc gia thì công tác quản lý kinh tế biển của chính quyền địa phương ngày càng được coi trọng, có vai trò quyết định trong việc phát triển kinh tế biển tại địa phương đó [1, tr.43]. Chính quyền địa phương chính là nơi cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế biển của quốc gia, tùy vào đặc điểm riêng của từng vùng mà từ đó xây dựng các mô hình quản lý và áp dụng các phương pháp quản lý phù hợp. Vai trò của quản lý kinh tế biển của chính quyền địa phương các cấp nhằm đảm bảo phát triển kinh tế biển đảm bảo quốc phòng, an ninh thể hiện trên các điểm chính sau: Đề ra chiến lược, định hướng phát triển kinh tế biển cụ thể tại địa phương, căn cứ vào chiến lược, định hướng đó xây dựng quy hoạch tổng thể và chi tiết cho sự phát triển kinh tế biển; Xây dựng hệ thống pháp lý, quy chế, quy định về phát triển kinh tế biển làm khuôn khổ pháp lý cho các hoạt động phát triển kinh tế biển, đảm bảo quyền lợi của các chủ thể tham gia các hoạt động kinh tế biển; Tạo lập thể chế cho hoạt động kinh tế biển (bao gồm các phương pháp quản lý kinh tế biển, các cơ quan tổ chức phát triển kinh tế biển), giúp cho các hoạt động kinh tế biển diễn ra suôn sẻ và thuận lợi; Thực hiện vai trò kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động kinh tế biển và các hoạt động khác có ảnh hưởng đến sự phát triển của kinh tế biển [1, tr.44]. Từ đó kịp thời nắm bắt tình hình để đưa ra các biện pháp quản lý linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

** Tư duy và tầm nhìn của lãnh đạo về phát triển kinh tế biển và quốc phòng an ninh*

Tư duy, tầm nhìn của lãnh đạo địa phương là một trong những nhân tố chủ quan rất quan trọng tác động tới phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Bởi lẽ, việc phát triển kinh tế biển, như đã được phân tích, đòi hỏi phải giải quyết mối quan hệ với việc đảm bảo năng lực và thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Việc giải quyết này chịu

tác động chi phối bởi tầm nhìn của lãnh đạo. Do đó, tầm nhìn toàn diện, dài hạn, chiến lược sẽ góp phần giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Trái lại tư duy cục bộ, nhiệm kỳ, thiên lệch về kinh tế hoặc quốc phòng đều có thể ảnh hưởng tới phát triển kinh tế biển cũng như khả năng đảm bảo quốc phòng, an ninh.

** Trình độ phát triển của kinh tế - xã hội của địa phương*

Trình độ phát triển kinh tế - xã hội ngày càng cao, khả năng đầu tư cho việc nghiên cứu phát triển về biển càng lớn. Các nước đang phát triển và các nước không có biển cũng đang tìm cách vươn ra biển để hội nhập và phát triển kinh tế. Từ đây cũng có thể đưa ra kết luận, trình độ phát triển kinh tế - xã hội chính là một nhân tố ảnh hưởng trực tiếp tới phát triển kinh tế biển gắn với an ninh quốc phòng.

2.3. KINH NGHIỆM VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở MỘT SỐ ĐỊA PHƯƠNG CỦA VIỆT NAM VÀ BÀI HỌC CHO TỈNH THÁI BÌNH

2.3.1. Kinh nghiệm của một số địa phương về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

2.3.1.1. Kinh nghiệm của một số tỉnh duyên hải miền Trung về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

Các tỉnh duyên hải miền Trung gồm 5 tỉnh và thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung đó là gồm có tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Bình và cuối cùng là thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, khu vực này còn bao gồm cả 4 tỉnh thuộc duyên hải Nam Trung bộ là Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và cả Bình Thuận với tổng diện tích tự nhiên của vùng duyên hải miền trung là 49.409,7 km² chiếm khoảng 14,93% tổng diện tích cả nước. Ngoài ra lãnh thổ của vùng này nằm trải dài ven biển với 1.430 km đường biển hẹp theo chiều ngang do đó chiều dài gấp nhiều lần chiều rộng. Đa số dân cư phân bố trải rộng theo tuyến quốc lộ, nhất là quốc lộ 1A và vùng đồng bằng ven biển.

Thời gian qua, các cấp ủy, chính quyền địa phương các tỉnh duyên hải miền Trung đã có nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế biển, đảo và trên thực tế đã đạt được một số kết quả nhất định. Giá trị khai thác kinh tế biển, đảo ở các tỉnh này ngày càng có xu hướng tăng lên, nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng biển, đảo tăng dần qua các năm [16]. Để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế biển, đảo gắn với quốc phòng, an ninh ở các tỉnh duyên hải miền Trung đã thực hiện đồng bộ các giải pháp như:

Thứ nhất, lãnh đạo các tỉnh, thành phố trong vùng duyên hải miền Trung luôn đổi mới tư duy phát triển kinh tế biển, đảo gắn với quốc phòng, an ninh. Trước hết, các tỉnh đẩy mạnh việc cụ thể hóa các đường lối, chủ trương, nghị quyết, quan điểm, chiến lược, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế biển, đảo gắn với quốc phòng, an ninh thành hành động cụ thể, thiết thực đối với người dân, các cơ quan nhà nước, các loại hình doanh nghiệp, lực lượng bảo vệ an ninh quốc phòng trên địa bàn. Tập trung đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các tỉnh với nhau một cách cụ thể, cùng bàn bạc thống nhất, từ việc xây dựng cho đến tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch khai thác tiềm năng kinh tế biển đảo của mỗi tỉnh cũng như của cả vùng. Từ đó khai thác, sử dụng có hiệu quả các quỹ đất, mặt nước, không gian, hình thành các khu chức năng nòng cốt trong phát triển của vùng gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, tạo động lực thúc đẩy mỗi vùng và cả vùng khai thác tiềm năng, thế mạnh, hạn chế yếu kém, tranh thủ cơ hội, đẩy lùi nguy cơ trong quá trình thực hiện mục tiêu nói trên” [16]. Vai trò của lãnh đạo các tỉnh cũng như các bộ, ngành, các cơ quan liên quan đến việc phát triển kinh tế biển, đảo gắn với quốc phòng, an ninh trên địa bàn được nâng cao. Đồng thời đẩy mạnh phân cấp quản lý gắn trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn, quyền lợi của các tỉnh duyên hải miền Trung trong quá trình thực hiện vấn đề trên. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát quá trình tổ chức thực hiện, uốn nắn sai lệch nhằm đảm bảo đúng chức năng,

nhệm vụ, xác định trách nhiệm cụ thể của mỗi người, mỗi tổ chức, nói đi đôi với làm nhằm thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ quốc phòng, an ninh ở các tỉnh nói trên.

Thứ hai, tăng cường đầu tư xây dựng phát triển các khía cạnh cốt lõi của lực lượng sản xuất kinh tế biển thông qua xây dựng, chỉnh trang, nâng cấp các hệ thống kết cấu hạ tầng vùng ven biển, hải đảo gắn với bảo vệ quốc phòng, an ninh. Các tỉnh duyên hải miền Trung tập trung đầu tư phát triển chủ yếu vào bốn lĩnh vực: Đánh bắt hải sản, đảm bảo phát triển đồng bộ giữa khai thác và chế biến, nuôi trồng hải sản, giữa các cảng cá ở trên đảo và vùng ven biển. Công nghiệp biển (đóng và sửa chữa tàu, cơ khí chế tạo các sản phẩm phục vụ phát triển công nghiệp chế biến hải sản, chế biến sản phẩm từ biển); Phát triển du lịch sinh thái biển, đảo đi đôi với bảo vệ an ninh, an toàn trên biển, đảo vùng ven biển. Đối với các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển trong quá trình đầu tư thì thực hiện mục tiêu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của mỗi tỉnh và của vùng, theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn và bảo đảm phát triển bền vững; Đề ra và thực hiện những điều khoản quy định cụ thể nhiệm vụ bảo vệ an ninh - quốc phòng cho mỗi chủ thể dự án đầu tư cũng như các doanh nghiệp khai thác, phát triển kinh tế biển, đảo, gắn quyền lợi kinh tế với trách nhiệm an ninh - quốc phòng trên địa bàn với các lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh - quốc phòng trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng vùng ven biển, hải đảo. Từ đó, có sự phối hợp một cách chặt chẽ nhằm tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy các loại hình doanh nghiệp đầu tư phát triển kinh tế biển, đảo có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu mới.

Bên cạnh đó, các tỉnh đã thực hiện đẩy mạnh tổ chức chỉ đạo thí điểm xây dựng mô hình phát triển kinh tế biển, đảo gắn với quốc phòng, an ninh, từ đó rút kinh nghiệm phát triển mở rộng diện áp dụng trên toàn vùng. Điều này sẽ tạo ra mối quan hệ bền chặt, lâu dài, nối kết quân - dân, thể hiện sự thống nhất, đồng bộ giữa các mục tiêu: kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng, an

ninh trong quá trình thực hiện các dự án phát triển kinh tế biển; Xây dựng cơ cấu ngành nghề phù hợp nhằm tăng cường phát triển các ngành kinh tế mang tính lưỡng dụng: kinh tế và quốc phòng, an ninh có tính thực thi để đối phó kịp thời với các tình huống bất trắc xảy ra trên biển, đảo vùng ven biển. Trong quá trình xây dựng các mô hình phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an ninh, luôn áp dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật - công nghệ mới, hiện đại để nâng cao tính tiện ích và hiệu quả sử dụng. Để thực hiện mô hình nói trên có hiệu quả, các tỉnh đã quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo dục quốc phòng nâng cao năng lực, trình độ tay nghề, ý thức chính trị, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, công nhân, người dân, cán bộ, chiến sĩ của các lực lượng làm nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh trên biển, các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp và các lực lượng đang làm việc và sinh sống ở vùng ven biển và các hải đảo.

2.3.1.2. Kinh nghiệm của tỉnh Quảng Ninh về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

Quảng Ninh có 10/14 huyện, thị xã, thành phố tiếp giáp với biển, trong đó có 2 huyện đảo là Vân Đồn và Cô Tô. Tổng diện tích các địa phương ven biển và vùng biển, đảo chiếm 72% tổng diện tích toàn tỉnh. Với bờ biển dài khoảng 250km, diện tích mặt biển rộng trên 6.000km², trên 40.000ha bãi triều, 20.000ha eo vịnh và 2.727 hòn đảo lớn, nhỏ..., Quảng Ninh có tiềm năng rất lớn trong phát triển kinh tế biển. Thời gian qua, thực hiện các chỉ đạo của Trung ương về gắn phát triển kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng - an ninh, nhất là Chương trình hành động số 27-CTr/TU, ngày 27/3/2019 thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TU về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, Quảng Ninh đặt mục tiêu đến năm 2030 sẽ trở thành một trong các tỉnh dẫn đầu về phát triển kinh tế biển. Đặc biệt, Kế hoạch số 16/KH-UBND do Tỉnh ban hành ngày 18/01/2022 về phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn 2030 đã đặt mục tiêu

đến năm 2030, du lịch biển đảo của Tỉnh sẽ chiếm tỷ trọng 75-80% ngành du lịch toàn tỉnh với lượng khách đạt trên 28,5 triệu lượt khách, tạo việc làm cho 225.000 lao động với gần 110.000 lao động trực tiếp. Cùng với đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo quy hoạch 6 vùng nuôi, trồng thủy sản tập trung và triển khai hiệu quả các mô hình, dự án về nuôi trồng thủy sản. Nổi bật như các dự án nuôi cá rô phi tập trung tại các huyện Tiên Yên, Đầm Hà, Hải Hà; phát triển nghề nuôi cá lồng bằng vật liệu đảm bảo sóng, gió và thân thiện với môi trường; nuôi cua thương phẩm tại thành phố Cẩm Phả, huyện Tiên Yên; chuyển đổi một số vùng canh tác lúa kém hiệu quả sang nuôi thủy sản...[79].

Bên cạnh đó, UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương thực hiện nghiêm túc việc quản lý nhà nước về hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, ngăn chặn kịp thời các hành vi sử dụng phương tiện khai thác thủy sản mang tính hủy diệt. Các hoạt động xúc tiến đầu tư, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực thủy sản, nhất là những dự án công nghệ cao được đặc biệt quan tâm, đã thu hút được nhiều doanh nghiệp mạnh vào đầu tư sản xuất, như Tập đoàn Việt Úc, BIM... Trong lĩnh vực khai thác thủy sản, tỉnh đặc biệt chú trọng hỗ trợ, tạo điều kiện cho ngư dân chuyển dịch từ khai thác gần bờ ra xa bờ hoặc chuyển đổi sang nuôi, trồng, dịch vụ và du lịch. Ngành thủy sản cũng ghi dấu ấn với sản lượng tăng từ 107.800 tấn năm 2016 tăng lên 144.479 tấn năm 2020. Đến năm 2021, tổng sản lượng khai thác của Quảng Ninh đạt 149.890 tấn (tăng 3,75% so với cùng kỳ, đạt 102,66% so với kế hoạch). Trong đó, sản lượng khai thác đạt 75.279 tấn (tăng 9,1% so với kế hoạch), sản lượng nuôi trồng đạt 74.611 tấn (đạt 96,9% so với kế hoạch). Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2021 đạt 21.300 ha, tăng 0,84% so với cùng kỳ, đạt 100% kế hoạch. Theo giá hiện hành giá trị sản xuất đạt 13.009,59 tỷ đồng, chiếm 52,5% giá trị của toàn ngành [79, tr.78].

Phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh luôn được tỉnh đặc biệt chú trọng. Tỉnh uỷ đã ban hành Chỉ thị số 11-CT/TU (ngày 6-3-

2012) về “Tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá X về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới”; Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn tới năm 2050 sẽ hướng đến mục tiêu 2030 sẽ “Xây dựng, phát triển Quảng Ninh là tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại; là một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu; khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc về quốc phòng, an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.” Như vậy, quá trình thẩm định, thẩm tra các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án về thủy sản đều được tỉnh tiến hành thận trọng, tính toán kỹ để không gây phương hại đến thế trận phòng thủ trên tuyến biển, tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng khu kinh tế biển. Đến nay, nhiều công trình phục vụ phát triển kinh tế biển đã được triển khai xây dựng trên vùng biển, đảo mang lại hiệu quả rõ nét đối với kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh. Nổi bật là các công trình đưa lưới điện quốc gia ra tuyến đảo; hệ thống cầu cảng, dịch vụ hậu cần nghề cá ở Cô Tô, Vân Đồn, Móng Cái...

Quá trình triển khai, các lực lượng chức năng, các địa phương đều chú trọng tuyên truyền, nâng cao nhận thức của ngư dân đối với việc phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã thành lập và duy trì hoạt động thường xuyên, có hiệu quả hàng trăm đầu mối dân quân, tự vệ biển, trong đó nòng cốt là các chủ tàu, thuyền, chủ hộ nuôi trồng thủy sản. Qua thực tiễn hoạt động, lực lượng dân quân, tự vệ biển đã phối hợp với cơ quan chức năng phát hiện, ngăn chặn hàng chục vụ việc liên quan đến an ninh trật tự trên biển. Kết quả đó đã tạo ra thế trận quốc phòng, an ninh nhân dân ngày càng vững chắc, rộng lớn tạo môi trường thuận lợi, ổn định để nhân dân yên tâm phát triển kinh tế nói chung, kinh tế thủy sản nói riêng.

2.3.1.3. Kinh nghiệm của tỉnh Ninh Bình về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành trung ương Đảng về chiến lược biển Việt Nam, tỉnh Ninh Bình đã ban hành kế hoạch số 14/KH-UBND, Tỉnh uỷ có Nghị quyết số 11-NQ/TU về về phát triển bền vững vùng kinh tế ven biển Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022 - 2030. Theo đó, các ngành trong tỉnh Ninh Bình phối hợp với chính quyền cơ sở xây dựng vùng kinh tế biển trọng điểm nhằm khai thác tiềm năng, nâng cao thu nhập, tạo việc làm cho hàng nghìn lao động nông thôn trong huyện. Hiện nay, Ninh Bình có hơn ba nghìn ha nuôi trồng hải sản với hàng nghìn tấn hải sản các loại. Đối với ngành thuỷ hải sản, Ninh Bình có khoảng 6000 ha mặt nước mặn lợ và gần 19000 ha đất mặt nước nội địa có thể phát triển. Năm 2021, riêng đối với vùng nuôi thuỷ sản nước mặn lợ vùng ven biển đã phát triển các đối tượng nuôi có lợi thế như tôm thẻ, tôm sú, ngao, cua xanh, đặc biệt có 38,5 ha tôm siêu thâm canh 3 vụ/năm trong nhà lưới, doanh thu đạt từ 8-10 tỷ đồng/ha. Đã sản xuất được các con giống, đặc biệt sản xuất giống ngao, hào cửa sông do lợi thế về địa hình với số lượng gần 300 trại nuôi. Trung bình hàng năm cung cấp 70 tỷ con ngao giống và 12 tỷ con hào giống ra thị trường.

Các loại hải sản chủ lực là tôm he chân trắng, tôm sú, cá nước lợ và đặc biệt là ngao Kim Sơn đang dần trở thành thương hiệu trên thị trường trong nước. Tính riêng trong thời gian từ năm 2007 đến hết năm 2012, tổng mức đầu tư cho việc quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng tại vùng bãi bồi ven biển Kim Sơn khoảng gần 27 nghìn tỷ đồng; đến năm 2019, mức đầu tư tăng thêm hơn 10 nghìn tỷ. Một số công trình khi đưa vào sử dụng mang lại lợi ích cho nhân dân, đó là đê chắn sóng Bình Minh 1,2,3 rồi dự án thuỷ lợi phục vụ nuôi trồng thuỷ sản. Vì thế, nông dân ven biển Kim Sơn không còn lo sóng biển đánh vào các đầm nuôi thuỷ sản khi mùa mưa bão. Ba xã bãi ngang gồm Kim Trung, Kim Đông, Kim Hải đã chuyển đổi hoàn toàn đất trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thuỷ sản [117]. Trong thời gian vừa qua, nhằm khai thác kinh tế biển hiệu quả, bền vững, huyện thực hiện tốt quy hoạch tổng thể phát

triển kinh tế vùng ven biển đến năm 2030, định hướng đến 2045, Ninh Bình đã xây dựng chiến lược quy hoạch và thu hút nguồn vốn phát triển kinh tế biển gắn với an ninh quốc phòng cụ thể bằng các giải pháp: Tăng cường quản lý, tập trung khai thác có hiệu quả vùng bãi bồi ven biển; thực hiện quy hoạch thủy lợi vùng thủy sản, đã và đang triển khai thực hiện các dự án như: Dự án nâng cấp đê Bình Minh 2 giai đoạn 2; dự án hàn khẩu, nâng cấp đê Bình Minh 3; dự án cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản, hải sản theo hướng công nghiệp vùng bãi bồi ven biển, dự án đường giao thông 6 xã bãi ngang, dự án đường quốc lộ 10, tuyến đường bộ ven biển,... tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nói chung và sản xuất, nuôi trồng, khai thác thủy, hải sản vùng bãi bồi nói riêng.

Về giải pháp cơ chế chính sách, cải cách hành chính: Tập trung nguồn lực tạo đột phá để phát triển kinh tế - xã hội trong đó tập trung 3 khâu then chốt: Quản lý, khai thác và phát triển tài nguyên; đầu tư phát triển, nâng cao chất lượng nhân lực, năng suất lao động, hiệu suất đầu tư. Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng phân cấp, phân quyền. Triển khai sâu rộng chính quyền điện tử để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Thành lập Ban chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển.

2.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Thái Bình về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

Qua nghiên cứu kinh nghiệm của một số địa phương nêu trên, có thể rút ra bài học kinh nghiệm cho phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình ở một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, bài học về sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy các cấp và sự tổ chức thực hiện sáng tạo của chính quyền địa phương. Kinh nghiệm của các tỉnh duyên hải miền Trung cũng như của Ninh Bình hay Quảng Ninh đều cho thấy, việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh nhất quán cần được đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy các cấp từ trong xây dựng chủ trương đến tổ chức thực hiện. Việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh đòi hỏi giải quyết các quan hệ lợi

ích phức tạp, không chỉ là vấn đề đối nội mà còn là vấn đề đối ngoại, không chỉ là vấn đề kinh tế hay quốc phòng mà còn là vấn đề chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của quốc gia. Do đó, bất cứ sai lầm chiến lược nào đều có thể dẫn tới những hậu quả khó lường. Vì vậy, cần có kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghiêm ngặt; đồng thời, cần có sự lãnh đạo chặt chẽ, thường xuyên của cấp ủy các cấp và sự thực hiện sáng tạo của các cấp chính quyền, người dân và doanh nghiệp.

Thứ hai, bài học về huy động nguồn lực đầu tư đồng bộ để phát triển lực lượng sản xuất gắn với từng giai đoạn phát triển kinh tế biển của địa phương gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Trên thực tế, mỗi địa phương khác nhau, do yêu cầu phát triển khác nhau sẽ có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển khác nhau. Tuy nhiên, điểm chung của hầu hết các địa phương nghiên cứu nêu trên cho thấy, việc huy động nguồn lực để thúc đẩy phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh cần được đẩy mạnh.

Thứ ba, phát triển nhân lực cho phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Bởi nhân lực là yếu tố quyết định đến sự phát triển của các thành phần, các lĩnh vực kinh tế biển; càng đóng vai trò tiên quyết trong bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ, an ninh chính trị - xã hội quốc gia.

Thứ tư, phát triển kết cấu hạ tầng cho phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Việc đầu tư cho hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế biển cần được coi là khâu đột phá, cần xuất phát trước và quan tâm đồng bộ. Tỉnh Thái Bình cần xây dựng hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng cảng biển vì đây là nơi giao thương, buôn bán tấp nập cũng như vận tải thường xuyên không chỉ của riêng địa bàn thành phố mà còn liên quan tới nhiều nước trong khu vực và quốc tế. Đó là cơ hội để tỉnh phát triển, vươn xa ra bên ngoài, đồng thời cũng góp phần củng cố cho hệ thống quốc phòng, an ninh trên biển vùng Bắc bộ. Bên cạnh đó, cần đầu tư cho khoa học - công nghệ, nhằm phòng ngừa ngăn chặn các nguy cơ gây mất an toàn, an ninh cũng như hướng đến việc khai thác không gây tổn hại tới môi trường biển.

Thứ năm, hoàn thiện các quy hoạch, kế hoạch và hoàn thiện các thể chế cũng cần được chú trọng để phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh của địa phương. Việc quy hoạch, kế hoạch triển khai và các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế biển cần được xây dựng mang tính tổng thể, đồng bộ, hài hòa giữa sự phát triển của các vùng ven biển với tình hình phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Chú ý lựa chọn thế mạnh của địa phương là khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản, phát triển các khu kinh tế ven biển, gắn với nó là đẩy mạnh phát triển du lịch biển, coi trọng khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản.

Thứ sáu, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vị trí, vai trò của phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Thái Bình có thể học tập bài học của Quảng Ninh trong công cuộc tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mọi tầng lớp nhân dân đối với việc bảo vệ chủ quyền đất nước trên biển. Tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp kinh tế biển, người dân cũng như các lực lượng chuyên trách đóng góp sức lực và vật chất cho công tác đảm bảo quốc phòng, an ninh sao cho mỗi bước tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng là một bước tăng cường tiềm lực bảo quốc phòng, an ninh.

Tóm lại, việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong bối cảnh hiện nay là vấn đề mang tính quy luật. Quá trình này bao hàm sự phát triển thống nhất từ lực lượng sản xuất cũng như hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch và thể chế gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh. Kinh nghiệm của các địa phương về vấn đề này cho thấy vấn đề lựa chọn khâu đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh có ý nghĩa quan trọng đặc biệt.

Chương 3
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI
ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở TỈNH THÁI BÌNH
GIAI ĐOẠN 2010 - 2022

3.1. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở TỈNH THÁI BÌNH

3.1.1. Điều kiện tự nhiên

Thái Bình là tỉnh ven biển, thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng, nằm trong vùng ảnh hưởng của tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Phía Bắc giáp với tỉnh Hưng Yên, Hải Dương và Hải Phòng; phía Tây và Tây Nam giáp với tỉnh Nam Định và Hà Nam; phía Đông giáp với vịnh Bắc Bộ. Khu vực ven biển Thái Bình nằm phía Đông của tỉnh Thái Bình. Tổng diện tích nghiên cứu là 30.583 hecta trong đó tổng diện tích tự nhiên là 21.583 và diện tích bồi thêm trong các năm tiếp theo là 9000 hecta, dân số 181.131 người chiếm 14,22% về diện tích và 9,6% dân số của tỉnh (tổng hợp từ nguồn chung của các huyện và xã ven biển Thái Bình). Khu vực ven biển Thái Bình có phía Bắc giáp với thành phố Hải Phòng qua sông Hóa, phía Nam giáp với tỉnh Nam Định qua sông Hồng, phía Đông giáp với biển Đông với hơn 50 km đường biển, phía Tây giáp với các xã còn lại của huyện Thái Thụy và Tiền Hải [119].

Thái Bình được bao bọc bởi hệ thống sông, biển khép kín. Bờ biển dài trên 50 km và 4 sông lớn chảy qua địa phận của tỉnh: Phía bắc và đông bắc có sông Hóa dài 35,3 km, phía bắc và tây bắc có sông Luộc (phân lưu của sông Hồng) dài 53 km, phía tây và nam là đoạn hạ lưu của sông Hồng dài 67 km, sông Trà Lý (phân lưu cấp 1 của sông Hồng) chảy qua giữa tỉnh từ tây sang đông dài 65 km. Đồng thời có 5 cửa sông lớn (Văn Úc, Diêm Điền, Ba Lạt,

Trà Lý, Lân). Các sông này đều chịu ảnh hưởng của chế độ thủy triều, mùa hè mức nước dâng nhanh, lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao, mùa đông lưu lượng giảm nhiều, lượng phù sa không đáng kể. Nước mặn ảnh hưởng sâu vào đất liền (15-20 km). Bờ biển Thái Bình là phần rìa hiện đại của delta sông Hồng - sông Thái Bình. Do đó về nguồn gốc được tạo thành do tác động qua lại giữa động lực của sông và biển. Bên cạnh đó địa hình khu vực này cũng chịu ảnh hưởng lớn của các hoạt động khai thác biển của con người (quai đê lấn biển, nuôi trồng thủy hải sản).

Chế độ sóng khu vực ven biển Thái Bình phụ thuộc nhiều vào địa hình và biến động theo mùa. Mùa đông hướng sóng chính ngoài khơi là Đông Bắc (61%), Đông (15%) và ven bờ là Đông (34%), Đông Nam (22%). Độ cao sóng trung bình ngoài khơi là 1,2m, ven bờ là 0,8m. Trong mùa hè, ngoài khơi sóng thịnh hành là Nam, Tây Nam (40-75%), ven bờ hướng sóng chính là Đông Nam. Độ cao sóng trung bình ngoài khơi là 1,2-1,4m, ven bờ là 1m. Tại khu vực này độ cao sóng lớn nhất ngoài khơi là 8m và ven bờ là 5m, cấp độ sóng cao hơn xuất hiện khi có bão[119]. Chế độ thủy triều ở khu vực ven biển Thái Bình là chế độ nhật triều thuần nhất với biên độ trung bình 3,5-3,7m và chu kỳ triều là 25 giờ. Trong một tháng có 2 kỳ nước lớn, mỗi kỳ kéo dài 11-12 ngày với biên độ dao động từ 1,5-2,2m, giữa chúng là các kỳ nước kém. Thủy triều đóng vai trò quan trọng trong tác động động lực biển tại khu vực ven biển Thái Bình, với biên độ dao động lớn tạo ra đới sóng vỗ và dải đất bùn ngập - dâng rất rộng lớn.

Về tài nguyên biển, tiềm năng và nguồn lợi thủy sản là một trong những thế mạnh của tỉnh Thái Bình. Thái Bình có 3 thủy vực khác nhau: nước ngọt, nước lợ, nước mặn. Nước mặn chiếm khoảng 17 km² chủ yếu dành cho hoạt động khai thác khoáng sản. Tổng trữ lượng hải sản vùng ven biển Thái Bình khoảng 26.000 tấn. Trong đó trữ lượng cá 24.000 - 25.000 tấn, tôm 600 - 1.000 tấn, mực 700 - 800 tấn. Khả năng khai thác tối đa cho phép 12.000 -

13.000 tấn. Các loài khai thác chính là cá Trích, cá Đé, cá Khoai, cá Đối, cá Vược.... các loài tôm: tôm Vàng, tôm Bộp, tôm He... Hiện tại mới duy trì các hoạt động đánh bắt nhỏ, khai thác tự nhiên, phần lớn là nguồn cung cấp nguyên liệu để chế biến các mặt hàng truyền thống như nước mắm, mắm tôm và chế biến thức ăn thủy sản. Vùng nước lợ: Chủ yếu ở các khu vực cửa sông Hồng, sông Thái Bình và sông Trà Lý có các nguồn phù du sinh vật, các loại tảo thực vật, thủy sinh phong phú làm thức ăn tự nhiên cho nuôi trồng thủy sản. Vùng này có khoảng 20.705 ha (Tiền Hải 9.949 ha, Thái Thụy 10.756 ha), trong đó diện tích có khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ là 5.453 ha. Hiện đã đưa vào khai thác 3.629 ha để nuôi trồng thủy sản: tôm, cua, sò, hến, trồng rau câu. Bên cạnh đó Thái Bình còn có các cồn cát ven biển như: Cồn Vành, Cồn Thủ, Cồn Đen và vùng đất ngập mặn rất thích hợp trồng tập trung cây sù vẹt, bần. Hiện tại có gần 5.000 ha rừng vừa giữ đất, chắn sóng, vừa tạo môi trường sinh thái và cảnh quan thiên nhiên du lịch ven biển. Vùng nước ngọt: Tổng diện tích có khả năng nuôi thủy sản là 11.256 ha, hiện mới đưa vào nuôi khoảng 9.020 ha. Ngoài ra còn có trên 3.000 ha vùng lúa ruộng trũng cấy 1 vụ năng suất thấp có thể chuyển sang nuôi thủy sản [119]. Thái Bình có triển cỏ ven đê, ven sông và hệ thống kênh mương ao hồ rộng khắp là điều kiện để phát triển chăn nuôi trâu, bò, bò sữa, lợn, gà, vịt, cá. Nguồn nước ngọt cho nhu cầu dân sinh và công nghiệp tương đối dồi dào, chủ yếu là nguồn nước mặt của các sông lớn.

Tài nguyên khoáng sản, trong lòng đất khu vực ven biển Thái Bình có nguồn tài nguyên khí đốt và hiện nay khí đốt tại mỏ Hàm Rồng và mỏ Thái Bình đã bước đầu được vận chuyển vào bờ phục vụ cho sự phát triển các khu công nghiệp ven biển Thái Bình. Thái Bình Nằm trong bể than nâu của đồng bằng sông Hồng, được đánh giá có trữ lượng rất lớn (> 30 tỷ tấn) ở độ sâu 600 - 1000m, khả năng khai thác đang tiếp tục được nghiên cứu [90].

3.1.2. Điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội, quốc phòng, an ninh

Về kinh tế, theo báo cáo của UBND tỉnh, tổng sản phẩm GRDP trong tỉnh năm 2015 đạt 42.816,5 tỷ đồng, tăng 9,5% so năm 2014, là mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2010 - 2015 và cao hơn mức tăng trưởng bình quân của cả nước. Tổng giá trị sản xuất ước tăng 11,02%, trong đó: Nông, lâm, thủy sản tăng 4,19%; công nghiệp - xây dựng tăng 15,12%; thương mại - dịch vụ tăng 9,7%. GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đạt 30,15 triệu đồng, tăng 11,7% so với năm 2014 [119]. Trong giai đoạn 2016 - 2020, Thái Bình đã có bước phát triển vượt bậc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 8,7%/năm (cao hơn bình quân chung cả nước). Năm 2020, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh đạt 53.523 tỷ đồng, tăng 3,23% so với năm 2019 (kế hoạch tăng 10%). Tổng giá trị sản xuất ước đạt 154.251 tỷ đồng, tăng 1,8% [86]. Năm 2022, tổng sản phẩm (GRDP, theo giá so sánh năm 2010) trên địa bàn tỉnh đạt 63.000 tỷ đồng, tăng 9,52% so với năm 2021. Tổng giá trị sản xuất ước đạt 190.530 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2021 [88].

Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 14,3%/năm. Giá trị sản xuất khu vực công nghiệp và xây dựng năm 2022 đạt 128.430 tỷ đồng, trong đó giá trị ngành công nghiệp đạt 95.614 tỷ đồng, tăng 14,5%. Tiến độ thực hiện các dự án sản xuất lớn của Trung ương trên địa bàn được bảo đảm; một số dự án đã đi vào hoạt động (dự án thu gom và phân phối khí mỏ; dự án sản xuất Nitrat Amon...), giúp tăng mạnh năng lực sản xuất công nghiệp của tỉnh. Hoạt động của các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp ổn định và tăng trưởng khá. Hoàn thành thi công xây dựng đường số 5 khu công nghiệp Tiên Hải; triển khai thi công một số công trình hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Gia Lễ, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu

công nghiệp - đô thị - dịch vụ Liên Hà Thái phân khu Bắc... 11 tháng, tại khu kinh tế và các khu công nghiệp có 28 dự án được cấp, điều chỉnh chủ trương đầu tư với tổng số vốn đăng ký tăng thêm 11.098,6 tỷ đồng, trong đó, có 03 dự án mới (đều là FDI) với vốn đầu tư đăng ký 1.490 tỷ đồng (63 triệu USD); lũy kế đến hết tháng 11/2022, có 304 dự án đầu tư (217 dự án đã vào hoạt động sản xuất kinh doanh) tại khu kinh tế và các khu công nghiệp với tổng số vốn đăng ký 112.527,7 tỷ đồng... Giá trị sản xuất của các doanh nghiệp trong khu kinh tế và các khu công nghiệp năm 2022 đạt 56.107 tỷ đồng [90].

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới cao hơn 2,5% so với năm trước, đạt 29.141 tỷ đồng. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt đạt 12.178 tỷ đồng, tăng 1,1%; tổng diện tích trồng lúa đạt 151.627 ha với năng suất cao. Sản xuất cây màu đạt kết quả khá theo hướng mở rộng các cây trồng có giá trị kinh tế cao. Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt 10.069 tỷ đồng. Chăn nuôi trang trại được duy trì với 2.390 trang trại và khoảng 250 nghìn hộ chăn nuôi. Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 15.665,1 ha, tổng sản lượng thủy sản ước đạt 280,34 nghìn tấn, tăng 3% so với năm 2021. Sản lượng nuôi trồng tăng 7,4%. Sản lượng khai thác tăng 7,6%; Công tác thủy lợi, quản lý đê điều và phòng chống lụt bão được tập trung chỉ đạo, bảo đảm ứng phó kịp thời khi có sự cố xảy ra [90].

Các ngành thương mại, dịch vụ tăng trưởng khá. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 59.613 tỷ đồng, tăng 19,6%; giá trị sản xuất khu vực dịch vụ đạt 32.959 tỷ đồng, tăng 8,9% (kế hoạch 7,3%) so với năm 2021. Hoạt động xuất nhập khẩu tăng cao so với kế hoạch năm; kim ngạch xuất khẩu đạt 2.427 triệu USD, tăng 13,5% (kế hoạch 10,5%); kim ngạch nhập khẩu đạt 2.095 triệu USD, tăng 20,1% (kế hoạch 10%) so với năm 2021 [80]. Thái Bình đã thành lập Khu Kinh tế Biển tại 2 huyện Tiền Hải và Thái Thụy rộng 30.000 ha [85]. Tập đoàn dầu khí quốc gia triển khai 15 dự án thuộc

nhều lĩnh vực khác nhau trên địa bàn Thái Bình: Dự án Trung tâm Điện Lực, dự án khoan thăm dò dầu khí, dự án xây dựng kho xăng dầu tại Xã Hoà Bình - Vũ Thư quy mô chứa 6000m³, dự án xây dựng hệ thống trạm kinh doanh nhiên liệu, dự án xây dựng văn phòng đại diện Công ty dầu khí Sông Hồng, dự án Trung tâm thương mại Thành Phố Thái Bình, dự án Khách sạn 4 sao (thay thế khách sạn Giao Tế cũ), dự án dây truyền cán thép.

Về chính trị, tỉnh ủy Thái Bình đã tập trung chỉ đạo việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, trong đó có việc sáp nhập Ban Tài chính, Ban Kinh tế vào Văn phòng Tỉnh uỷ, sáp nhập Ban Khoa giáo và Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng vào Ban Tuyên huấn Tỉnh uỷ thành Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ và thành lập Ban Nội chính Tỉnh uỷ. Thực hiện chủ trương bố trí một số chức danh cán bộ chủ chốt không phải là người địa phương ở cấp huyện; tiến hành thi tuyển các chức danh lãnh đạo thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ quản lý; đồng thời thực hiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo các cấp và cấp uỷ các cấp có chất lượng. Thực hiện việc sắp xếp bộ máy sở, ngành theo chỉ đạo của Trung ương; rà soát, điều chỉnh, khắc phục những chồng chéo, không rõ về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp, giữa Ủy ban nhân dân cấp huyện với các sở, ngành cấp tỉnh. Tiến hành thí điểm mô hình Bí thư cấp uỷ đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ở 7/286 xã, phường, thị trấn... [80].

Về văn hóa - xã hội, đại đa số dân sống ở khu vực ven biển Thái Bình là dân thổ cư lâu năm có truyền thống và bản sắc văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc miền đồng bằng sông Hồng với những loại hình văn hóa văn nghệ đặc sắc cùng với bản tính hiền hậu, thật thà chất phác, chăm chỉ, cần cù. Hoạt động giáo dục tiếp tục được đổi mới nâng cao. Phối hợp tổ chức thành công kỳ thi Trung học Phổ thông Quốc gia trên địa bàn tỉnh. Hoạt động khoa học và công

nghệ được triển khai tích cực, tập trung vào việc ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt kết quả tích cực. Tăng cường quản lý, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; ban hành Kế hoạch thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế...; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế năm 2022 đạt 86,9% (kế hoạch 88%) xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế. Các chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội và người nghèo được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định [90].

Về tình hình quốc phòng, an ninh, những năm qua, tình hình chủ quyền, an ninh trật tự ở khu vực biên giới biển tỉnh Thái Bình cơ bản ổn định và giữ vững, phục vụ tốt cho nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 16 và Nghị quyết số 02 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xác định. Cấp ủy, chính quyền các cấp đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh; từng bước xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc; thường xuyên kiện toàn tổ chức biên chế lực lượng vũ trang (cả lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên) theo đúng quy định, bảo đảm về số lượng, chất lượng; chỉ đạo làm tốt công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng trong hệ thống chính trị, các chức sắc tôn giáo, các chủ hộ nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản, kinh doanh vận tải biển, học sinh, sinh viên. Chủ động nắm tình hình chủ quyền vùng biển, hoạt động của tàu thuyền, tổ chức, cá nhân nước ngoài và các loại tội phạm; kết hợp với bảo vệ mục tiêu, công trình trên biển, giám sát hoạt động nghề cá và chống khai thác hải sản bất hợp pháp. Thái Bình cũng là tỉnh đầu tiên trong cả nước thực hiện bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các chức sắc, chức việc tôn giáo và lãnh đạo các doanh nghiệp [90].

3.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở TỈNH THÁI BÌNH GIAI ĐOẠN 2010 - 2022

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XVIII chỉ ra phát triển kinh tế nói chung và phát triển kinh tế biển nói riêng phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả và tính bền vững; gắn với củng cố quốc phòng, an ninh. Trong đó, nhấn mạnh phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản thủy sản gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; coi trọng hình thức nuôi thâm canh, bán thâm canh; mở rộng và nâng cao hiệu quả đánh bắt hải sản xa bờ; tích cực trồng và bảo vệ rừng phòng hộ ven biển.

Đến Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XIX nhiệm kỳ 2015 – 2020 và Nghị quyết lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã xác định rõ hơn: cần tập trung xây dựng kinh tế biển trở thành trọng điểm kinh tế của tỉnh, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, an ninh biên giới quốc gia, đồng thời tạo sự tăng trưởng bứt phá cho tỉnh Thái Bình.

Do đó, các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế biển của tỉnh Thái Bình thời gian qua đều tập trung trọng tâm các nhiệm vụ thực hiện nêu trên. Các dự án đầu tư nuôi thủy sản công nghệ cao, các ngành thương mại, du lịch, dịch vụ, kinh tế biển có giá trị gia tăng lớn gắn với bảo vệ rừng phòng hộ ven biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh biên giới biển có xu hướng phát triển và đạt được những kết quả tích cực. Cụ thể:

3.2.1. Tình hình phát triển các nhân tố thuộc về lực lượng sản xuất kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh ở tỉnh Thái Bình

3.2.1.1. Phát triển nhân lực kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 - 2022

Dựa trên số liệu hiện trạng dân cư khu vực ven biển Thái Bình có thể nhận thấy số lượng lao động trong độ tuổi lao động ở khu vực là 55% là một nguồn lao động dồi dào. Tuy nhiên để phục vụ cho phát triển kinh tế biển thì chất lượng chưa cao, lao động chưa qua đào tạo chiếm phần lớn trong các

ngành nông, lâm, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản mang tính truyền kinh nghiệm từ thế hệ này sang thế khác với phương thức sản xuất lạc hậu [85]. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2005 là 29% số lao động trong độ tuổi, trong đó số lao động đã qua đào tạo nghề mới chỉ chiếm 18%, năm 2009 tăng lên 36% (lao động qua đào tạo nghề là 23%), năm 2017 là 43% (lao động qua đào tạo là 29%) [90], năm 2020 là 37% [55]. Tỉnh đặt mục tiêu đến năm 2025, sẽ đạt 77% tỷ lệ lao động qua đào tạo theo Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Thái Bình đến năm 2025.

Bảng 3.1. Nhu cầu lao động tại ven biển Thái Bình đến năm 2025

Chỉ tiêu	Đơn vị	2010	2015	2020	2025
Tổng số lao động có nhu cầu việc làm	người	97.909	103.996	110.705	1.139.400
Tổng số việc làm có khả năng đáp ứng	người	78.327	93.596	105.170	1.126.900
Công nghiệp - xây dựng	người	29838	35566	42068	423.200
Nông, lâm, thủy sản	người	32633	36502	32602	321.166
Dịch vụ	người	15856	22464	30500	382.534
Tổng số lao động đã qua đào tạo nghề	%	26%	31%	37%	77%

Nguồn: Từ tài liệu và tổng hợp của tác giả [55]

Theo phân tích nhu cầu lao động hiện nay thì có sự chuyển dịch mạnh mẽ giữa các ngành và yêu cầu về nhân lực đã qua đào tạo nghề có chất lượng cao hơn phụ thuộc nhiều vào sự phát triển và thành lập khu kinh tế ven biển Thái Bình. Điều này đặt ra những thách thức không nhỏ trong bài toán giải quyết việc làm đồng thời nâng cao chất lượng lao động tại khu vực này.

Để đáp ứng yêu cầu chuẩn bị nhân lực cho phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, Thái Bình đã thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình. Dân số tỉnh Thái Bình năm 2022 là 1.878,5

ngàn người. Đồng thời xây dựng trung tâm đào tạo nghề gắn với kinh tế biển quy mô vùng để đào tạo nghề cho Tỉnh và các địa phương lân cận.

Về nội dung gắn giữa phát triển nhân lực kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng, an ninh, Thái Bình đang từng bước hiện đại hóa, chuẩn hoá các loại hình giáo dục để khai thác, phát huy tiềm năng và thành tựu của khoa học công nghệ. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát huy hiệu quả, coi trọng 3 mục tiêu: nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài để góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bảo đảm nội dung đào tạo về chuyên môn kỹ thuật có gắn với khía cạnh quốc phòng, an ninh.

Cùng với việc tập trung cao độ thực hiện nhiệm vụ trung tâm đẩy mạnh phát triển kinh tế và nhiệm vụ then chốt xây dựng Đảng, Thái Bình đã thực sự quan tâm toàn diện công tác quân sự địa phương. Việc giáo dục quốc phòng toàn dân và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được tăng cường. Đã thành lập Hội đồng giáo dục quốc phòng ở cấp tỉnh và huyện; thường xuyên giáo dục các tầng lớp nhân dân nhận thức sâu sắc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong giai đoạn mới; tổ chức thành công bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các chức sắc, chức việc các tôn giáo, được Bộ Quốc phòng và Quân khu 3 đánh giá cao và hiện nay đang tiến hành mở các lớp bồi dưỡng về quốc phòng, an ninh cho giám đốc, phó giám đốc các doanh nghiệp trong tỉnh. Riêng năm 2022, Thái Bình đã tổ chức thành công cuộc diễn tập quốc phòng, an ninh cấp tỉnh và diễn tập của ngành Giao thông vận tải, một số huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn, giúp cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong việc xử lý các tình huống và sự hợp đồng tác chiến của các cấp, các ban, ngành đoàn thể và lực lượng vũ trang chặt chẽ, linh hoạt, có hiệu quả hơn. Công tác xây dựng, nâng cao sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang có nhiều tiến bộ, lực lượng thường trực tăng cường khả năng cơ động, sẵn sàng chiến đấu và duy trì nếp sống chính qui; lực

lượng dân quân, tự vệ, dự bị động viên luôn đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Lực lượng vũ trang trong Tỉnh đã tích cực tham gia giữ gìn an ninh, trật tự, phòng chống thiên tai và giúp đỡ nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, luôn nhận được sự tin cậy, yêu mến, đùm bọc của toàn dân.

Trong thời gian từ 2010 đến 2022, bộ đội biên phòng tỉnh đã tổ chức tuyên truyền được nhiều đợt tuyên truyền cho hàng chục ngàn người nghe, trong đó có các cán bộ Đảng viên Hội cựu chiến binh, Phụ nữ, học sinh, sinh viên, các Tăng, Ni Phật tử... về biển đảo Việt Nam; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thành công cuộc triển lãm “Trường sa- Hoàng sa là của Việt Nam những bằng chứng lịch sử”; phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo biên soạn cuốn tài liệu “Phổ biến kiến thức pháp luật về chủ quyền biên giới và hải đảo và tài liệu hướng dẫn sử dụng”... đến nay đã được rất nhiều trường trong tỉnh sử dụng qua đó giúp cho các em có thêm kiến thức về biển đảo Việt Nam.

Đi đôi với nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân lực kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, Thái Bình đồng thời thực hiện kế hoạch phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng để có nguồn nhân lực đủ sức khỏe để tham gia các hoạt động kinh tế trên biển và ven biển, thực hiện các nhiệm vụ kết hợp phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh. Tỉnh đã xây dựng lộ trình, phấn đấu đến năm 2025 chiều cao trung bình của thanh niên trong tỉnh tăng từ 3 - 5 cm so với năm 2005. Bên cạnh đó, tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban ngành quan tâm chăm lo sức khỏe cho các đối tượng chính sách xã hội; mọi người đều được tiếp cận các dịch vụ y tế có chất lượng cao; bảo đảm 24/24 giờ có bác sĩ trực tại cơ sở y tế. Triển khai công tác đấu thầu mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư, trang thiết bị y tế theo Luật đấu thầu. Tăng cường cơ sở vật chất, nhân lực cho mạng lưới y tế từ tuyến tỉnh đến xã, phường. Đặc biệt chú trọng đầu tư vào chăm sóc y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

3.2.1.2. Thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 - 2022

** Về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh*

Về phát triển hệ thống đường bộ gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, trong địa bàn 2 huyện ven biển có 1.855,2 km đường các loại, trong đó quốc lộ 28,3 km, tỉnh lộ 104,9 km, huyện lộ 154 km, đường xã và thôn xóm 1.568 km. Hệ thống giao thông đường bộ từ trung tâm tỉnh xuống 2 huyện Thái Thụy, Tiền Hải, đường giao thông nông thôn đã và đang từng bước được đầu tư nâng cấp, mở rộng, cứng hoá, trải đá láng nhựa hoặc bê tông. Trong giai đoạn 2001 - 2011 đã đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp 347 km đường giao thông (gồm 21,52 km quốc lộ, 70,94 km đường tỉnh, 130 km đường huyện và 124,6 km đường xã, thôn, xóm); xây dựng 35 cầu, cùng nhiều công trình cầu, cống nhỏ khác; tổng vốn đầu tư là 865,3 tỷ đồng. Một số công trình lớn đã và đang được đầu tư xây dựng như quốc lộ 39; đường 39B, đường Tiền Hải-Đồng Châu, đường 221A, 221D, 216, 219; cầu Vô Hối, cầu Trà Lý, cầu Cây Xanh, cầu Diêm Điền..., góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh vùng ven biển của tỉnh. Đến năm 2022, Tỉnh đã xây dựng được đường ra Côn Vành (cách bãi biển Đồng Châu khoảng 7 km về hướng Đông Nam), nối đất liền với biển, biến vùng đất bãi sa bồi rộng gần 2.000 ha này thành khu du lịch sinh thái kết hợp với an ninh quốc phòng [85].

Về đường thủy: khu vực tiếp cận với hệ thống đường thủy khá phong phú và thuận lợi do có 2 mặt giáp sông và 1 mặt giáp biển. Với 4 con sông lớn chảy qua (sông Hóa, sông Diêm, sông Trà Lý và sông Hồng) có tổng chiều dài là 174,8km và 5 cửa sông đổ ra biển (Cửa Thái Bình, Diêm Điền, Trà Lý, Lân và Ba Lạt): Ngoài 4 con sông lớn còn có hơn 90km các sông nội đồng như sông Lân, Kiên Giang, Tam Đồng... và các sông nhỏ do tỉnh quản lý chủ yếu phục vụ tưới tiêu và giao thông đường thủy nội địa phạm vi nhỏ hẹp.

Về phát triển hệ thống đường biển: Kéo dài từ cửa Thái Bình đến cửa Ba Lạt với hơn 50km bờ biển và 5 cửa sông trong đó cửa Diêm Điền đã được nạo vét luồng lạch xây dựng thành cảng biển có khả năng ra vào cho tàu trọng tải 10.000 DW.

Về phát triển hệ thống cảng biển, tỉnh Thái Bình đã ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và dịch vụ, hậu cần đồng bộ trên biển, đáp ứng yêu cầu nghề cá: xây dựng, nâng cấp, cải tạo cảng cá, kết hợp với các khu neo đậu tránh trú bão, đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác cảnh báo thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, hệ thống sản xuất, cung ứng vật tư phục vụ khai thác, nuôi trồng thủy sản... Trong tỉnh có 2 cảng Quốc gia là cảng Diêm Điền và cảng cá Tân Sơn cùng 01 bến cá Nam Thịnh đã được tỉnh Thái Bình đầu tư nâng cấp, chỉnh trang phục vụ mục đích lưỡng dụng kinh tế gắn với quốc phòng, an ninh; đồng thời cho mở cửa và cải tạo cảng cá Cửa Lân loại 2 theo quyết định Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 21/01/2021.

Bảng 3.2: Cảng cá, bến cá nằm trong quy hoạch của tỉnh Thái Bình

STT	Tên cảng cá	Địa điểm xây dựng	Quy mô năng lực	Ghi chú
1	Cảng Cá Tân Sơn	Xã Thụy Hải, Thái Thụy	150 lượt/400cv	
2	Bến cá Vĩnh Trà	Thị trấn Diêm Điền, Thái Thụy	70 lượt/300cv	Đã được ĐTXD
3	Bến cá Thái Đô	Xã Thái Đô, Thái Thụy	50 lượt/400cv	Đã được ĐTXD
4	Cảng cá Cửa Lân	Xã Nam Thịnh, Tiền Hải	100 lượt/400cv	Đã được ĐTXD
5	Khu neo đậu cửa sông Trà Lý	Xã Mỹ Lộc, Thái Thụy	300 tàu/300CV	Đã được ĐTXD
6	Khu neo tàu cá tại cửa Diêm Hộ	Xã Thái Thượng, Thái Thụy	300 tàu/300CV	HT giai đoạn 1
7	Điểm neo đậu tránh bão	tại Cống Tân Lập (Hồng Tiến), cống Bông He (Nam Hồng); xã Việt Hùng, Hồng Lý	Neo đậu tàu cá trên sông	Đã được ĐTXD

Nguồn: Sở NN&PTNT Thái Bình, năm 2022.

Về phát triển hệ thống lưới điện, trên địa bàn 2 huyện ven biển hiện có: trạm 110kv Tiền Hải (dung lượng 63MVA), trạm 110kv Thái Thụy (dung lượng 65MVA); các trạm biến áp phân phối 35/0,4kv, 10/0,4kv có tổng dung lượng là 62.250 KVA; 54 km đường dây cao áp 110kv, 232 km đường dây trung áp 10kv và 35kv; 1.909 km đường dây hạ áp 0,4kv. Mạng lưới điện cao áp, trung áp và hạ áp trên địa bàn 2 huyện ven biển luôn đảm bảo cung cấp điện ổn định và an toàn, đáp ứng tốt nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân. Trung tâm điện lực Thái Bình (gồm 2 nhà máy nhiệt điện, tổng công suất là 1.800 MW, vốn đầu tư khoảng 2,1 tỷ USD), đang được triển khai đầu tư xây dựng tại xã Mỹ Lộc (Thái Thụy).

Về phát triển hệ thống đê biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, hệ thống đê biển của tỉnh đã được Trung ương và chính quyền tỉnh quan tâm đầu tư bằng nguồn vốn của Chương trình củng cố và nâng cấp đê biển theo Quyết định số 58/2006/QĐ-TTg của Chính phủ. Giai đoạn 2010 - 2016, UBND tỉnh đã phê duyệt 19 dự án đầu tư củng cố và nâng cấp 128 km đê biển với tổng mức đầu tư là 1.073,5 tỷ đồng, mục tiêu là chống được triều cường kết hợp bão cấp 10, trong đó có 15 dự án đã triển khai thực hiện, tổng vốn đầu tư được bố trí là 437,5 tỷ đồng (trong đó vốn hỗ trợ ngân sách Trung ương 315,2 tỷ đồng, vốn trái phiếu Chính phủ 104,3 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 18 tỷ đồng), tập trung củng cố, nâng cấp những đoạn đê xung yếu, trực diện với biển và những đoạn đê thấp, bé, có địa hình nền đê yếu [85]. Giai đoạn 2020 - 2022, hệ thống đê biển của tỉnh được đầu tư nâng cấp thêm với tổng số vốn 380 tỉ đồng. Đến 2022, Tỉnh đã triển khai Dự án “Đầu tư xây mới cống Hải Thịnh tại K15+550, đê biển số 5 huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình” với kinh phí đầu tư 17.945 triệu đồng; tiếp tục thực hiện Dự án “Xử lý cấp bách cống Tám Cửa tại K21+540 đê biển 6, huyện Tiền Hải” triển khai từ năm 2020 với kinh phí đầu tư 49.991 triệu đồng [87].

Đến nay, đã hoàn thành 38 km trong tổng số 152 km đê biển được kiên cố và cứng hóa, bảo đảm chống đỡ được với sóng to, bão giạt; ngoài ra tỉnh

đã đầu tư hàng chục tỷ đồng để xử lý khẩn cấp nhiều công trình kè thuộc hệ thống đê biển (như kè Nội Lang- đê biển số 5, kè Nam Hồng- Tiền Hải, kè Giáo Lạc, kè Hà My - Thái Thụy...), góp phần tích cực cho công tác phòng chống lụt bão, bảo vệ an toàn đê biển tại những vị trí xung yếu, trọng điểm khi có bão lũ và triều cường xảy ra.

Các công trình cấp nước tập trung được đầu tư xây dựng bằng nhiều nguồn vốn, trong đó có nguồn vốn của Ngân hàng thế giới, Chương trình môi trường Quốc gia nước sạch nông thôn, vốn ngân sách địa phương và đóng góp của nhân dân. Từ đó, góp phần giảm bớt khó khăn trong khai thác và sử dụng nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân vùng ven biển. Năm 2011, trên địa bàn 2 huyện ven biển đã xây dựng 2 nhà máy cấp nước tập trung (công suất từ 2.000 - 3.000 m³/ngày đêm), cung cấp nước máy cho khu vực thị trấn Diêm Điền, thị trấn Tiền Hải và một số xã lân cận; đầu tư xây dựng 20 trạm cấp nước tập trung quy mô vừa và nhỏ theo quy mô thôn hoặc xã (từ 150 - 850 m³/ngày đêm, phục vụ cho khoảng 10.000 - 12.000 dân) để cung cấp nước sinh hoạt cho dân cư nông thôn, trong đó 17 công trình đang khai thác sử dụng, 3 công trình đang thi công. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 76% (đối với huyện Tiền Hải) và 80,2% (đối với huyện Thái Thụy). Đến nay, giai đoạn 2020 - 2022, 96-98% tỷ lệ hộ dân ở Tiền Hải và Thái Thụy được sử dụng nước sạch. Đồng thời, tỉnh đang tiếp tục triển khai nâng cấp nhà máy cấp nước tập trung cho một số xã ở 2 huyện ven biển bằng nguồn vốn tài trợ của Ngân hàng thế giới và vốn chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch nông thôn góp phần nâng cao tỷ lệ dân cư sử dụng nước hợp vệ sinh ở khu vực ven biển [87].

Hệ thống thoát nước cũng từng bước được đầu tư xây dựng ở khu vực thị trấn và một số xã có địa hình thấp, trũng, nhằm giải quyết tình trạng ngập úng trong mùa mưa, thoát nước thải sinh hoạt và sản xuất kinh, bảo đảm vệ sinh môi trường, cải thiện cuộc sống và nâng cao sức khỏe của người dân. Tuy nhiên, hệ thống thoát nước mới chỉ được đầu tư xây dựng ở các khu vực

trung tâm đô thị và các khu vực này đều không có hệ thống xử lý nước thải tập trung, còn lại các khu vực làng nghề, chế biến nông sản, hải sản hầu như chưa được quan tâm tới hệ thống xử lý nước thải.

Về phát triển hạ tầng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, mạng lưới bưu chính của khu vực ven biển Thái Bình trong những năm gần đây tương đối phát triển. Hiện nay trong khu vực ven biển có 6 bưu cục đặt tại thị trấn Diêm Điền và các xã Thụy Xuân, Thụy Tân, Thái Hòa, Đông Minh và 24 điểm bưu điện văn hóa xã được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ dịch vụ bưu chính theo quy định. Mạng lưới viễn thông tại khu vực ven biển Thái Bình có 5 tổng đài điện thoại đặt tại Thị trấn Diêm Điền và các xã Thụy Xuân, Thái Hòa, Đông Minh cùng với 14 trạm thông tin di động - BTS. Theo số liệu thống kê năm 2009 thì có 15.230 thuê bao cố định, bình quân 7,7 máy/100 dân (so với 9,3 máy/100 dân của toàn tỉnh) và 437 thuê bao internet [119]. Đến năm 2022, số lượng thuê bao cố định gần như không tồn tại, tuy nhiên, thuê bao internet và thuê bao di động tăng đột biến, đạt trên 90%. Hệ thống bưu chính, viễn thông ở khu vực ven biển đã triển khai các dịch vụ bưu chính, viễn thông cơ bản: bưu phẩm, bưu kiện, dịch vụ chuyển thư, báo chí, chuyển phát nhanh; dịch vụ viễn thông cố định, di động và dịch vụ internet. Hệ thống các bưu cục, các trạm viễn thông mang tính lưỡng dụng cao vừa phục vụ phát triển kinh tế biển đồng thời gắn với nội dung quốc phòng, an ninh.

Về phát triển hạ tầng đô thị, trên địa bàn vùng ven biển của tỉnh có 2 đô thị loại 5 là thị trấn Tiên Hải và thị trấn Diêm Điền. Đây là 2 trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của 2 huyện ven biển Tiên Hải và Thái Thụy. Trong những năm qua, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội của 2 thị trấn được quan tâm đầu tư xây dựng nên tương đối phát triển, nhất là khu vực nội thị trấn và ven các tuyến đường lớn; đã quy hoạch và xây dựng một số khu đô thị và dân cư mới (như Khu đô thị Trái Diêm thị trấn Tiên Hải, Khu đô thị Nguyễn Đức Cảnh, thị trấn Diêm Điền). Ngày 13 tháng 4 năm 2018, Bộ Xây

dụng ban hành Quyết định số 487/QĐ-BXD công nhận thị trấn Diêm Điền mở rộng (gồm thị trấn Diêm Điền và 9 xã: Thụy Trình, Thụy Lương, Thụy Hà, Thụy Hải, Thụy Liên, Thái Thượng, Thái Nguyên, Thái An, Thái Hòa) là đô thị loại IV. Theo dự thảo quy hoạch tỉnh Thái Bình giai đoạn 2021 - 2030 dựa trên Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030 được Thủ tướng phê duyệt hồi tháng 2/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã cho phép huyện Thái Thụy và huyện Tiền Hải triển khai lập quy hoạch xây dựng mở rộng 2 thị trấn này để xây dựng và phát triển lên đô thị loại 4. Ngoài ra một số xã là trung tâm các tiểu vùng như: xã Thái Hưng, Nam Trung, Đông Minh, khu vực Đồng Châu và Cồn Vành cũng được Tỉnh quy hoạch, định hướng phát triển thành đô thị, trong đó khu vực Đồng Châu và Cồn Vành được quy hoạch lên đô thị loại 4; các xã Thái Hưng, Nam Trung, Đông Minh được quy hoạch lên đô thị loại 5 và trở thành thị trấn.

Về phát triển kết cấu hạ tầng xã hội khu vực ven biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, mạng lưới y tế từ Tỉnh đến cơ sở được nâng cấp về kết cấu hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu trong điều trị người bệnh được các cơ sở khám chữa bệnh triển khai với đội ngũ thầy thuốc đông đảo, có trình độ chuyên môn và y đức, sẵn sàng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Đến năm 2030, dự tính triển khai xây dựng một số bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh: Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Tim mạch và Bệnh viện huyết học truyền máu có kết cấu hạ tầng hiện đại tương ứng quy mô và phân hạng bệnh viện, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận.

** Về đầu tư, ứng dụng khoa học công nghệ phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh*

Từ nhiều năm nay, Thái Bình đã đặt nhiệm vụ phát triển kinh tế biển và huy động nguồn lực và ứng dụng khoa học công nghệ kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh là một trong năm trọng tâm cần tập trung tạo bước đột phá tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Khai thác lợi thế của biển, giai đoạn 2010 - 2016, Thái Bình đã đầu tư được đội tàu vận tải biển với 140 tàu vận tải cỡ lớn, trong đó có tàu 12.000 tấn với năng lực vận tải biển đạt trên 540 ngàn tấn phương tiện, tăng gấp nhiều lần so với trước đây. Do được đầu tư mở rộng, nâng cấp thành cảng thương mại quốc tế, lượng hàng vận chuyên thông qua cảng Diêm Điền đạt 39.000 tấn, gấp 3,9 lần so với trước [119]. Giai đoạn 2017- 2022, hoạt động vận tải biển có bước phát triển mạnh mẽ cả về chất và lượng, từ phương tiện vận tải, quy mô tải trọng tàu biển và khối lượng vận tải. Đến nay, toàn tỉnh hiện có khoảng 200 doanh nghiệp vận tải biển, với trên 270 phương tiện hoạt động. Năng lực khai thác, đánh bắt thủy, hải sản gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản và an ninh trên biển, đánh bắt xa bờ được tăng cường (toàn tỉnh hiện có 1.142 tàu cá với tổng công suất máy là 122.509,8 CV, tăng 34.032,8 CV so với năm 2015; trong đó, nhóm tàu công suất trên 90CV là 299 phương tiện, tăng 77 phương tiện so với năm 2015) [75].

Nhằm khai thác mở rộng giao lưu thương mại, tỉnh đã cải tạo, nâng cấp 21 chợ ở các xã ven biển, tổ chức cho các doanh nghiệp, các hợp tác xã của 2 huyện ven biển gặp gỡ, trao đổi để ký hợp đồng mua bán với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ hàng nông sản, thủy sản trong và ngoài nước. Hằng năm, các mặt hàng thủy hải sản trong tỉnh được xuất khẩu theo con đường tiểu ngạch sang Trung Quốc từ 5 - 6 nghìn tấn ngao, 2 nghìn tấn sứa sơ chế và hàng nghìn tấn hải sản tươi sống khác với giá trị khoảng 8 - 9 triệu USD...[90].

** Về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong các ngành, các lĩnh vực chủ yếu*

Thứ nhất, ngành công nghiệp biển. Sản xuất công nghiệp tăng trưởng khá thúc đẩy sản xuất công nghiệp biển của tỉnh phát triển.

Sản xuất công nghiệp khu vực ven biển của tỉnh có bước phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là trong 3 năm 2016, 2017 và 2018. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng bình quân 20,04%/năm trong giai đoạn 2015 - 2018.

Trong đó, khu vực thị trấn Diêm Điền và 30 xã thuộc khu kinh tế ven biển tăng bình quân 26,5%/năm, chiếm 10,8% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của toàn tỉnh và chiếm 54,2% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng. Nghề và làng nghề truyền thống tiếp tục được củng cố, duy trì và phát triển; đồng thời du nhập, phát triển thêm một số nghề mới, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn. Tính đến hết năm 2018, có 55 làng nghề (huyện Thái Thụy: 27 làng nghề, huyện Tiền Hải: 28 làng nghề), giải quyết việc làm cho khoảng gần 40.000 lao động [75].

Một số dự án lớn, trọng điểm được tỉnh tạo điều kiện thuận lợi triển khai như phối hợp với Tập đoàn dầu khí quốc gia triển khai dự án xây dựng đường ống dẫn khí đốt từ thềm lục địa vào bờ với sản lượng khí khoảng 300 triệu m³/năm, đã hoàn thành để phát triển sản xuất công nghiệp ven biển của tỉnh; phối hợp với Tập đoàn Than và khoáng sản triển khai dự án thăm dò và khai thác thử nghiệm bể than nâu tại khu vực bãi bồi ven biển; đồng thời đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án Trung tâm điện lực Thái Bình tại xã ven biển Mỹ Lộc (công suất 1.800MW) và Nhà máy sản xuất Amôn Nitrat (công suất 200 ngàn tấn/năm)... nhằm khai thác, phát triển kinh tế biển của tỉnh [75]. Một số dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định, mang lại hiệu quả kinh tế cao, tạo bước đột phá về tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Thứ hai, sản xuất thủy sản có bước phát triển khá toàn diện cả về nuôi trồng, khai thác, chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá, góp phần đẩy mạnh kinh tế biển của tỉnh phát triển.

Giá trị sản xuất ngành thủy sản giai đoạn 2015 - 2018 tăng bình quân 8,52%/năm, cao hơn mức tăng bình quân của cả tỉnh (6,8%/năm). Sản lượng thủy sản tăng bình quân 10,1%/năm, chiếm trên 80% sản lượng chung của toàn tỉnh[8]. Tính đến 3 tháng đầu năm 2024, giá trị sản xuất thủy sản ngành thủy sản toàn tỉnh đạt trên 1200 tỷ đồng, tổng sản lượng thủy sản đạt trên 67

ngàn tấn, tăng 2,3% so với cùng kì 2023. Nuôi trồng thủy sản được mở rộng phát triển, diện tích nuôi trồng thủy sản của vùng ven biển chiếm khoảng 60% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh, đạt hơn 15.700 ha. Trong đó, khu vực nuôi trồng thủy sản của thị trấn Diêm Điền và 30 xã thuộc Khu kinh tế Thái Bình (khu kinh tế ven biển) chiếm gần 50% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của toàn tỉnh và trên 80% tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của vùng ven biển. Phương thức nuôi trồng thủy sản có sự chuyển đổi tích cực, theo hướng ứng dụng công nghệ cao, đa dạng hình thức, đối tượng nuôi; trong đó, tôm sú, tôm thẻ chân trắng, ngao là những đối tượng nuôi chủ lực của tỉnh. Tỉnh cũng đã làm chủ quy trình và công nghệ sản xuất giống thủy sản, đặc biệt với các đối tượng chủ lực với giá trị sản xuất giống đạt 92,25 tỷ đồng. Năm 2020, sản lượng giống thủy sản sản xuất đạt hơn 15.500 triệu con, trong đó: ngao chiếm tỷ trọng cao nhất là (13,6 tỷ) 13.600 triệu, sò huyết 10 tỷ, hào 756 triệu và cá chép là 87 triệu; rô phi 30 triệu (trong đó có 3,55 triệu rô phi hương)...[19]. Đến năm 2024, số lượng giống thủy sản được sản xuất lên đến trên 35 triệu giống các loại.

Đã hình thành một số doanh nghiệp, đầu mối chế biến thủy sản và cung cấp sản phẩm thủy sản cho thị trường trong nước và xuất khẩu; hiện có trên 108 cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản hoạt động theo mô hình hộ gia đình và 8 doanh nghiệp chế biến thủy sản. Ngoài ra, có khoảng 30 cơ sở làm dịch vụ cung cấp về giống, thức ăn, thuốc thú y thủy sản, cung ứng xăng dầu, nước đá, nước ngọt... phục vụ nhu cầu nuôi trồng và đánh bắt thủy sản [75].

Đến nay, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 15.665,11 ha, gồm: 3.169 ha nuôi ngao bãi triều, sản lượng ngao nuôi hàng năm đạt trên 120 nghìn tấn, chiếm gần 2/3 tổng sản lượng thủy sản nuôi trong tỉnh; 3.556,5 ha nuôi tôm, cua, cá nước lợ các loại (nuôi tôm sú 2.639,2 ha; tôm thẻ 311,9 ha), trong đó 212,42 ha nuôi tôm thẻ thâm canh, công nghệ cao, thích ứng biến đổi khí hậu với năng suất nuôi tăng 3-5 lần so với hình thức nuôi thông thường [88].

Riêng đối với hai huyện Thái Thụy và Tiền Hải, ngoài 3.000 ha đầm đã có, nơi đây đã tích cực chuyển đổi hơn 1.100 ha đất cấy lúa, làm muối kém hiệu quả sang nuôi thủy sản mặn, lợi cho giá trị cao gấp 5 - 6 lần cấy lúa, làm muối. Diện tích nuôi trồng thủy sản mặn, lợi phát triển mạnh cả về diện tích và sản lượng, đến nay đã tăng trên 4.800 ha với sản lượng đạt khoảng 50 - 60 ngàn tấn.

Khai thác, đánh bắt hải sản phát triển ổn định. Sản lượng khai thác hải sản tăng bình quân 9,1%/năm, chiếm trên 90% tổng sản lượng khai thác thủy, hải sản của toàn tỉnh; năm 2018, sản lượng khai thác hải sản đạt 75.463 tấn [75]. Các loại hải sản có giá trị kinh tế như tôm sú, ngao, cá vược, các bớp, cua xanh, tôm he chân trắng... được ngư dân đưa vào nuôi luân canh, xen canh đạt hiệu quả. Huyện Thái Thụy trở thành huyện có vùng lấn biển, hình thành các đầm nuôi hải sản và vùng rừng ngập mặn lớn nhất Thái Bình; mỗi năm khai thác khoảng 29 - 30 ngàn tấn thủy hải sản; môi trường sinh thái ven biển được cải thiện, đem lại nhiều lợi ích.

Thứ ba, hoạt động vận tải biển phát triển mạnh, đạt kết quả ban đầu khá tích cực

Hoạt động vận tải biển có bước phát triển mạnh mẽ cả về chất và lượng, từ phương tiện vận tải, quy mô tải trọng tàu biển và khối lượng vận tải. Toàn tỉnh hiện có khoảng 200 doanh nghiệp vận tải biển, với trên 270 phương tiện hoạt động. Năng lực khai thác, đánh bắt thủy, hải sản gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản và an ninh trên biển, đánh bắt xa bờ được tăng cường (toàn tỉnh hiện có 1.142 tàu cá với tổng công suất máy là 122.509,8 CV, tăng 34.032,8CV so với năm 2015; trong đó, nhóm tàu công suất trên 90CV là 299 phương tiện, tăng 77 phương tiện so với năm 2015) [75]. Riêng tàu cá, toàn tỉnh có 751 tàu, đầu tư trang thiết bị hiện đại, áp dụng công nghệ mới trong khai thác các loại hải sản có giá trị kinh tế cao. Dịch vụ hậu cần cho các tàu khai thác hải sản xa bờ phát triển, hình thành nhiều tổ đội khai thác xa bờ nhằm phát huy được sức mạnh tập thể, giúp đỡ và bảo vệ nhau khi hoạt động

trên biển, giúp các chủ tàu yên tâm bám biển sản xuất, góp phần bảo đảm an ninh, tăng cường sự hiện diện của ngư dân trên biển, tham gia bảo vệ vùng biển quốc gia.

Về khu neo đậu, hiện có 3 khu neo đậu, 2 cảng cá và 1 bến cá được duy tu, bảo dưỡng, khai thác có hiệu quả, góp phần bảo đảm an toàn cho các hoạt động sản xuất - kinh doanh, phát triển kinh tế biển.

Do được đầu tư mở rộng, nâng cấp thành cảng thương mại quốc tế, lượng hàng vận chuyển thông qua cảng Diêm Điền đạt 39.000 tấn, gấp 3,9 lần so với trước. Nhằm khai thác mở rộng giao lưu thương mại, tỉnh đã cải tạo, nâng cấp 21 chợ ở các xã ven biển, tổ chức cho các doanh nghiệp, các hợp tác xã của 2 huyện ven biển gặp gỡ, trao đổi để ký hợp đồng mua bán với các doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ hàng nông sản, thủy sản trong và ngoài nước. Hàng năm, các mặt hàng thủy hải sản trong tỉnh được xuất khẩu theo con đường tiêu ngạch sang Trung Quốc từ 5 - 6 nghìn tấn ngao, 2 nghìn tấn sứa sơ chế và hàng nghìn tấn hải sản tươi sống khác với giá trị khoảng 8 - 9 triệu USD...[75].

3.2.2. Thực trạng hoàn thiện quan hệ sản xuất trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 - 2022

3.2.2.1. Hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

** Thực trạng quy hoạch về nội dung kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh*

Về quy hoạch nhằm khai thác lợi thế vùng ven biển gắn với quốc phòng, an ninh

Tỉnh Thái Bình có bờ biển dài trên 50 km với 5 cửa sông lớn đổ ra biển, tạo nên vùng bãi triều rộng trên 16 nghìn ha; trong đó diện tích khoanh nuôi thủy sản khoảng 10 nghìn ha và hàng nghìn ha đất cấy lúa, làm muối

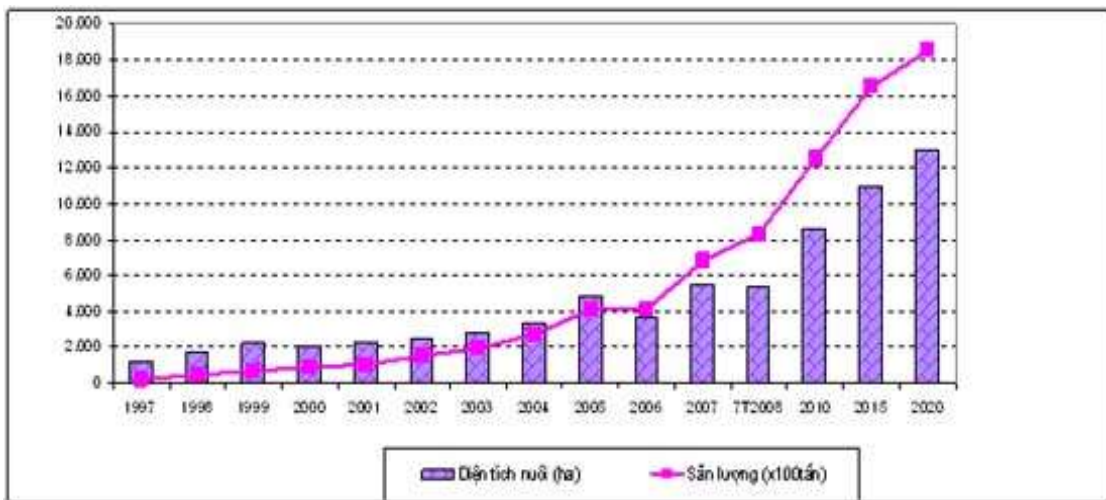
kém hiệu quả đang được nông dân chuyển sang nuôi các loài thủy sản mặn, lợi có hiệu quả kinh tế cao. Vùng thềm lục địa của tỉnh rộng trên 1 vạn km² với nguồn lợi hải sản phong phú, đa dạng, nhiều loài có giá trị lại gần các ngư trường lớn rất thuận lợi cho nghề khai thác biển phát triển. Cảng biển quốc gia Diêm Điền, cảng cá cửa Lân, Nam Thịnh bước đầu được đầu tư nâng cấp tạo điều kiện giao lưu hàng hóa với các tỉnh trong nước và quốc tế.

Được Trung ương, Bộ Quốc phòng đầu tư, đến nay Tỉnh đã và đang tích cực triển khai xây dựng và thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội 2 huyện Thái Thụy và Tiền Hải đến năm 2030; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển (gồm 30 xã ở 2 huyện Thái Thụy và Tiền Hải); quy hoạch phát triển vùng nuôi ngao ven biển; quy hoạch khu du lịch sinh thái Cồn Vành, Cồn Đen (1150ha), Khu du lịch Đồng Châu (105ha) ... Nhiều công trình trọng điểm được đầu tư xây dựng cầu Diêm Điền, Trà Linh, Trà Giang, đường 39B...

Bên cạnh đó là quy hoạch tổng thể khu kinh tế Thái Bình với diện tích trên 30.000 ha, trong đó diện tích dành cho công nghiệp, đô thị, dịch vụ trên 8.000 ha trở thành khu vực động lực, trọng điểm phát triển kinh tế của tỉnh và vùng Nam Đồng bằng sông Hồng. Khu kinh tế được xây dựng theo mô hình khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, năng động, hiệu quả, hướng đến phát triển bền vững gắn với tăng trưởng xanh, bao gồm Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Thái Thượng và Cảng Diêm Điền, huyện Thái Thụy (khoảng 1.000 ha); Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hoàng Long, huyện Tiền Hải (khoảng 800 ha); Khu phố biển Đồng Châu, huyện Tiền Hải (khoảng 837 ha); Khu đô thị, du lịch, nghỉ dưỡng, sân golf Cồn Vành - Cồn Thủ, huyện Tiền Hải (khoảng 3.450 ha) [17]. Các tuyến du lịch sinh thái biển kết hợp với tham quan các di tích lịch sử văn hóa, làng nghề đã được hình thành và bước đầu đã thu hút khá đông du khách.

Về quy hoạch theo ngành nghề phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an ninh:

Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ phát triển khá mạnh, toàn diện về diện tích nuôi trồng, sản lượng và chất lượng. Hình 3.2 cho thấy sự tăng trưởng mạnh của diện tích nuôi trồng và sản lượng thủy sản ở khu vực ven biển Thái Bình, bên cạnh đó năng suất nuôi trồng cũng gia tăng do có sự thay đổi tích cực trong phương thức và công nghệ nuôi trồng.



Hình 3.1 Diện tích nuôi trồng nước mặn, nước lợ và sản lượng thủy sản ở khu vực ven biển Thái Bình

Nguồn: <http://www.thaibinh.gov.vn> [119].

Phương thức nuôi trồng thủy sản được chuyển đổi theo hướng tích cực, trước năm 2001 vùng đầm ven biển chủ yếu là nuôi quảng canh, đến nay nông ngư dân đã tiếp thu, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật thực hiện nuôi thâm canh và bán thâm canh, kết hợp với nuôi luân canh, xen canh tăng thời gian sử dụng mặt nước cho hiệu quả kinh tế khá cao. Đối tượng nuôi thủy sản mặn lợ được đa dạng hoá hơn, ngoài tôm Sú và Ngao, một số đối tượng nuôi mới, có giá trị kinh tế cao (như cá Vược, cá Bớp, cá rô phi đơn tính, cua Xanh, tôm He chân trắng) đã được đưa vào nuôi trồng, góp phần giảm rủi ro, đa dạng hóa đối tượng nuôi và mở ra những hướng phát triển mới. Đặc biệt nuôi Ngao vùng bãi triều ven biển phát triển mạnh cả về diện tích, năng suất, sản lượng,

hiệu quả kinh tế và trở thành một nghề mang lại thu nhập cao và có giá trị xuất khẩu lớn.

Hiện nay, diện tích nuôi có xu hướng tăng do khai thác các vùng bãi triều để nuôi nhuyễn thể hai mảnh vỏ. Sản lượng nuôi nước mặn (ngao) 71.452 tấn, đạt giá trị 375.260 triệu đồng, năng suất nuôi 24,50 tấn/ha. Sản lượng nuôi trồng nước lợ 6.553 tấn, đạt giá trị 75.672 triệu đồng, năng suất nuôi là 1,79 tấn/ha [90]. Đối tượng nuôi trồng chính là ngao Bến Tre, tôm Sú, cua, cá Vược, cá Song chấm nâu, cá Bống bóp, Rô phi, tôm Thẻ chân trắng, Rong câu chỉ vàng...

Về hình thức nuôi trồng, hiện nay, diện tích nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến chiếm tỷ lệ cao. So sánh diện tích năm 2010 với năm 2020 cho thấy: nuôi bán thâm canh từ 13.366ha giảm xuống còn 8.338ha, nuôi thâm canh tăng lên 800ha (từ 2015 - 2020), nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến tăng lên 4.236ha (từ 2015 - 2020). Tuy nhiên, nuôi quảng canh cải tiến đang từng bước được thay thế bằng nuôi thâm canh và bán thâm canh, dẫn đầu trong việc nuôi thâm canh và bán thâm canh là nuôi tôm Thẻ chân trắng cho năng suất cao đạt từ 10-15 tấn/ha. Từ đầu năm 2016 đến nay, mặc dù thời tiết và dịch bệnh diễn biến phức tạp song toàn tỉnh vẫn nuôi thả thủy sản nước mặn, nước lợ và nước ngọt, trong đó diện tích nuôi ngao 3.293ha, nuôi thủy sản nước lợ 5.465ha và diện tích nuôi nước ngọt 8.288ha. Đối tượng nuôi trồng chính là ngao, tôm sú, cua, cá vược, cá song chấm nâu, cá bống bóp, cá rô phi, tôm thẻ chân trắng, rong câu chỉ vàng... Hình thức nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến chiếm tỷ lệ cao. Việc nuôi tôm thẻ chân trắng cho năng suất cao, đạt từ 10 - 15 tấn/ha, đang từng bước mở ra phương thức mới nuôi thâm canh và bán thâm canh.

Ngành nuôi trồng thủy sản nước ngọt đang là ngành được phát triển mạnh ở tỉnh Thái Bình, đặc biệt hai vùng ven biển Thái Thụy và Tiền Hải. Diện tích nuôi trồng thủy sản của Thái Bình qua các năm vẫn giữ được nhịp

độ phát triển tăng và ổn định. Nếu so với các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Hồng về chỉ tiêu số lượng diện tích nuôi trồng thủy sản của tỉnh trong vài năm gần đây thì Thái Bình xếp sau Quảng Ninh, Hải Phòng và Nam Định nhưng lại nhiều hơn các tỉnh thành phố còn lại của vùng.

Về tổng diện tích nuôi trồng thủy sản, đã tăng từ 13.366 ha năm 2010 lên 14.690 ha năm 2015 và lên 16.114 ha năm 2020 (so với 2010, năm 2020 tăng trên 1,2 lần, với tốc độ tăng bình quân trên 1,89%/năm).

Bảng 3.3. Diện tích nuôi trồng thủy sản tỉnh Thái Bình thời kỳ 2010-2020

Hạng mục	Diện tích nuôi (ha)			Tốc độ PTBQ 2011 - 2015 (%/năm)	Tốc độ PTBQ 2016 - 2020 (%/năm)	Tốc độ PTBQ 2011 - 2020 (%/năm)
	2010	2015	2020			
Tổng số	13.366	14.690	16.114	1,91	1,87	1,89
I. Phân loại theo loại thủy sản						
Tôm	2.489	2.951	3.354	3,46	2,59	3,03
Cá	9.138	8.590	9.497	-1,23	2,03	0,39
Thủy sản khác	1.739	3.149	3.263	12,61	0,71	6,5
II. Phân loại theo PT nuôi						
Nuôi thâm canh	0	81	881		61,18	
Nuôi bán thâm canh	13.366	11.950	8.338	-2,21	-6,95	-4,61
Nuôi QC và QC cải tiến	0	2.659	6.895		20,99	
III. Phân theo loại nước nuôi						
Nước ngọt	8.630	8.285	8.843	-0,81	1,31	0,24
Nước lợ	3.647	3.485	4.157	-0,9	3,59	1,32
Nước mặn	1.089	2.920	3.114	21,81	1,29	11,08

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Bình [15].

Về diện tích nuôi theo loại thủy sản, so sánh năm 2010 với năm 2020,

diện tích nuôi tôm tăng từ 2.489ha lên 2.489ha, nuôi cá từ 9.138ha lên 9.497ha và thủy hải sản khác từ 1.739ha lên 3.263ha. Điều này dẫn đến sản lượng nuôi đã tăng từ 69,7 ngàn tấn năm 2010 lên 260,5 ngàn tấn năm 2020 (tăng 3,74 lần, với tốc độ tăng bình quân gần 14,1%/năm).

Về phân theo loại nước nuôi, so sánh năm 2010 với năm 2020 thì diện tích nuôi nước ngọt từ 8.630ha tăng lên 8.843ha, nuôi nước lợ từ 3.647ha lên 4.157ha và nuôi nước mặn từ 1.089ha lên 3.114ha. Đối với nuôi trồng thủy sản nước lợ, diện tích nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến vẫn chiếm tỷ lệ cao. Tuy nhiên, nuôi quảng canh cải tiến đang từng bước được thay thế bằng nuôi thâm canh và bán thâm canh, đặc biệt là đối tượng tôm thẻ chân trắng cho năng suất cao từ 10-15 tấn/ha. Hiện nay, tỉnh đang duy trì và phát triển 9 vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ, diện tích 711ha đạt hiệu quả. Diện tích nuôi trồng thủy sản mặn có xu hướng tăng do khai thác các vùng bãi triều để nuôi nhuyễn thể hai mảnh vỏ, đặc biệt là ngao. Đối với nuôi thủy sản nước ngọt tăng diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh, hình thành và phát triển mô hình nuôi cá lồng trên sông đạt kết quả tốt.

Thái Thụy và Tiền Hải là hai huyện nuôi trồng chủ yếu và cũng là hai huyện có sản lượng khai thác lớn nhất, nhì của tỉnh (Tiền Hải: 52%, Thái Thụy: 21%). Các trang trại nuôi thủy sản đang phát triển nhanh. Toàn tỉnh hiện có khoảng 450 trang trại thủy sản với diện tích đạt khoảng 1500ha, sử dụng 1.450 lao động. Nếu xét về vị trí thì trong số 12 tỉnh của vùng đồng bằng sông Hồng, Thái Bình vẫn luôn đứng ở vị trí thứ 4 cả về diện tích và sản lượng nuôi trồng thủy sản [83].

Về khai thác thủy sản, giá trị sản xuất ngành thủy sản tỉnh Thái Bình có tốc độ tăng trưởng khá cao trong giai đoạn 2015 - 2020, từ 7,11 - 8,7%/năm. Giá trị sản xuất tăng từ 2.500,9 tỷ đồng năm 2010 lên 3.795 tỷ đồng năm 2015 và 5.350,8 năm 2020.

Bảng 3.4. Giá trị sản xuất ngành thủy sản tỉnh Thái Bình, thời kỳ 2010 - 2015 - 2020 (Theo giá so sánh 2010)

Đơn vị tính : Tỷ đồng

Hạng mục	Giá trị sản xuất			Tốc độ PTBQ 2011 - 2015 (%/năm)	Tốc độ PTBQ 2016 - 2020 (%/năm)	Tốc độ PTBQ 2011 - 2020 (%/năm)
	2010	2015	2020			
Tổng số	2.500,9	3.795	5.350,8	8,7	7,11	7,9
Khai thác	718	1.012,5	1.374	7,12	6,3	6,71
Nuôi trồng	1.782,9	2.782,5	3.977	9,31	7,4	8,35

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Bình [15].

Trong đó, giá trị sản xuất khai thác thủy sản năm 2020 đạt 1.374 tỷ đồng, tăng 1,91 lần so với năm 2010. Hải sản đánh bắt chính bao gồm cá thu, cá trích, mực. Sản lượng khai thác năm 2020 đạt 90,9 nghìn tấn, tăng 2,03 lần so với năm 2010. [89, tr 247].

Trong công tác đảm bảo an ninh trật tự, đã chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ an ninh, cảnh sát, công an hai huyện ven biển tập trung nắm chắc tình hình, chủ động đấu tranh, ngăn chặn vô hiệu hoá âm mưu, ý đồ, hoạt động của các thế lực thù địch, đối tượng cơ hội chính trị lợi dụng vấn đề tranh chấp biển đảo để đẩy mạnh hoạt động "diễn biến hoà bình", "bạo loạn", "lật đổ". Kiên quyết đấu tranh mạnh mẽ với những thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Phát hiện, ngăn chặn các hoạt động xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của nước ngoài đối với vùng biển, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế của nước ta. Phát hiện xử lý kịp thời các vấn đề phức tạp về an ninh xã hội. Chủ động tham mưu giải quyết khiếu kiện phức tạp liên quan đến nhà máy bột cá Thụy Hải, dự án trồng rừng ngập mặn Ramsa, Trung tâm điện lực Thái

Bình...góp phần hạn chế khiếu kiện đông người, vượt cấp gây phức tạp về an ninh trật tự. Đồng thời đẩy mạnh công tác đấu tranh trấn áp tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự công cộng. Tập trung triệt xoá các tụ điểm phức tạp về ma tuý, hình sự; tăng cường phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường góp phần giữ vững an ninh trật tự trên khu vực biên giới biển.

Quy hoạch xây dựng khu kinh tế biển quốc gia, việc Chính phủ đồng ý cho tỉnh Thái Bình xây dựng khu kinh tế biển không chỉ do Thái Bình có biển, mà còn hội đủ các điều kiện để phát triển kinh tế tổng thể khu vực nam đồng bằng sông Hồng và phát triển kinh tế của cả nước. Đây không chỉ là một trong những trọng điểm mang tính bứt phá, bước ngoặt để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, mà còn đưa Thái Bình trở thành khu kinh tế biển quốc gia trong tương lai không xa.

Nắm bắt cơ hội này, tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền về biển, đảo tới các cấp chính quyền địa phương và người dân vùng biển nhằm nâng cao nhận thức về chiến lược phát triển kinh tế biển, gắn phát triển kinh tế với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền trên biển. Sau khi HĐND tỉnh (khóa XIV) tại kỳ họp thứ 14 thông qua nghị quyết về Quy hoạch xây dựng Khu kinh tế biển quốc gia Thái Bình, Sở Kế hoạch và đầu tư phối hợp với Viện Chiến lược phát triển (Bộ Kế hoạch và đầu tư) hoàn thiện Đề án Khu kinh tế biển quốc gia Thái Bình tầm nhìn năm 2030. Theo đó, khu kinh tế Thái Bình, có diện tích rộng 30.583 ha. Phía Bắc giáp với thành phố Hải Phòng qua sông Hoá, điểm cực Bắc (thuộc xã Thụy Tân); phía Nam và Tây Nam giáp với tỉnh Nam Định qua sông Hồng, điểm cực Nam (thuộc xã Nam Phú); phía Đông giáp biển Đông với hơn 50 km bờ biển, điểm cực Đông (đảo Cồn Đen); phía Tây giáp các xã còn lại của huyện Thái Thụy và Tiền Hải, điểm cực Tây (thuộc xã Thái Thọ). Khu kinh tế Thái Bình sẽ được phát triển thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, tận dụng được lợi thế, tiềm năng của tỉnh, tạo việc làm,

nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu nhập cho người lao động.

Theo quyết định thành lập, khu kinh tế biển Thái Bình (tỉnh Thái Bình) là Khu kinh tế ven biển bao gồm 26 xã, 1 thị trấn thuộc 2 huyện Thái Thụy, Tiền Hải và phần tiếp giáp ven biển. Trong đó: Huyện Thái Thụy gồm 12 xã và 1 thị trấn: Thị trấn Diêm Điền; các xã: Thụy Hải, An Tân, Thụy Trường, Thụy Xuân, Thụy Liên, Thái Nguyên, Thái Thượng, Hòa An, Thái Đô, Thái Thọ, Thái Xuyên, Mỹ Lộc; Huyện Tiền Hải gồm 14 xã: Đông Trà, Đông Long, Đông Xuyên, Đông Hoàng, Đông Minh, Đông Cơ, Đông Lâm, Tây Giang, Nam Cường, Nam Thắng, Nam Thịnh, Nam Thanh, Nam Hưng, Nam Phú.. [119].

Theo UBND tỉnh, khu kinh tế biển Thái Bình đã lấy dải đất ven biển từ xã Thụy Hải (huyện Thái Thụy) đến xã Nam Phú (huyện Tiền Hải) và phần đất ngập nước ven bờ, có tổng diện tích hơn 30.580 ha. Trong đó, bao gồm: đất và biển (trong đó: khoảng 27.639 ha đất (bao gồm cả đất có mặt nước ven biển) và khoảng 2.944 ha biển (tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm theo Quyết định số 1790/QĐ- BTNMT ngày 06/6/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường đến ranh giới phía Đông của Khu kinh tế), chiếm 19,30% tổng diện tích tự nhiên. Điều thuận lợi là phần dự kiến xây dựng chủ yếu là khu vực bãi bồi ven biển nên không ảnh hưởng tới việc giải phóng mặt bằng, quốc phòng và sinh thái ven biển. Diện tích này phù hợp cho quy hoạch phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị... với chi phí đầu tư không cao như các vùng khác. Không tác động tiêu cực đến các khu bảo tồn thiên nhiên mà tiếp tục phát triển thêm quỹ đất cho các khu vực ven biển, hình thành mới các vành đai sinh thái ngập mặn, là lá chắn cho khu vực đất liền.

Quy hoạch phát triển các khu du lịch sinh thái, khu sinh quyển, để khai thác những tiềm năng, thế mạnh về kinh tế biển, tỉnh Thái Bình đã và đang đẩy mạnh hoạt động du lịch biển. Khu du lịch sinh thái biển Cồn Vành (huyện Tiền Hải) và Cồn Đen (huyện Thái Thụy) nằm trong Khu dự trữ sinh quyển châu thổ sông Hồng đã được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển

thế giới. Hiện trạng chung tại những khu du lịch sinh thái này là khá hoang sơ, với thảm thực vật tự nhiên phong phú, đa dạng.

Do ở vị trí cửa sông Hồng rất thuận tiện về giao thông đường sông nên Khu du lịch sinh thái Cồn Đen đã được quy hoạch thành khu du lịch sinh thái có bãi tắm biển, khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi giải trí (sân thể thao, khu trượt nước), khu du lịch văn hóa tổng hợp, trung tâm mua sắm, hệ thống cây xanh... Cũng theo quy hoạch, tại Khu di lịch sinh thái cồn Đen sẽ tổ chức các tour, tuyến kết nối với các khu rừng ngập mặn Thụy Trường, các khu du lịch kế cận Đòng Châu, Cồn Vành, các điểm du lịch dọc theo sông Trà Lý về thành phố Thái Bình, đi các điểm di tích lịch sử văn hóa đền, chùa, nhà thờ, khu thờ danh nhân văn hóa ở trong và ngoài tỉnh, du lịch đồng quê, đến các vùng trồng cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản.

Riêng Cồn Vành sẽ được quy hoạch thành các khu du lịch nghỉ dưỡng chất lượng cao và trung bình, được bố trí ven biển kết hợp với bãi tắm, có bể bơi; Khu vui chơi giải trí tập trung bao gồm điểm tổ chức đua thuyền, du ngoạn, thể thao và các loại hình giải trí đa dạng khác; Khu thể thao sân golf; Khu du lịch văn hóa tổng hợp được bố trí ở phía Đông - Nam; Khu rừng ngập mặn; Khu cây xanh được bố trí xen lẫn các khu chức năng, gần với sông biển tạo ra vùng sinh thái đặc trưng...

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình và để đảm bảo an ninh trật tự phục vụ nhiệm vụ bảo vệ khu sinh thái, khu du lịch nhằm phát triển kinh tế biển, Công an Thái Bình đã chủ động tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo triển khai thực hiện sâu rộng, có hiệu quả Nghị quyết 02 về phát triển kinh tế biển, xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (Khoá X) về Chiến lược biển Việt Nam. Tham mưu UBND tỉnh xây dựng và triển khai kế hoạch "Đảm bảo trật tự trị an, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế trên biển, đảo".

*** Quy hoạch nội dung xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh**

Trong thời gian qua, Tỉnh Thái Bình đã tăng cường quản lý Nhà nước về an toàn trật tự, nhất là quản lý cư trú, quản lý người nước ngoài, quản lý các loại phương tiện, tàu thuyền, lao động làm nghề vận tải biển, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản đi đôi với xây dựng và củng cố hệ thống chính trị cơ sở; xây dựng các lực lượng nòng cốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, vai trò trách nhiệm của các cấp chính quyền, các ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Giáo dục, động viên, tổ chức và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho ngư dân, người làm nghề biển nâng cao ý thức cảnh giác, tích cực lao động, sản xuất góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào việc nuôi trồng, đánh bắt, khai thác nguồn lợi thủy hải sản; kiên trì bám biển, giữ vững ngư trường truyền thống và tiến ra khơi xa làm giàu từ biển gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo. Chủ động tích cực tham gia các hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ; phòng chống thảm họa thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng; các hoạt động bảo vệ tài nguyên môi trường biển. Tích cực đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật trên biển, đảo; các hoạt động vận chuyển, buôn bán hàng cấm, trốn lậu thuế; đánh bắt có tính chất huỷ diệt nguồn lợi thủy hải sản...

Do đó, những năm qua, tình hình chủ quyền, an ninh trật tự ở khu vực biên giới biển tỉnh Thái Bình cơ bản ổn định và giữ vững, phục vụ tốt cho nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 16 và Nghị quyết số 02 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã xác định. Hàng năm cán bộ, chiến sỹ bộ đội biên phòng tỉnh tích cực tham gia hàng ngàn ngày công, đóng góp ủng hộ hàng trăm triệu đồng giúp nhân dân khu vực biên giới biển; phối hợp với mặt trận tổ quốc tỉnh xây dựng 67 Nhà “Mái ấm Biên cương” cho các hộ có hoàn cảnh khó khăn

trên khu vực biên giới biển; Đoàn thanh niên, hội Phụ nữ, bộ đội biên phòng phối hợp các đơn vị tổ chức nhiều hoạt động tình nghĩa hướng về nhân dân khu vực biên giới, giúp đỡ nhân dân làm đường nông thôn mới, thăm khám tư vấn cấp thuốc miễn phí cho hàng trăm đối tượng chính sách, có hoàn cảnh khó khăn, nhận đỡ đầu nhiều cháu có hoàn cảnh khó khăn trong chương trình “Nâng bước các em đến trường” trên các xã ven biển, hoàn thành nhiều công trình ý nghĩa như sân chơi cho trẻ em xã Đông Hoàng; mô hình giúp dân nghèo nuôi chim câu xã Đông Minh hay mô hình họ giáo không ma túy và tệ nạn xã hội, Tổ tàu thuyền tự quản bến bãi an toàn [119].

**** Quy hoạch về nội dung môi trường gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh***

Phát triển kinh tế biển gắn chặt với bảo vệ môi trường là vấn đề quan trọng và có tính thời sự trong giai đoạn hiện nay. Trước hết, Tỉnh đã chú trọng giải quyết tốt các mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển; bảo đảm an sinh xã hội biển đảo; sử dụng tương đối tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, với không gian kinh tế biển đảo và vùng nội địa; mở rộng hợp tác quốc tế và giữ vững chủ quyền biển, đảo theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Lấy việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, là những yếu tố nền tảng cho phát triển kinh tế biển hiệu quả và bền vững dựa trên việc bảo toàn nguồn vốn tự nhiên biển; bảo vệ và đầu tư cho các hệ sinh thái biển, ven biển, hải đảo...

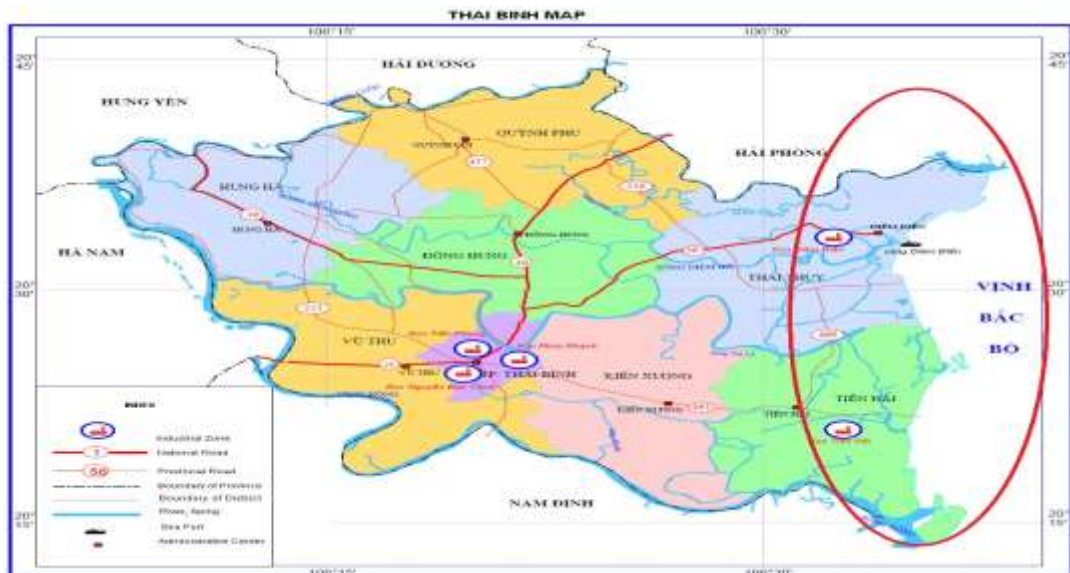
Tỉnh đã và đang hoàn thiện các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật nhằm bảo đảm sự hài hòa quyền lợi, lợi ích trong khai thác, sử dụng tài nguyên để phát triển kinh tế biển với nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ môi trường biển. Tăng cường giám sát, rà soát và quản lý các nguồn thải gây ô nhiễm ra môi trường biển; đầu tư, thiết lập hệ thống quan trắc, giám sát môi trường tại các địa phương. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận

thức của cộng đồng về những tác hại của các vấn đề môi trường xuyên biên giới đối với tài nguyên và môi trường biển trong khu vực...

3.2.2.2. *Thực trạng xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh*

Về kế hoạch thành lập khu vực kinh tế biển ven biển năng động, phát triển nhanh.

Khu kinh tế Thái Bình có tổng diện tích tự nhiên 30.583 ha tại 2 huyện Thái Thụy, Tiền Hải, tỉnh Thái Bình được xây dựng và phát triển để trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, địa bàn có tính đột phá của tỉnh Thái Bình; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp tận dụng được lợi thế, tiềm năng của khu vực về nguồn khí thiên nhiên và nguồn nguyên liệu, liên kết với các khu kinh tế, khu công nghiệp đã phát triển trong vùng đồng bằng sông Hồng; kết hợp phát triển các ngành nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ở những khu vực có chất lượng đất tốt, nguồn lợi thủy sản phong phú; phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch phù hợp với tiềm năng và nhu cầu của khu vực; tạo việc làm, đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng thu nhập cho người lao động.



Hình 3.2: Quy hoạch xây dựng khu kinh tế biển Thái Bình

Nguồn: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình [83].

Kế hoạch thành lập khu vực kinh tế ven biển chia thành nhiều giai đoạn như sau:

Giai đoạn I (2017 - 2020), Khu kinh tế sẽ tập trung kiện toàn bộ máy quản lý, huy động vốn đầu tư. Ngoài ra, trong giai đoạn này, chính quyền sẽ hoàn thiện quy hoạch xây dựng, chuẩn bị quỹ đất và kế hoạch tái đầu tư. Giai đoạn này sẽ tập trung ưu tiên phát triển khu vực phía đông của Quốc lộ ven biển với quy mô khoảng 10.000 ha nằm trong khu vực đất bãi bồi, không có dân cư, không có đất lúa. Đầu tư xây dựng một số hạng mục kết cấu hạ tầng (như luồng tàu vào cảng, xây dựng nâng cấp cảng Diêm Điền...) và phát triển các ngành công nghiệp gắn với biển như: Công nghiệp đóng tàu, sản xuất điện năng, chế biến thủy sản, sản xuất phân đạm, vật liệu xây dựng cao cấp, nguyên liệu cho ngành khai khoáng...); phát triển các khu du lịch Cồn Đen, Cồn Vành, Đòng Châu; xây dựng cảng, khu phi thuế quan và nâng cấp các khu đô thị hiện có như: thị trấn Diêm Điền, thị trấn Tiên Hải... phấn đấu đến năm 2020, kinh tế trên biển và ven biển đóng góp khoảng 30 - 40% GDP của tỉnh và đến năm 2030 hoàn thành việc đầu tư phát triển khu kinh tế ven biển Thái Bình vững mạnh [83].

Giai đoạn II (2021 - 2025), Khu kinh tế tập trung thu hút đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực trọng tâm. Bên cạnh đó, Khu kinh tế sẽ chú trọng xây dựng và nâng cấp hạ tầng các đô thị có ý nghĩa động lực và đào tạo, thu hút nguồn nhân lực.

Giai đoạn III (2025 - 2030) là thời điểm hoàn thiện kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Thái Bình và thu hút các ngành công nghiệp hiện đại, công nghệ tiên tiến. Đây cũng là giai đoạn Khu kinh tế phát triển hài hoà các chức năng, phát triển các đô thị theo hướng hiện đại, văn minh và gắn kết với nhau.

Nằm trong Khu kinh tế Thái Bình, các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp Tiên Hải của Viglacera sẽ được hưởng nhiều ưu đãi như: Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất ưu đãi 10% trong 15 năm; Miễn thuế 4

năm đầu và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo; Ưu đãi về tiền thuê đất: Miễn tiền thuê đất trong 13 năm; Ưu đãi về thuế nhập khẩu; Ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân, và các chính sách ưu đãi theo luật định áp dụng đối với khu kinh tế [89].

Trong định hướng phát triển giao thông của vùng sẽ có quốc lộ ven biển, đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh qua Thái Bình. Trong tương lai gần với những điều kiện về hạ tầng kết nối bên ngoài sẵn có và phát triển, cùng với sự tác động của các công trình, dự án lớn trên địa bàn là Nhà máy nhiệt điện Thái Bình, cảng biển Diêm Điền, dự án xây dựng đường ống dẫn khí vào bờ... khu kinh tế biển Thái Bình sẽ tạo ra bước đột phá lớn trong phát triển kinh tế - xã hội của 2 huyện ven biển Thái Thụy, Tiền Hải và toàn tỉnh; đồng thời còn đóng góp lớn vào sự tăng trưởng cho cả vùng phía nam đồng bằng sông Hồng.

Mục tiêu phát triển chủ yếu của khu kinh tế này là khai thác tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí trong việc kết nối kinh tế, thương mại, dịch vụ với các địa bàn lân cận, góp phần thu hẹp khoảng cách khu vực này với các vùng khác trong cả nước và vùng đồng bằng sông Hồng; kết hợp chặt chẽ giữa thu hút đầu tư, phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy giá trị của hệ sinh thái biển, di tích lịch sử, văn hóa trong khu vực.

Về kế hoạch hình thành nghiên cứu đầu tư tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình

Theo UBND tỉnh Thái Bình, tuyến đường bộ ven biển tỉnh Thái Bình được quy hoạch đi qua địa giới hành chính các huyện Thái Thụy và Tiền Hải. Chiều dài tuyến đường gần 45 km, xây dựng theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng. Điểm đầu nối tuyến đường bộ ven biển Hải Phòng tại khu vực đò Gánh, giáp ranh giữa xã Thụy Tân và Thụy Trường (huyện Thái Thụy). Điểm cuối nối với tuyến đường bộ ven biển tỉnh Nam Định tại xã Nam Phú (huyện Tiền Hải) [81]. Đây là tuyến đường bộ đi dọc biển nhằm khai thác, sử dụng có

hiệu quả tài nguyên vùng ven biển, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương có biển; tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Tuyến đường hình thành trên cơ sở tận dụng tối đa các tuyến đường hiện có kết hợp với việc đầu tư xây dựng mới, kết nối thuận lợi với mạng lưới giao thông khu vực đồng bằng Bắc Bộ; kết nối mạng lưới giao thông tỉnh Thái Bình với mạng lưới giao thông các tỉnh: Nam Định, Hải Phòng, Quảng Ninh; rút ngắn quãng đường và thời gian di chuyển từ Thái Bình đến cảng biển quốc tế, sân bay quốc tế và các khu vực kinh tế biển. Tuyến đường từng bước hoàn chỉnh và hoàn thiện mạng lưới giao thông theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Thái Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Kết nối các trung tâm hành chính, kinh tế của địa phương, các tỉnh lân cận với các khu vực có nhiều tiềm năng về phát triển du lịch như Khu du lịch Đền Châu, Cồn Vành để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Về kế hoạch hình thành các trung tâm kinh tế đảo kết hợp với an ninh quốc phòng

Theo kế hoạch thực hiện, tỉnh Thái Bình đã xây dựng kế hoạch hình thành khu phức hợp giải trí, du lịch, nghỉ dưỡng Cồn Vành - với tên gọi mới Serena Island (đảo Thái Bình Hưng Thịnh) gửi gắm ước mơ trở thành trung tâm cửa ngõ thương mại, du lịch, kinh tế mới của miền Bắc, chào đón không chỉ khách du lịch thập phương mà cả các doanh nghiệp, các tổ chức quốc tế đến Việt Nam đầu tư, giao lưu, phát triển. Cồn Vành thuộc xã Nam Phú, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, nằm cách đất liền 7km, cách thành phố Thái Bình 40km [1199]. Với vị trí đặc địa, Cồn Vành nằm ở cửa sông Ba Lạt, nơi cửa sông Hồng hòa mình vào biển cả tạo nên khung cảnh thiên nhiên hữu tình và tĩnh lặng, với hệ sinh thái rừng ngập mặn phong phú đã được UNESCO công nhận từ năm 1994 [119]. Bãi biển Cồn Vành trải dài gần 8km, với triền cát mịn và những hàng phi lao chắn cát xanh ngát. Bên ngoài giáp biển, trong nội địa Cồn Vành hiện còn có sông Hồng Lấp, sông Đào và sông Cau chảy

qua tạo nên mạng lưới kênh, rạch vô cùng thơ mộng. Nếu như trước đây, muốn đến Cồn Vành, người dân Thái Bình phải chèo thuyền thì bây giờ tuyến đường bê tông hiện đại nối Cồn Vành với đất liền giúp giao thông thuận lợi. Hiện nay, con đường này đang tiếp tục được mở rộng và nâng cấp, nhằm đảm bảo tuyến đường hiện đại, an toàn nối tới Cồn Vành trong tương lai. Cồn Vành cũng là nơi kết nối với nhiều điểm du lịch khác của Thái Bình như chùa Keo, di tích nhà Trần, làng nghề thêu Minh Lãng, làng chạm bạc Đồng Xâm, nhà vườn Bách Thuận, tạo nên một quần thể du lịch hấp dẫn của Thái Bình. Quy mô đầu tư về diện tích: 2300 ha; Tổng mức đầu tư: 12460 tỷ đồng [80]. Bao gồm có các Resort và biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp có bể bơi, bãi biển riêng, sân golf 18 lỗ và hội quán 5 sao đầy đủ tiện nghi, Trung tâm Hội nghị Quốc tế sang trọng, an ninh với hệ thống khách sạn, nhà hàng và dịch vụ thương mại hiện đại. Quần thể kiến trúc "Phố trong sông" đặc trưng của thành phố Venice được tái hiện ở Việt Nam, với các khu phố sang trọng, sầm uất nằm xen lẫn các dòng sông thơ mộng. Các khu Phố Quốc Tế mang tên Phố Việt - Nhật, Phố Việt - Mỹ, Phố Việt - Âu mang đậm dấu ấn văn hóa và kiến trúc của nước bạn, chào đón các cá nhân, tổ chức nước bạn tới giao lưu, kinh doanh và hợp tác quốc tế với doanh nghiệp địa phương. Casino hiện đại và tráng lệ, kết hợp với các dịch vụ nghỉ dưỡng trên nền cảnh quan sông nước trữ tình, thơ mộng. Công viên xanh, dịch vụ vui chơi giải trí bãi biển, du thuyền và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho du khách. Khu tín ngưỡng tâm linh.

- Về kế hoạch hình thành chuỗi đô thị ven biển

Từ tầm nhìn tuyến đường ven biển đã hình thành ý tưởng xây dựng một chuỗi đô thị ven biển kéo dài từ dọc đường bờ biển Thái Bình. Ý tưởng đó đang từng bước trở thành hiện thực. trong chiến lược phát triển kinh tế chung của tỉnh Thái Bình đã xác định rõ hai khu vực kinh tế sẽ tạo nên động lực phát triển của tỉnh, đó là Vùng kinh tế biển Thái Thụy và vùng kinh tế biển Tiền Hải. Trong đó, Vùng kinh tế Thái Thụy là sự tích hợp giữa du lịch - dịch vụ,

đô thị và công nghiệp tương đối rõ nét, với hàng loạt dự án chiến lược như sẽ tạo nên một chuỗi liên kết đủ mạnh để hình thành một dải phát triển dọc bờ biển Thái Bình. Theo kế hoạch, được bắt đầu xây dựng từ tháng 4/2016 và dự kiến hoàn thành vào năm 2035, Dự án sẽ được phát triển với mục tiêu xây dựng khu du lịch nghỉ dưỡng phức hợp, giải trí có thưởng, khu vui chơi cao cấp tiêu chuẩn 5 sao, trung tâm văn hóa, thương mại dịch vụ với những hạng mục như khối khách sạn, khu nghỉ dưỡng, các hình thức căn hộ dịch vụ; các công trình thương mại dịch vụ như cửa hàng bán lẻ, cửa hàng kinh doanh dịch vụ giải trí và chăm sóc sức khỏe, nhà hàng, trung tâm mua sắm, trung tâm hội nghị, triển lãm, thể dục thể thao; các công trình nhà ở như biệt thự, nhà liền kề, chung cư bán và cho thuê, các công trình phức hợp thương mại nhà ở, bao gồm nhà ở xen kẽ hoặc liền khối với các công trình thương mại dịch vụ; làng văn hóa, thủ công mỹ nghệ, công viên giải trí, bến du thuyền... và các tiện ích khác. Dự án cũng cam kết xây dựng một hạng mục giáo dục phi lợi nhuận, nhằm phục vụ lợi ích cộng đồng là trường đào tạo nghiệp vụ du lịch, để đào tạo nhân lực ngành du lịch cho Dự án Khu nghỉ dưỡng ở tỉnh Thái Bình. Chuỗi dự án sẽ góp phần thay đổi diện mạo kinh tế - xã hội của tỉnh, biến khu vực khó khăn về kinh tế trở thành trung tâm du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ, giải trí đẳng cấp quốc tế. Chuỗi đô thị ven biển sẽ bao gồm các dự án sau: Xây dựng trung tâm thương mại và Hội chợ triển lãm quốc tế Thái Bình với Quy mô dự án: 1,5-1,7ha (loại I). Tổng vốn đầu tư: 5 triệu USD [90]. Xây dựng Trung tâm Thương mại du lịch Diêm Điền. Quy mô dự án: 1,0-1,2ha (loại II) với Tổng vốn đầu tư: 2 triệu USD. Xây dựng Trung tâm Thương mại du lịch Tiên Hải, Quy mô dự án: 1,0-1,2ha (loại II), Tổng vốn đầu tư: 2 triệu USD. Xây dựng khu du lịch Đồng Châu; Tổng vốn đầu tư: 20 triệu USD. Xây dựng khu du lịch sinh thái Cồn Vành; Quy mô dự án: 1.600 ha; Tổng vốn đầu tư :100 triệu USD. Xây dựng khu du lịch sinh thái Cồn Đen; Quy mô dự án: 1.000 ha; Tổng vốn đầu tư: 70 triệu USD. Tổng nhu cầu vốn đầu tư trong giai

đoạn 2016 - 2020 khoảng 166,5 nghìn tỷ đồng; dự kiến huy động từ các nguồn: Vốn ngân sách Nhà nước chiếm khoảng 24-25% (bao gồm vốn ngân sách Trung ương, tỉnh và ngân sách địa phương, chủ yếu đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển văn hóa xã hội, đảm bảo đời sống, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phòng tránh thiên tai); vốn doanh nghiệp trong nước và vốn từ dân cư chiếm khoảng 69-70%; vốn nước ngoài (ODA, FDI) chiếm khoảng 6-7% [90]. Hệ thống kết cấu hạ tầng như cầu, đường, sân bay, cảng biển được đầu tư nâng cấp đồng bộ không ngoài mục đích phát huy lợi thế biển, lợi thế du lịch, đưa biển gần khu vực trung tâm. Tiếp đó, sự phát triển vượt bậc của tuyến đường ven biển Hoàng Sa - Trường Sa đi cùng hàng loạt dự án bất động sản nghỉ dưỡng, đã tạo điểm nhấn kiến trúc về đô thị hướng biển cho Thái Bình. UBND tỉnh Thái Bình phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh Thái Bình và Phát triển đô thị du lịch ven biển. Hội nghị dự kiến thu hút hàng trăm nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước tham gia. Đây cũng là dịp để các chuyên gia kinh tế, các nhà hoạch định chính sách, góp ý xây dựng định hướng phát triển chuỗi đô thị ven biển này trong tương lai gần. Dưới góc nhìn quy hoạch, chuỗi đô thị du lịch ven biển Thái Bình đã tạo nên một định hướng cụ thể, để các địa phương khu vực này hướng đến. Qua đó, phát huy mọi tiềm năng, lợi thế để sớm hiện thực hóa giấc mơ phát triển du lịch bền vững gắn với bảo vệ an ninh khu vực biển.

Trong đó, vùng quốc phòng, an ninh được bố trí phù hợp. Xây dựng, nâng cấp các khu vực phòng thủ ven biển theo quy định của Bộ Quốc phòng và Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình để đảm bảo công tác phòng thủ, công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu đảm bảo an ninh, quốc phòng tỉnh Thái Bình và quốc gia. Các khu vực bãi triều của xã Đông Hoàng, bờ biển Đông Minh, bãi triều Cồn Thủ và khu vực bãi triều ở Cồn Vành, huyện Tiền Hải. Các khu vực cửa sông: cửa Diêm Điền, cửa sông Thái Bình, cửa sông Trà Lý huyện Thái Thụy và các cửa sông cửa Lân, cửa Ba Lạt của Tiền Hải.

Về xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung môi trường của phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Cùng với các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh cũng đặt ra vấn đề cấp thiết cần giải quyết trong việc kiểm soát ô nhiễm môi trường nói chung và ô nhiễm môi trường biển ven bờ nói riêng. Theo kết quả quan trắc của Chi cục Biển phối hợp với Trung tâm Quan trắc phân tích tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình thực hiện năm 2022 cho thấy, môi trường nước vùng ven biển tỉnh Thái Bình có dấu hiệu ô nhiễm do phát hiện nồng độ chất rắn lơ lửng, hàm lượng kim loại mangan, hàm lượng kim loại đồng, hàm lượng kim loại kẽm tăng cao so với quy định cho phép đối với khu vực nuôi trồng thủy sản và bảo tồn biển [89]. Trong những năm gần đây, Thái Bình đã chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, trong đó có bảo vệ môi trường biển. Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã quan tâm ban hành và chỉ đạo các Sở, ban, ngành chuyên môn cụ thể hóa các văn bản quy phạm, văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế chính sách về bảo vệ môi trường ở địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức trong kiểm soát, quản lý môi trường nói chung và môi trường vùng biển ven bờ ở tỉnh Thái Bình như: Đội ngũ cán bộ, về mặt thể chế chính sách, kinh phí đầu tư.

Đó là những hạn chế về môi trường ven biển ở tỉnh Thái Bình. Do vậy cần có những chương trình, kế hoạch đẩy mạnh phát triển môi trường bền vững như: tuyên truyền, giáo dục để công tác bảo vệ môi trường được thực hiện có hiệu quả tốt nhất. Trong đó Chương trình, kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển tỉnh Thái Bình giai đoạn 2015 - 2020 định hướng đến năm 2030 của tỉnh Thái Bình dựa trên nền tảng kinh tế, xã hội và môi trường đã bước đầu giúp cho Thái Bình đề xuất các định hướng, chủ trương, chính sách và thiết lập được cơ chế điều phối đa ngành trong hoạt động quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường biển. Tuy nhiên, hiện nay trước sức ép của tốc độ gia tăng dân số vùng ven biển ngày càng tăng cao trong bối

cảnh tài nguyên đất liền bị khai thác cạn kiệt càng đẩy mạnh khuynh hướng tiến ra biển, khai thác từ biển, làm giàu từ biển, trong khi các hoạt động khai thác tài nguyên biển trên địa bàn tỉnh chỉ tập trung vào các mục tiêu phát triển kinh tế...

3.2.2.3. Thực trạng phát triển các thành phần kinh tế trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

Với tiềm năng và lợi thế sẵn có như vậy, tỉnh Thái Bình đã có nhiều chủ trương chính sách ưu tiên đầu tư, thu hút các nguồn lực từng bước phát triển kinh tế biển. Cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành liên quan tích cực phối hợp với các bộ, ngành trung ương trong việc thăm dò dầu khí và điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên than nâu, làm cơ sở triển khai thực hiện các dự án đầu tư về khai thác khí đốt và than nâu ở khu vực ven biển của tỉnh. Đồng thời điều tra, khảo sát, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 và 1/5000 khu vực bãi cồn ven biển. Điều tra, thống kê hiện trạng sử dụng đất vùng bãi bồi ven biển để làm căn cứ quy hoạch nuôi trồng thủy sản; ban hành quy định về cho thuê đất vùng bãi triều để nuôi ngao.

**Bảng 3.5: Vốn đầu tư NSNN cho kinh tế biển ở tỉnh Thái Bình
giai đoạn 2010 - 2020**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	So với KH (%)
Tổng số	20.592,16	15.286,4	50,0
Ngành thủy sản	4.029,36	3.078,43	76,4
Du lịch biển	3.891,8	2.603,36	66,9
Kinh tế hàng hải	12.671	9604,61	75,8

Nguồn: [83] và tổng hợp từ các Báo cáo của tỉnh của tác giả

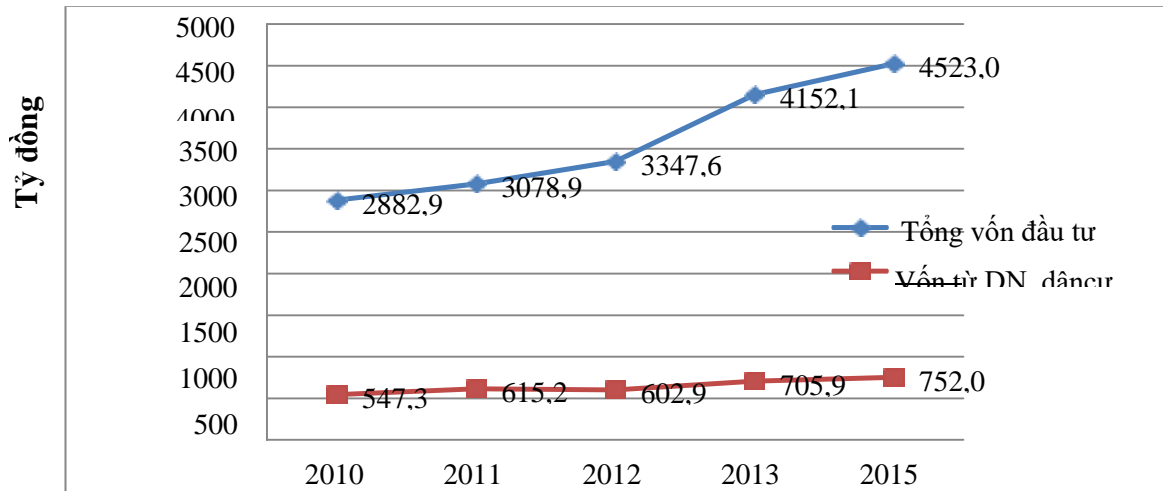
Việc hoàn thành dự án kinh tế kết hợp với quốc phòng ở khu vực cồn Vành đạt hiệu quả thiết thực, vừa tạo điều kiện phát triển kinh tế thủy sản và du lịch biển, vừa góp phần tăng cường tiềm lực quốc phòng trên hướng phòng

thủ chủ yếu của tỉnh. Ngoài ra, các chương trình, dự án trồng rừng ngập mặn, tăng gia sản xuất, cấp điện, cấp nước và hoạt động quân dân y kết hợp được đẩy mạnh, góp phần xây dựng và phát huy sức mạnh tổng hợp quân dân trong bảo vệ chủ quyền an ninh trật tự vùng biển và khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

Về huy động nguồn vốn cho phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, tỉnh Thái Bình đã đầu tư hàng trăm tỷ đồng để phục vụ cho việc phát triển các ngành nghề kinh tế biển với mục tiêu: Khai thác tốt tiềm năng và lợi thế của vùng, phát huy nội lực kết hợp với các nguồn lực bên ngoài; huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực có trọng tâm, trọng điểm tạo đột phá về kinh tế biển phát triển nhanh, bền vững hài hòa với phát triển văn hóa - xã hội; xây dựng vùng biển thành vùng động lực phát triển kinh tế. Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển nhanh các ngành kinh tế có lợi thế như cảng và dịch vụ hàng hải, công nghiệp hoá dầu và sản phẩm từ dầu, công nghiệp điện, đóng và sửa chữa tàu biển, du lịch biển đảo, thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá an toàn và bền vững ...[119]. Tổng vốn đầu tư cần cho các ngành kinh tế biển trọng yếu của tỉnh giai đoạn 2010 – 2020 lần lượt từ cao đến thấp là ngành kinh tế hàng hải là 12.671 tỷ đồng; ngành thủy sản là 4.029,36 tỷ đồng và ngành du lịch biển là 3.891,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, con số thực hiện so với kế hoạch được giao còn chưa thực sự hiệu quả khi mức cao nhất thực hiện được so với kế hoạch mới chỉ chiếm 76,4%.

Về huy động vốn đầu tư của các doanh nghiệp, trong thời gian qua, nguồn vốn của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư vào các ngành kinh tế nói chung, ngành kinh tế biển nói riêng, liên tục tăng qua các năm. Trên địa bàn tỉnh Thái Bình, các doanh nghiệp chủ yếu đầu tư vào khai thác, chế biến thủy sản, ngành du lịch biển và vận chuyển hàng hải. Tỷ trọng

vốn từ khu vực doanh nghiệp, dân cư có xu hướng tăng lên qua các năm, năm 2010 tỷ lệ này là 20%, đến năm 2017 tuy chỉ còn 17%, nhưng năm 2022, tỷ lệ này tăng lên gần 30%.



Hình 3.3: Đầu tư của khu vực dân doanh trong nước cho phát triển kinh tế biển ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 - 2015

Nguồn: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình [83]

Về đầu tư ngành thủy sản, giai đoạn 2010 - 2015, ngành thủy sản của tỉnh chuyển đổi và thành lập mới thêm 22 doanh nghiệp. Trong giai đoạn này, tổng vốn đầu tư tăng thêm 766 tỷ đồng. Các doanh nghiệp thủy sản chủ yếu tham gia chế biến thủy sản, chưa có doanh nghiệp đầu tư vào cơ sở hạ tầng ngành thủy sản, trông chờ chủ yếu vào sự đầu tư của ngân sách nhà nước. Điều này, dẫn đến hạn chế trong khai thác các lợi thế ngành thủy sản của tỉnh. Cũng trong giai đoạn này, có 16 dự án liên quan đến biển được Tỉnh chấp thuận nghiên cứu dự án và giới thiệu địa điểm đầu tư, tăng 77,7% so với cùng kỳ năm trước; có 9 dự án được cấp chứng nhận đầu tư với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 259,9 tỷ đồng, tăng 24%. Lũy kế đến giai đoạn 2010 - 2022, toàn tỉnh có 170 dự án biển đầu tư, tổng vốn đăng ký trên 5.807 tỷ đồng, thu hút trên 13 nghìn lao động, trong đó 8 dự án đã sản xuất, vốn đầu tư 470,65 tỷ đồng, tạo việc làm cho trên 15 nghìn lao động [90].

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giai đoạn 2010 – 2020, toàn tỉnh có 651 dự án đầu tư. Cụ thể: giai đoạn 2010 – 2015, toàn tỉnh có 51 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư 380,853 triệu USD, trong đó có 13 dự án liên quan đến biên đã đi vào sản xuất kinh doanh, đóng góp 11,1% giá trị xuất khẩu và 9% giá trị sản xuất nông nghiệp của toàn tỉnh; tổng vốn đầu tư thực hiện của các dự án FDI đạt 14,524 triệu USD, tăng 10,3% so giai đoạn 2005 - 2010. Trong giai đoạn 2015 – 2020, tỉnh Thái Bình thu hút được 600 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký đầu tư là 54.000 tỷ đồng, trong đó có 401 dự án đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh; 199 dự án đang triển khai các hoạt động đầu tư xây dựng và thực hiện các thủ tục đất đai, môi trường, xây dựng. Tại Khu Kinh tế Thái Bình có 07 dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 1.364,48 tỷ đồng, trong đó 04 dự án đầu tư lĩnh vực công nghiệp, 02 dự án đầu tư lĩnh vực dịch vụ, 01 dự án đầu tư lĩnh vực nông nghiệp. Tại khu công nghiệp, có 547 dự án đầu tư với tổng số vốn đầu tư đăng ký khoảng 10.902,3 tỷ đồng, số vốn thực hiện đầu tư là 5.652,7 tỷ đồng, sử dụng 14.453 lao động, trong đó có 49 dự án đầu tư lĩnh vực công nghiệp, 05 dự án đầu tư lĩnh vực dịch vụ. Tất cả các dự án đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến năm 2023, vốn đầu tư FDI đạt 1,52 tỷ USD, cao gấp 1,8 lần tổng vốn đầu tư FDI của tỉnh giai đoạn 2020 trở về trước. Nếu xét riêng về thu hút FDI cấp mới, năm 2022, Thái Bình nằm trong 10 địa phương thu hút cao nhất cả nước. Trong đó, Khu kinh tế đã thu hút được 3 dự án hạ tầng khu công nghiệp gồm khu công nghiệp Liên Hà Thái, khu công nghiệp Hải Long, khu công nghiệp VSIP Thái Bình. Một số dự án thứ cấp có quy mô khá lớn thuộc lĩnh vực điện tử, trang thiết bị y tế có công nghệ tiên tiến như dự án sản xuất kính áp tròng của Công ty Pegavision Corporation, dự án sản xuất chân cắm ram máy tính của Lotes, dự án sản xuất điện thoại, máy tính bảng, thiết bị thông minh của Compal, dự án sản xuất thiết bị làm vườn của Greenworks... Hiện tại, còn nhiều nhà đầu tư quan tâm nghiên cứu, đề xuất dự án trong Khu kinh tế như khu đô thị, khu du

lich nghỉ dưỡng, sân golf, dự án điện khí thiên nhiên hoá lỏng, điện gió, khu cảng biển, cảng cạn, cảng thủy nội địa.

Theo đó, trong tổng nguồn vốn đầu tư vào ba ngành nghề của kinh tế biển thì vốn đầu tư vào lĩnh vực du lịch biển chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ trọng 42,97% tổng vốn đầu tư vào kinh tế biển, vốn đầu tư vào ngành hàng hải chiếm tỷ trọng thấp nhất (chiếm 25,91%). Đối với cả ba ngành này, vốn từ doanh nghiệp và dân cư chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn vốn huy động cho phát triển của mỗi ngành (chiếm 38,44% tổng vốn đầu tư). Đây là nỗ lực của chính quyền tỉnh Thái Bình trong thời gian qua khi giảm được vốn NSNN, thu hút được vốn đầu tư của doanh nghiệp và dân cư cho phát triển kinh tế biển của tỉnh Thái Bình [85].

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chủ yếu tập trung ở khu kinh tế biển Thái Bình. Tính đến hết năm 2022, toàn tỉnh Thái Bình có 113 dự án đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng vốn đăng ký khoảng 2.046,25 triệu USD, trong đó có 65 dự án FDI trong khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 1.588,64 triệu USD, 46 dự án FDI ngoài khu công nghiệp với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 487,44 triệu USD. Thái Bình hiện có 27 dự án của các nhà đầu tư Hàn Quốc với tổng số vốn đầu tư gần 150 triệu USD. Kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc đạt 450 triệu USD chiếm 18,1% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh.

Về phát triển doanh nghiệp biển, trong giai đoạn 2010-2015, Thái Bình có 120 doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực biển được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn đăng kí 265 tỷ đồng, gấp 2,3 lần về số doanh nghiệp và tăng 2,1 lần về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước; có 80 doanh nghiệp ngừng hoạt động, trong đó thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 05 doanh nghiệp. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 3.725 doanh nghiệp và 396 chi nhánh, văn phòng đại diện. Tiếp tục hoàn thiện việc cổ phần hóa ở Xi nghiệp in và lập kế hoạch, xây dựng phương án thực hiện cổ phần hóa 04 doanh nghiệp khác theo kế hoạch được duyệt [85].

Mặc dù bị ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới và suy giảm kinh tế trong nước, nhưng sản xuất công nghiệp biển của tỉnh vẫn có mức tăng trưởng khá, đã thu hút được một số dự án đầu tư lớn. Hiện Thái Bình đang phối hợp với Tập đoàn dầu khí quốc gia triển khai dự án xây dựng đường ống dẫn khí đốt từ thềm lục địa vào bờ với sản lượng khí khoảng 300 triệu m³/năm, dự kiến đến tháng 9/2103 sẽ hoàn thành để phát triển sản xuất công nghiệp ven biển của tỉnh. Tỉnh phối hợp với Tập đoàn Than và khoáng sản triển khai dự án thăm dò và khai thác thử nghiệm bể than nâu tại khu vực bãi bồi ven biển; đồng thời đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án Trung tâm điện lực Thái Bình tại xã ven biển Mỹ Lộc (công suất 1.800MW) và Nhà máy sản xuất Amôn Nitrat (công suất 200 ngàn tấn/năm)... nhằm khai thác, phát triển kinh tế biển của tỉnh.

3.2.2.4. Thực trạng hoàn thiện công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện và hài hoà quan hệ lợi ích kinh tế - xã hội phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh

Để phục vụ cho phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình, trong thời gian những năm gần đây, các cấp chính quyền địa phương hai huyện có biển đã tích cực thực hiện hoàn thiện quy trình thể chế cho việc xác lập quyền sử dụng đất, quyền sử dụng mặt nước, thực hiện giao đất, giao mặt nước cho các chủ thể hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như xác lập các khu vực đất quốc phòng, khu vực bảo đảm phòng thủ huyện, tỉnh ở ven biển.

Về hoàn thiện thể chế kiểm tra, giám sát thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Trong thời gian qua, việc thực hiện các cuộc khảo sát và nắm được tình hình thực hiện quá trình phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an ninh tỉnh Thái Bình được tích cực triển khai. Các nội dung phân bổ trách nhiệm nghĩa vụ quá trình thực hiện được tóm tắt như sau:

Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan triển khai lập quy hoạch chung xây dựng khu vực ven biển của tỉnh; hoàn thiện Đề án thành lập Khu kinh tế ven biển Thái Bình trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; rà soát, xây dựng các cơ chế chính sách của tỉnh khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan đến kinh tế biển, cơ chế, chính sách thu hút đầu tư Khu du lịch sinh thái Cồn Vành, Cồn Đen; tham mưu huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế biển; bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách tỉnh quản lý hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội vùng ven biển.

Sở Tài chính: Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý ngân sách, thuế, phí, lệ phí và các nguồn thu khác; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cân đối ngân sách, huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế biển.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển rừng; quy hoạch phát triển thủy sản của tỉnh đến năm 2020; xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư khai thác kết hợp với trồng rừng phòng hộ ven biển, phát triển quỹ đất; chính sách phát triển các phương tiện khai thác tầm trung và xa bờ, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường biển; tham mưu chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế biển thuộc lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, thủy lợi, đề điều theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Sở Công Thương: Chủ trì rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách khuyến khích thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thương mại; xây dựng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp ở 2 huyện ven biển; tham mưu giải pháp tháo gỡ khó khăn khôi phục và phát triển công nghiệp đóng tàu biển; tham mưu chỉ đạo thực hiện phát triển kinh tế biển thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch: Tham mưu thực hiện quản lý nhà

nước về du lịch trên địa bàn tỉnh. Tham mưu xúc tiến, quảng bá về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng ven biển kết hợp với thăm quan các di tích lịch sử văn hóa và lễ hội trong tỉnh.

Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì xây dựng chính sách khuyến khích phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực liên quan đến biển; tham mưu đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ và khoa học xã hội nhân văn về biển, phục vụ quản lý biển và phát triển kinh tế biển của tỉnh.

Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh: Tham mưu chỉ đạo huy động tiềm lực xây dựng khu vực phòng thủ ven biển vững chắc; thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng ven biển của tỉnh. Đấu tranh, ngăn chặn các hành vi xâm phạm chủ quyền biên giới biển, bảo vệ chủ quyền vùng biển; tham gia phòng chống lụt bão, cứu hộ cứu nạn, phòng chống biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông ưu tiên, tập trung nguồn lực kiên cố hóa, ngầm hóa hạ tầng cơ sở tại hai huyện ven biển; dành ưu tiên cao nhất cho việc thu, nhận và chuyển tin áp thấp nhiệt đới, bão, lũ; phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí và Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh tăng cường đưa tin tuyên truyền về tình hình biển đảo, chủ trương phát triển kinh tế biển và đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Các Sở, ngành: Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương có liên quan xây dựng quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách, chương trình, dự án phát triển ngành, lĩnh vực quản lý phục vụ phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh, quốc phòng vùng ven biển; tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ có liên quan của Đề án.

Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy, huyện Tiền Hải theo chức năng,

nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng quy hoạch, kế hoạch, cơ chế chính sách khuyến khích phát triển kinh tế biển thuộc thẩm quyền và chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát toàn bộ các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng khu vực ven biển thuộc địa phương quản lý; phối hợp với các sở, ngành có liên quan của tỉnh đề xuất giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh.

3.3. ĐÁNH GIÁ VỀ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở TỈNH THÁI BÌNH GIAI ĐOẠN 2010-2022

3.3.1. Thành tựu về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 - 2022

**** Thành tựu về phát triển lực lượng sản xuất gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh***

Thứ nhất, phát triển lực lượng sản xuất trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình đã có sự tiến bộ rõ nét. Minh họa cho tác động của trình độ lực lượng sản xuất được thể hiện ở nhiều vùng sản xuất, nuôi trồng tập trung theo hướng thâm canh, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa nông nghiệp, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu thị trường, cho hiệu quả kinh tế cao. Việc triển khai thực hiện tuân thủ các chính sách, pháp luật về tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản trong phát triển kinh tế biển đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh ven biển. Tỉnh Thái Bình đã ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền, đúng với chủ trương, đường lối của Đảng, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ kịp thời cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển sản xuất thủy sản gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Thứ hai, tình hình phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng ven biển chuyển biến khá tích cực. Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn 2 huyện ven biển năm 2015 đạt 7.026,6 tỷ đồng, gấp 2,87 lần năm 2001, bằng 23,4% giá trị sản xuất toàn tỉnh. Lĩnh vực văn hóa xã hội, y tế, giáo dục,

lao động, việc làm được các cấp các ngành quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện và đã được những kết quả tích cực. Đời sống nhân dân từng bước được nâng lên; bình quân thu nhập đầu người năm 2015 đạt 25 triệu đồng, tăng 6,3 lần năm 2011, bằng 95,5% so với bình quân toàn tỉnh. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn khoảng 8%, thấp hơn bình quân toàn tỉnh (8,12%) [83]. Đến năm 2020, tốc độ tăng trưởng của 2 huyện vẫn tiếp tục duy trì ở mức cao. Ở huyện Thái Thụy, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 5 năm ước đạt 17,6%/năm. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay, 28.26%/năm. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2015 - 2020 đạt 89.576,3 tỷ đồng, tăng bình quân 10,18%/năm, xuất khẩu tăng bình quân 5 năm đạt 22,36%/năm, thu nhập bình quân năm 2020 đạt 50,2 triệu/năm. Kinh tế biển có bước phát triển cả về nuôi trồng, khai thác và chế biến, gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản và an ninh biển. Giá trị sản xuất bình quân 5 năm đạt 1.712 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng 7,83%/năm, tăng 2,35% so với giai đoạn 2010 - 2015 [91]. Ở huyện Tiền Hải, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 13,49%/năm, đứng thứ 2 toàn tỉnh về phát triển kinh tế chỉ sau Thành phố Thái Bình với tổng giá trị sản xuất (ước) đạt 1.739,4 tỷ đồng, tăng 13% giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt gần 8 triệu đồng, tăng 11,8% so với năm trước. Trong đó, giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản 802,4 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch, tăng 7%, chiếm cơ cấu 46,1%. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng 557 tỷ đồng, đạt 100,6% kế hoạch, tăng 23,7%, chiếm cơ cấu 32%. Giá trị ngành thương mại dịch vụ 380 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch, tăng 11,8%, chiếm cơ cấu 21,9%. Giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt 9 triệu đồng/tháng, tăng 15,7% [91].

Thứ ba, kết cấu hạ tầng đã được tập trung nguồn vốn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu vực ven biển. Đường Quốc lộ 39 nối liền đã được khởi công xây dựng là huyết mạch của khu vực sẽ tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ khu vực này trong tương lai gần; các cảng biển cũng được đầu tư

nâng cấp hiện đại phù hợp với xu thế hội nhập và phát triển của ngành hàng hải thế giới.

Thứ tư, công tác quốc phòng, an ninh được các cấp, các ngành chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, góp phần bảo vệ vững chắc vùng biển, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các địa phương ven biển. Các ngành Công an, Quân sự, Biên phòng tỉnh đã phối hợp với các cơ quan chức năng và hai huyện ven biển trong việc phổ biến, tuyên truyền giáo dục về kiến thức quốc phòng cho các cơ quan, doanh nghiệp, cán bộ và nhân dân, các chủ hộ nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản, kinh doanh vận tải biển... góp phần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm trong việc gắn phát triển kinh tế với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền trên biển, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và xây dựng thế trận phòng thủ ven biển.

Thứ năm, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp với tốc độ cao và bền vững góp phần nâng cao sức cạnh tranh của tỉnh. Đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ, từng bước hiện đại hoá các cơ sở sản xuất hiện có, hạn chế ô nhiễm môi trường do sản xuất công nghiệp gây ra; ưu tiên phát triển công nghiệp sản xuất các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, công nghệ sạch, các sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh và công nghiệp phụ trợ, công nghiệp dược. Khuyến khích phát triển nghề và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường.

**** Thành tựu về hoàn thiện quan hệ sản xuất trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh***

Thứ nhất, các quy hoạch, kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế biển đã tích hợp một cách chủ động nội dung đảm bảo lồng ghép giữa phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đặt vấn đề đảm bảo quốc phòng, an ninh đúng vị trí trong quan hệ với phát triển kinh tế biển. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong những năm qua trên địa bàn tỉnh cơ bản được giữ vững và ổn định. Các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện xảy

ra được tập trung chỉ đạo xử lý kịp thời, không để phức tạp kéo dài phát sinh thành điểm nóng.

Thứ hai, bước đầu xây dựng môi trường pháp lý cho phát triển kinh tế biển. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các sở ban ngành, đặc biệt là Sở tư pháp tham mưu xây dựng môi trường pháp lý phù hợp cho phát triển các ngành nghề kinh tế biển đồng thời hướng dẫn bắt đầu xây dựng quy chế Khu kinh tế ven biển Thái Bình. Khu kinh tế ven biển Thái Bình hiện nay đã thu hút được một số dự án lớn đã, đang và sắp được triển khai. Tính từ 2010 đến năm 2022, khu vực ven biển Thái Bình đã thu hút được gần 200 dự án lớn nhỏ với tổng mức vốn đầu tư hơn 100.000 nghìn tỷ đồng.

Thứ ba, từng bước đầu tư kết cấu hạ tầng khu kinh tế biển Quốc gia ở tỉnh Thái Bình. Hệ thống kết cấu hạ tầng được quy hoạch đồng bộ, đang triển khai theo tiến độ.

Thứ tư, đã xây dựng được một cách có hệ thống quy hoạch, kế hoạch về huy động nguồn lực, kế hoạch về nhân lực cũng là thành công quan trọng trong việc đổi mới nội dung kế hoạch phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Thứ năm, tỉnh Thái Bình đã xây dựng chính sách quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, nguồn nước, khoáng sản, rừng ngập mặn; phòng ngừa, xử lý có hiệu quả các hành vi gây ô nhiễm môi trường, quan tâm đầu tư cho công tác thu gom, tái chế và xử lý chất thải. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành liên quan tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương trong việc thăm dò dầu khí và điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên than nâu, làm cơ sở triển khai thực hiện các dự án đầu tư về khai thác khí đốt và than nâu ở khu vực ven biển của tỉnh; điều tra, khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 và 1/5000 khu vực bãi cồn ven biển; điều tra, thống kê hiện trạng sử dụng đất vùng bãi bồi ven biển để làm căn cứ

quy hoạch nuôi trồng thủy sản; ban hành quy định về cho thuê đất vùng bãi triều để nuôi ngao; xây dựng chương trình, kế hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; hệ thống mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường giai đoạn 2020 - 2030. Tăng cường hợp tác, phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các tổ chức quốc tế trong hoạt động điều tra, khảo sát và bảo vệ, phát triển các hệ sinh thái biển theo hướng bền vững.

3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010-2022

** Những hạn chế trong phát triển lực lượng sản xuất kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh*

Bên cạnh những thành quả đã đạt được những năm qua, Thái Bình còn tồn tại những hạn chế trong việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh như sau:

Thứ nhất, đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế biển tại các sở, ban, ngành, địa phương cấp huyện, xã còn thiếu về số lượng, chưa tinh về chất lượng nên chưa đáp ứng tốt được khối lượng công việc cần phải giải quyết. Hiện nay, cấp tỉnh đã thành lập Chi cục Thủy sản (13/15 công chức), Chi cục Biển (7/8 công chức), Trung tâm Quan trắc phân tích Tài nguyên và môi trường (18/20 viên chức) thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; phần lớn lực lượng công chức, viên chức còn trẻ có chuyên ngành đào tạo thuộc lĩnh vực kinh tế biển, nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm quản lý. Cấp huyện (7 huyện, 1 thành phố) biên chế, hợp đồng từ 2 - 3 cán bộ chuyên trách về môi trường thuộc phòng Tài nguyên và Môi trường và cấp xã 100% số xã có cán bộ làm công tác môi trường nhưng đều có chuyên ngành đất đai, xây dựng... được giao kiêm nhiệm công tác quản lý môi trường ở địa phương.

Thứ hai, chất lượng nguồn nhân lực biển tại chỗ phục vụ cho phát triển các ngành nghề kinh tế biển chưa đồng đều, có chất lượng chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu của việc thành lập khu kinh tế ven biển.

Thứ ba, đa số các cơ sở sản xuất công nghiệp (nằm ngoài khu công nghiệp Tiền Hải) có quy mô nhỏ, sản xuất gia công, lắp ráp, sơ chế, giá trị gia tăng thấp; trình độ trang thiết bị kỹ thuật, công nghệ chưa cao, khả năng cạnh tranh còn hạn chế; công nghiệp phụ trợ ở khu vực ven biển của tỉnh quy mô còn nhỏ bé (chiếm 19% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh); một số dự án quy mô lớn như: Nhà máy sản xuất Amôn Nitrat, Trung tâm điện lực Thái Bình, khai thác và đưa khí vào bờ, khai thác thử nghiệm than nâu đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng hoặc chuẩn bị đầu tư. Công nghiệp đóng tàu đang gặp nhiều khó khăn về vốn

Thứ tư, kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh còn nhiều hạn chế. Cụ thể:

Kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản còn yếu kém, chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm. Tình trạng ô nhiễm môi trường, dịch bệnh có chiều hướng tăng. Khai thác hải sản quy mô còn nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh; chủ yếu vẫn là đánh bắt ven bờ, đội tàu đánh bắt xa bờ còn ít, sản lượng khai thác đạt thấp. Thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy hải sản không ổn định, bèn vững, phụ thuộc nhiều vào thị trường tiêu ngạch của Trung Quốc, chưa phát triển được các thị trường mới, do vậy kim ngạch xuất khẩu thủy hải sản còn thấp. Chế biến thủy sản tuy đã có chuyển biến nhưng chủ yếu vẫn là sơ chế, chất lượng chưa cao; dịch vụ hậu cần nghề cá (về sản xuất giống, thức ăn, thú y thủy sản, sửa chữa tàu thuyền ...) chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất ở trình độ cao hơn.

Kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu vực vùng ven biển tuy đã được quan tâm đầu tư nâng cấp, nhưng vẫn còn nhiều yếu kém, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Kết cấu hạ tầng giao thông khu vực ven biển đang xuống cấp, đã hạn chế lớn tới việc phát triển kinh tế của vùng. Cảng biển Diêm Điền là cảng lớn nhất tỉnh nhưng chỉ đón được các tàu có trọng tải nhỏ, khối lượng hàng hoá vận chuyển qua cảng Diêm Điền còn thấp. Hệ thống đê biển chưa được đầu tư, nâng cấp đồng bộ, liên tuyền nên hiệu quả phát huy chưa cao; một số công trình kè, cống dưới đê bị sạt lở, lút, hư hỏng cần được đầu tư sửa chữa, nâng cấp. Các khu neo đậu, tránh trú bão, cảng cá mức vốn đầu tư thấp, tiến độ triển khai chậm. Hệ thống cấp, thoát nước còn hạn chế, tỷ lệ người dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh chưa cao. Tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn 2 huyện ven biển còn thấp.

Kết cấu hạ tầng các công trình kinh tế - văn hoá – xã hội, khi xây dựng chưa tính toán đến kế hoạch bảo vệ và duy trì hoạt động để chuyển hướng phục vụ cho quốc phòng khi có chiến tranh xảy ra. Chưa chú trọng phát triển kinh tế kết hợp với phục vụ, chưa đáp ứng kịp thời tăng tiềm lực quốc phòng trên xây dựng hệ thống khu kinh tế biển, cơ sở hạ tầng cũng như quy hoạch tổng thể toàn bộ diện tích ven biển Thái Bình.

**** Những hạn chế về hoàn thiện quan hệ sản xuất trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh***

Thứ nhất, việc cụ thể hóa văn bản pháp luật về phát triển kinh tế biển gắn với an ninh quốc phòng rất hạn chế, trong nhiều trường hợp còn chậm, chất lượng thấp, tính khả thi chưa cao; Một số văn bản, cơ chế chính sách đã được ban hành và tổ chức thực hiện nhưng hiệu quả chưa cao, chương trình, kế hoạch quy hoạch, huy động nguồn lực biển chưa được các địa phương, người dân giáp biển quan tâm đúng mức. Một số chính sách của Tỉnh ban hành chậm và chưa đồng bộ, gây khó khăn cho công tác xây dựng cơ chế chính sách và quản lý kinh tế biển; Các chính sách phát triển thủy sản ban hành đồng bộ, tuy nhiên các bộ, ngành, địa phương chủ yếu tập trung triển khai thực hiện chính sách vay vốn tín dụng để đóng mới tàu cá, chưa quan

tâm thực hiện các chính sách khác như: Bảo hiểm, đào tạo, cho vay vốn lưu động, hỗ trợ các dịch vụ hậu cần nghề cá, chính sách đầu tư; *công tác quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch phát triển nuôi trồng, chế biến, đánh bắt còn chậm*. Một số tiểu ngành trong ngư nghiệp đã bước đầu có quy hoạch phát triển, nhưng chưa được lồng ghép trong tổng thể quy hoạch phát triển kinh tế biển; Bên cạnh đó, *sự phối kết hợp giữa các cơ quan hành chính với người dân và lực lượng vũ trang nói chung chưa thường xuyên, chặt chẽ...*

Thứ hai, việc kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân thông qua giải phóng quy hoạch hay nói cách khác kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong quá trình quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế biển chưa được phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành.

Thứ ba, các thành phần kinh tế phát triển chưa đồng đều, dẫn đến cơ cấu ngành, nghề thủy sản chưa hợp lý, chủ yếu tập trung phát triển nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, nên các ngành công nghiệp và dịch vụ biển phát triển còn hạn chế. Một số ngành kinh tế biển đang gặp nhiều khó khăn, phát triển chậm lại như: chế biến thủy sản, đóng tàu, vận tải biển...; tình hình vi phạm các quy định về khai thác thủy sản diễn biến phức tạp.

Thứ tư, công tác quán triệt, triển khai thực hiện chính sách, pháp luật đối với cá nhân, tổ chức khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh có nơi còn thiếu tính thống nhất, đồng bộ, chưa sát với tình hình thực tế. Những bất cập trong hoạt động khai thác thủy hải sản của ngư dân ven biển. Tình trạng ngư dân vi phạm vùng lãnh hải đang tranh chấp, vùng cấm bị bắt giữ phương tiện khi đánh bắt xa bờ có xu hướng tăng gây ra những xung đột, căng thẳng trên biển và ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh thủy hải sản. Bên cạnh đó còn là vấn đề về ô nhiễm môi trường.

Thứ năm, tình hình an ninh trật tự khu vực biển được giữ vững song

cũng còn tiềm ẩn những yếu tố mất ổn định. Tình trạng tranh chấp, khiếu kiện liên quan bãi triều nuôi ngao, trồng rừng ngập mặn, đền bù giải phóng mặt bằng, ô nhiễm môi trường; tội phạm và tai, tệ nạn xã hội...còn xảy ra nhiều, có nơi diễn biến phức tạp. Trên biển, phát hiện hàng chục lượt tàu cá nước ngoài xâm phạm chủ quyền, có vụ vào sâu, cách cửa Ba Lạt 20 hải lý. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch vẫn đang ráo riết âm mưu, thủ đoạn “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ để chống phá ta trên các lĩnh vực. Tình hình an ninh vùng xã hội còn nhiều phức tạp, tốc độ dân số tăng cơ học, lao động nhập cư tăng ngày càng cao, nhu cầu của người lao động từ nông thôn tập trung ra thành thị ngày càng nhiều; vấn đề giải quyết việc làm, nhà ở, tranh chấp, khiếu kiện và các tệ nạn xã hội đang trở thành một vấn đề nan giải.

**** Nguyên nhân của những hạn chế trong phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình giai đoạn 2010 - 2022***

Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, điểm xuất phát nền kinh tế của tỉnh còn thấp; nguồn vốn ngân sách dành cho đầu tư phát triển còn hạn chế, mất cân đối giữa nhu cầu và khả năng đầu tư. Do nguồn thu ngân sách địa phương hạn chế, thiếu vốn cho đầu tư phát triển, nhất là đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế biển như: Cảng biển, cảng cá, các khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão, hệ thống đường giao thông đầu mối...

Thứ hai, tài nguyên biển bị cạn kiệt cũng là nguyên nhân ảnh hưởng đến phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tiềm năng tài nguyên than nâu có trữ lượng lớn nhưng khó khai thác. Tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng, thiên tai, bão lũ và dịch bệnh diễn biến phức tạp, khó lường, nguy cơ ảnh hưởng cao đến phát triển các ngành kinh tế biển của tỉnh. Thời gian vừa qua tài nguyên khí đốt tại khu vực Tiền Hải có sự suy giảm mạnh về sản lượng nên gây khó khăn cho việc thu hút đầu tư vào khu công nghiệp.

Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, chính sách thu hút đầu tư chưa đủ hấp dẫn, cải cách thủ tục hành chính chưa đủ mạnh để góp phần thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh tham gia đầu tư phát triển kinh tế biển, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài. Trong huy động nguồn lực, thu hút vốn đầu tư chưa đa dạng, hiện nay đầu tư vào khu vực ven biển Thái Bình chủ yếu từ nguồn vốn trong nước và nguồn ngân sách Trung ương và của Tỉnh, nguồn vốn chưa được đa dạng, chưa thu hút được đa dạng các tầng lớp và thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài, xã hội hóa trong đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn hạn chế.

Thứ hai, tổ chức bộ máy quản lý thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh chưa sát với tình hình thực tế dẫn đến nảy sinh nhiều bất cập, nhất là ở huyện, xã. Một số ban, ngành, đoàn thể và bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế về năng lực nên việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ gặp khó khăn, hiệu quả thấp; công tác giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước, các cấp chính quyền đối với tỉnh Thái Bình nhiều mặt còn hạn chế như: Chưa làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện và sơ kết, tổng kết thực tiễn; Chưa thay thế được kịp thời những cán bộ không đủ phẩm chất, năng lực, thiếu trách nhiệm, thực thi kém hiệu quả trong triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế biển ở tỉnh Thái Bình; Công tác thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật khu vực biển còn nhiều hạn chế do cơ chế, thể chế, nguồn lực thực hiện điều tra, thanh tra, kiểm tra tại các khu vực biển còn hạn chế nên khâu tổ chức thực hiện đang còn bị bỏ ngang, chưa giải quyết các vấn đề cốt lõi,...

Thứ ba, sự phối hợp giữa các Sở ban ngành chưa cao nên trong quá trình thực hiện đã có sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các lĩnh vực, như: diện tích nuôi trồng thủy sản với diện tích phát triển khu công nghiệp, phát triển

ngư nghiệp với phát triển du lịch. Đôi khi công tác phối hợp giữa các lực lượng trực tiếp thực thi nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh trên biển còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu. Cơ chế lãnh đạo, quản lý về phát triển kinh tế biển trong mối quan hệ với đảm bảo quốc phòng, an ninh còn thiếu, vận hành còn lúng túng, bất cập.

Thứ tư, nhận thức của cá nhân, tổ chức và một bộ phận cán bộ, công chức trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh còn hạn chế. Trình độ dân trí và kinh tế giữa các địa phương trong Tỉnh không đồng đều cũng ảnh hưởng đến nhận thức và thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH của tỉnh.

Thứ năm, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục chính sách pháp luật, quảng bá lợi thế tiềm năng của khu vực ven biển Thái Bình cho người dân chưa được thường xuyên. Trong công tác xây dựng các đề án, kế hoạch về khai thác, nuôi trồng thủy sản còn mang nặng sản xuất thuần túy, khái niệm phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng an ninh chưa thực sự quan tâm đúng mức.

Thứ sáu, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng phát triển nhân lực biển rất hạn chế dẫn đến đội ngũ cán bộ công chức làm công tác quản lý kinh tế biển cũng như nhân lực kinh tế biển còn thiếu về số lượng và yếu về trình độ chuyên môn. Kinh phí sự nghiệp môi trường của địa phương hàng năm tập trung phần lớn vào giải quyết các vấn đề môi trường trên đất liền.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

4.1. TÌNH HÌNH QUỐC TẾ, TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG TỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

4.1.1. Tình hình quốc tế

Hiện nay, thế giới đang bước vào giai đoạn bùng nổ phát triển mới với *xu hướng ngày càng khẳng định tầm quan trọng to lớn của biển và đại dương*. Tình trạng khan hiếm nguyên liệu, năng lượng trở nên gay gắt hơn bao giờ hết, dẫn tới cạnh tranh thị trường, tranh chấp lãnh thổ và xung đột quốc gia thường xuyên và gay gắt. *Xu hướng vươn ra biển, khai thác đại dương đã trở thành khẩu hiệu hành động mang tính chiến lược của toàn thế giới*. Chính vì lẽ đó mà không phải ngẫu nhiên luận điểm “Thế kỷ XXI là thế kỷ của đại dương” xuất hiện và được nhất trí cao trên toàn thế giới.

Nhiều nước trên thế giới đã và đang coi biển đảo và đại dương là định hướng phát triển chủ yếu với các tuyến hải vận nối liền các lục địa với nhau và là nơi có các căn cứ quân sự của một số quốc gia. Theo giới quan sát, gần đây không chỉ các nước có biển mà cả các nước không có biển trên thế giới cũng đã và đang hướng ra biển, lấy biển là hướng mở rộng không gian sinh tồn và phát triển, dựa vào biển để phát triển kinh tế, thương mại, quốc phòng, an ninh. Đây là nhu cầu tất yếu khách quan. Các nước có biển, nhất là các nước lớn đều có chiến lược biển rõ ràng để phát triển thành cường quốc biển. Tùy vào điều kiện cụ thể, mỗi nước lựa chọn hướng đi riêng cho mình nhằm khai thác các lợi ích từ kinh tế biển để phát triển đất nước. Đối với những nước không có biển, để mở rộng hội nhập và phát triển, đã chủ trương tăng

cường quan hệ với các quốc gia có biển để sử dụng các cảng biển dưới hình thức thuê lại nhằm phục vụ cho các hoạt động thương mại.

Xu hướng tiến ra biển của các nước đã làm cho tình hình biển, đảo xuất hiện những diễn biến phức tạp với nhiều loại hình tranh chấp quyết liệt về chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích kinh tế trên biển, điển hình là khu vực biển Hoa Đông, Biển Đông đang có dấu hiệu “nóng” lên. Tham vọng cường quốc biển và đại dương thực sự đang trở dậy tác động lớn đến chính sách về biển của các quốc gia.

Bên cạnh đó, biển đảo ngày càng quan trọng thì nguy cơ cũng tăng lên càng nhiều vì biển đã và sẽ mang lại những nguồn lợi khổng lồ cho nhiều quốc gia, nhưng biển cũng tiềm ẩn những nguy cơ mất an ninh, nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong quan hệ quốc tế: nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, khủng hoảng năng lượng, ô nhiễm môi trường, tranh chấp chủ quyền, không đảm bảo an toàn hàng hải,...

Như vậy, biển rất giàu tiềm năng, ngày càng có vị trí quan trọng hơn trong phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Trong xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, các nước trên thế giới ngày càng vươn xa hơn ra biển và đại dương, cần đảm bảo sự phát triển một cách bền vững gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh biển. Vì trong quá trình hướng ra biển sẽ nảy sinh nhiều mâu thuẫn về quyền lợi biển giữa các nước có biển với nhau, những nước có biển với nước không có biển, gây ra những tranh chấp rất phức tạp về chủ quyền và lợi ích trên biển, khiến vấn đề an ninh biển và đại dương ngày càng trở nên cấp bách hơn.

4.1.2. Tình hình trong nước

Từ xu hướng phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trên thế giới, xu hướng Việt Nam trở thành một nước mạnh về biển, phát triển KT-XH vùng biển, hải đảo, ven biển phải gắn kết với yêu cầu bảo vệ đất nước, cần đặt kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong tổng

thể kinh tế cả nước, trong quan hệ tương tác với các vùng và trong xu thế hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới. Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 20-CT/TW về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng CNH, HĐH, đưa ra một số quan điểm, đó là: “Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá kinh tế biển hướng mạnh vào xuất khẩu, dựa trên những tiến bộ khoa học, công nghệ làm động lực; vừa thúc đẩy nghiên cứu, quản lý, khai thác tiềm năng biển có hiệu quả, vừa tái tạo tài nguyên biển, bảo vệ môi trường, đào tạo nhân lực”.

Xu hướng “làm giàu từ biển” được chỉ đạo bởi quan điểm: kết hợp chặt chẽ giữa phát triển KT-XH với bảo đảm quốc phòng, an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng CNH, HĐH. Giai đoạn từ nay tới 2025, Việt Nam tiếp tục tham gia vào các cam kết về hợp tác kinh tế, chính trị, an ninh, quốc phòng với các nước trong khu vực và quốc tế. Từ đó, chúng ta sẽ ngày càng củng cố được vị thế và sức mạnh của mình trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới, tạo ra những tiền đề quan trọng để thực hiện tái cấu trúc kinh tế biển theo hướng tiến bộ, tăng cường kết hợp phát triển kinh tế biển với quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền biển đảo trong điều kiện hội nhập quốc tế phải ở trình độ cao hơn; không gian kinh tế biển được mở rộng và nhất thể hóa trên phạm vi vùng biển, ven biển và hải đảo gắn kết chặt chẽ với các vùng quy hoạch lâu nay trong đất liền. Sự phát triển các ngành kinh tế biển được gắn kết hữu cơ với nhau trên cơ sở phát huy cao nhất lợi thế của mỗi ngành. Xu hướng phát triển kinh tế biển, mở ra một chương mới trong tư duy về biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong những thập kỷ đầu của thế kỷ 21.

Như vậy, tiếp cận từ góc độ phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh trong bối cảnh hiện nay có thể thấy các nhân tố ảnh hưởng chính như sau:

Thứ nhất, xu hướng lĩnh vực kinh tế biển của thế giới sẽ ứng dụng rất nhanh những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào quản trị, quản lý phát triển kinh tế biển cũng như đảm bảo an ninh quốc phòng. Đây là xu hướng biểu hiện rất rõ trong bối cảnh hiện nay. Các quốc gia có biển sẽ tích cực đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn để thực hiện quan trắc, theo dõi sự biến đổi của môi trường biển, theo dõi sự suy kiệt của các loài sinh vật biển trước tác động của hoạt động phát triển kinh tế của con người. Với tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, các quốc gia sẽ đồng thời thích ứng rất nhanh với những công nghệ hiện đại để nâng cao năng lực đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tình hình làm cho mối quan hệ giữa phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng an ninh càng ngày càng đóng vai trò chi phối quá trình phát triển kinh tế biển. Xu hướng này có tác động vừa thúc đẩy, vừa tạo áp lực rất mạnh cho việc phát triển lực lượng sản xuất kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh của cấp độ quốc gia cũng như địa phương.

Thứ hai, xu hướng gia tăng các mâu thuẫn về mặt lợi ích giữa các quốc gia trong thực thi quyền khai thác và bảo vệ chủ quyền biển. Tình hình biển Đông gần đây tuy không có những xung đột lớn. Song, với vị trí địa chiến lược đặc biệt, biển Đông sẽ vẫn là một không gian mà có sự đan xen quyền lực giữa các cường quốc trong khu vực châu Á, Ấn Độ - Thái bình dương. Việc nổi lên vai trò kinh tế mới của Trung Quốc và cách hành xử hung hăng, bất chấp luật pháp quốc tế của quốc gia này sẽ là một trong những nguyên nhân làm cho tình hình biển Đông phức tạp hơn. Xu hướng này sẽ gây ra tác động không thuận chiều cho việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh của Việt Nam nói chung và ở tỉnh Thái Bình nói riêng. Một mặt nó càng khẳng định tính tất yếu của việc phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, mặt khác, điều đó lại gia tăng áp lực bất ổn để xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh.

Do đó, Thái Bình có lợi thế rõ ràng khi thực hiện chiến lược hướng ra biển với địa hình chiến lược, gần với các trung tâm kinh tế lớn, nằm trong khu kinh tế động lực tăng trưởng phía Bắc (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh); có nguồn nhân lực dồi dào; hệ thống cơ sở hạ tầng tương đối đồng bộ,... Tuy nhiên, tỉnh Thái Bình chưa phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh đúng với tiềm năng và lợi thế. Tỉnh Thái Bình chưa có nhiều đột phá; hạ tầng chiến lược còn chậm phát triển; chưa khai thác hết tiềm năng đất đai và nguồn lực lao động; chưa nhận thức rõ nét về vai trò, vị trí, tiềm năng, cơ hội phát triển của tỉnh trong sự phát triển chung của khu vực, cả nước để đề ra chương trình, kế hoạch, giải pháp phù hợp; cụ thể hóa trong công tác quy hoạch để mở ra không gian phát triển mới, thúc đẩy tỉnh phát triển toàn diện.

Bên cạnh đó, kinh tế biển của tỉnh Thái Bình sẽ phải đối mặt với các hậu quả do vấn đề về môi trường, khai thác, sử dụng tài nguyên biển và ven biển gây ra. Vấn đề tài nguyên biển bị khai thác lãng phí; môi trường bị ô nhiễm; việc phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ tài nguyên biển, bảo tồn môi trường sinh thái biển và vùng bờ còn nhiều hạn chế; tính hiệu quả của hoạt động khai thác các nguồn lợi từ thủy sản chưa hiệu quả cao, thiếu bền vững; chưa kiểm soát được hạn mức cấp phép khai thác hải sản cho từng vùng biển dẫn đến tình trạng khai thác cạn kiệt dần hải sản ở vùng ven bờ; các hệ sinh thái ven bờ biển (rừng ngập mặn, vùng triều, rạn san hô...) có xu hướng suy giảm nghiêm trọng do tác động của hoạt động kinh tế, xây dựng; hay tình trạng ô nhiễm môi trường nước biển ven bờ, vùng cửa sông, vũng, vịnh do hoạt động kinh tế và đời sống (sản xuất công nghiệp, khai thác khoáng sản, nuôi trồng thủy sản, hoạt động cảng biển, nước thải từ đô thị ven biển,...) xảy ra ở nhiều nơi chưa giải quyết được... của tỉnh Thái Bình sẽ đặt ra rất nhiều thách thức cho chính quyền tỉnh. Muốn phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh thì tỉnh Thái Bình không thể bỏ qua các vấn đề về môi trường, tài nguyên biển.

Với xu hướng trên, cần nâng cao nhận thức của toàn Đảng, toàn dân về vị trí, vai trò của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng cơ sở luật pháp và lực lượng nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên biển; đẩy mạnh điều tra cơ bản và phát triển khoa học công nghệ biển; đảm bảo quốc phòng, an ninh trên biển; tiếp tục xây dựng đồng bộ khung khổ pháp lý về biển và hệ thống cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển các lĩnh vực liên quan đến biển; xây dựng cơ quan quản lý nhà nước có hiệu lực, hiệu quả đối với mọi vấn đề liên quan đến biển; tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển; phát triển nguồn nhân lực và phát triển một số tập đoàn kinh tế mạnh trong lĩnh vực kinh tế biển.

4.2. QUAN ĐIỂM VỀ ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

Thứ nhất, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân. Đây là nhiệm vụ, là trách nhiệm quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị tỉnh, nhằm tạo nên sự thống nhất cao trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về mục tiêu chiến lược biển, đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên tất cả các lĩnh vực KT-XH, chiến lược quốc phòng, an ninh, đối ngoại, khoa học - công nghệ biển; xây dựng kết cấu hạ tầng biển. Qua đó, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng, an ninh thế trận lòng dân, kiên quyết bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển, thêm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế, bảo vệ chế độ chính trị - xã hội,...; đồng thời, giữ vững được môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội địa phương và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo với quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình. Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển kinh tế biển ở Việt

Nam nói chung và ở tỉnh Thái Bình nói riêng có ý nghĩa to lớn về cả lý luận và thực tiễn. Đây không chỉ là vấn đề kinh tế biển mà còn là vấn đề chính trị - kinh tế, liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế, đến sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa cũng như lãnh đạo ở Đảng ta. Quan điểm giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển kinh tế biển ở nước ta cũng như tỉnh Thái Bình là quan điểm chỉ đạo là đường lối nhất quán của Đảng, Nhà nước ta. Quan điểm này chi phối toàn bộ quá trình phát triển kinh tế biển của tỉnh Thái Bình cũng như toàn lãnh thổ.

Thứ ba, đảm bảo tính toàn diện, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả trong quá trình phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Vùng biển tỉnh Thái Bình có vị trí quan trọng chiến lược về quốc phòng an ninh, do đó các thế lực thù địch luôn tìm cách lợi dụng tình hình để kích động lôi kéo chống phá sự nghiệp phát triển toàn diện. Để đảm bảo quốc phòng an ninh trước hết công cuộc phát triển kinh tế biển phải phát triển một cách có hệ thống, đồng bộ và toàn diện cả về kinh tế, văn hóa, xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của ngư dân, người dân sinh sống trên đảo trong địa phận biển Thái Bình gắn với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Thứ tư, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh cần kết hợp chặt chẽ các hình thức, biện pháp chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng, an ninh trong quản lý, bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải, vùng trời Tổ quốc. Nguyên vọng và cũng là lợi ích cao nhất của dân tộc Việt Nam là giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển. Do đó, tính chất nhất quán của quốc phòng Việt Nam là: Tự vệ, chính nghĩa, quốc phòng hòa bình, dựa vào sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn dân, lực lượng vũ trang làm nòng cốt, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực hiện nay đòi hỏi phải tập trung xây dựng các lực lượng: Hải quân, Phòng không - Không quân, Pháo binh, Cảnh sát biển, Biên

phòng, Dân quân tự vệ biển... có số lượng hợp lý, chất lượng cao; trong đó, các binh chủng kỹ thuật chiến đấu được trang bị ngày càng hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biển, đảo, là chỗ dựa vững chắc cho các hoạt động phát triển kinh tế biển trong thời bình, đồng thời đáp ứng nhiệm vụ tác chiến trên biển trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Trước tình hình tranh chấp chủ quyền biển, đảo trên Biển Đông diễn ra phức tạp, đặt ra yêu cầu cao phải tăng cường tổ chức lực lượng và phát huy sức mạnh của toàn dân, đấu tranh toàn diện, bằng các hình thức, biện pháp linh hoạt, thông qua chủ trương, kế hoạch chỉ đạo, điều hành tập trung thống nhất trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng. Sự kết hợp đó phải được tổ chức thực hiện trong từng lực lượng, bộ, ngành và giữa các bộ, ngành, từ Trung ương đến địa phương, kết hợp cả trong nước và ở ngoài nước.

Thứ năm, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng an ninh phải được thực hiện ngay từ trong chủ trương, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế biển của tỉnh và của ngành. Phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh cần phải là chủ trương nhất quán, xuyên suốt trong chủ trương, đường lối, chính sách, quy hoạch, kế hoạch của Đảng bộ và Chính quyền tỉnh Thái Bình để khẳng định vị trí và tầm quan trọng trong phát triển kinh tế biển, đồng thời, nhân mạnh nhiệm vụ phân đấu để tỉnh trở thành địa phương mạnh về biển, giàu từ biển. Điều đó cũng thể hiện sự ổn định và phát triển bền vững kinh tế là nền tảng vững chắc của quốc phòng, an ninh, đi đôi với tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh. Phát triển kinh tế gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong chủ trương, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách của tỉnh là nguyên tắc căn bản trong sự gắn kết giữa phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh. Đặc biệt, trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, khu vực châu Á - Thái Bình Dương ngày càng năng động, thu hút sự quan tâm chú ý của nhiều nước, đặc biệt cạnh tranh giữa các nước lớn và tranh chấp chủ quyền biển, đảo gia tăng, sự kết hợp giữa phát triển kinh tế với

quốc phòng nói chung, phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh nói riêng dựa trên quan điểm trên càng hết sức quan trọng.

Thứ sáu, phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh cần lấy doanh nghiệp, người dân là chủ thể nòng cốt; gắn với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc trên biển. Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã từng chỉ rõ: "Phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng - an ninh (quốc phòng, an ninh) và hợp tác quốc tế"; Nghị quyết 48/NQ-CP ngày 03 tháng 04 năm 2023 về Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cũng khẳng định mục tiêu tổng quát đến năm 2030 là: Tài nguyên biển và hải đảo được khai thác hợp lý, sử dụng hiệu quả, công bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế. Phát triển kinh tế biển phải gắn với quản lý vùng trời, bảo vệ biển, đảo, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thực chất là quan điểm chỉ đạo: Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh, tăng cường sức mạnh thế trận an ninh nhân dân, thực chất là quan điểm chỉ đạo: Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới. Mục đích kết hợp giữa kinh tế với quốc phòng, giữa xây dựng thế trận quốc phòng với thế trận an ninh là làm cho kinh tế và quốc phòng đều mạnh, không làm cản trở nhau, tạo ra sức mạnh tổng hợp thực hiện thắng lợi mục tiêu Chiến lược biển Việt Nam mà Đảng ta đã xác định.

Thứ bảy, giải quyết các bất đồng, tranh chấp kinh tế trên biển thông qua thương lượng hòa bình, tôn trọng nhau, bình đẳng cùng có lợi để đảm bảo quốc phòng, an ninh. Đây là nguyên tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế, được ghi trong Hiến chương Liên hợp quốc và Công ước Luật biển năm 1982.

Đó là thành quả đấu tranh chung của các dân tộc trên thế giới, trong đó có dân tộc Việt Nam. Đối với các bất đồng, tranh chấp trên Biển Đông, chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng như của tỉnh Thái Bình là: Không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực, giải quyết mâu thuẫn thông qua thương lượng hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước về Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc, Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông, nhằm sớm tìm kiếm giải pháp cơ bản và lâu dài, đáp ứng lợi ích chính đáng của các bên, tiến tới xây dựng Biển Đông thành vùng biển hòa bình, hợp tác và phát triển.

4.3. GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN GẮN VỚI ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH Ở TỈNH THÁI BÌNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

4.3.1. Nâng cao nhận thức về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và người dân tỉnh Thái Bình

Trong kinh tế, tư duy đúng, tầm nhìn chiến lược có vai trò vô cùng quan trọng, quyết định đến vận mệnh phát triển của một quốc gia. Tư duy đúng sẽ dẫn đến hàng động đúng. Chính vì vậy, để có được tư duy phát triển kinh tế biển tốt ở tỉnh Thái Bình thì cần nâng cao nhận thức về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và người dân.

Để thực hiện tốt nội dung này, trong thời gian tới, tỉnh Thái Bình cần thực hiện tốt một số biện pháp cụ thể sau:

Trước hết, các cấp ủy đảng, chính quyền tỉnh Thái Bình cần thường xuyên quán triệt sâu sắc về chủ trương, giải pháp chiến lược phát triển kinh tế biển bền vững gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Cần tăng cường tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác

quy hoạch xây dựng, vai trò của công tác quản lý quy hoạch và sự cần thiết, cấp bách trong phát triển hạ tầng đô thị. Trong việc lập quy hoạch phải tạo điều kiện để đông đảo nhân dân được tham gia đóng góp ý kiến. Việc công khai quy hoạch phải được làm thường xuyên, rộng khắp, đa dạng về hình thức. Cùng với đó, cần quan tâm đặc biệt đối với công tác lập quy hoạch. Ngoài việc bố trí kinh phí cho quy hoạch, cần lựa chọn tư vấn xứng tầm với những đề án quan trọng, quy mô lớn. Chú trọng việc cắm mốc triển khai ra thực địa, tạo thuận lợi cho công tác quản lý và thực hiện quy hoạch. Định kỳ rà soát các quy hoạch để cập nhật, bổ sung những yếu tố mới, loại bỏ những thành phần đã lạc hậu, không phù hợp với xu thế phát triển. Trên cơ sở các quy hoạch được duyệt, phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, các đơn vị cung ứng dịch vụ đô thị để đầu tư, mời gọi đầu tư phát triển hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng công trình cụ thể, thông báo rộng rãi để các tổ chức và cá nhân cùng có kế hoạch xây dựng, bảo đảm tính đồng bộ và chất lượng công trình. Cùng với tiếp tục tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của trung ương và của tỉnh, các nguồn vốn hỗ trợ phát triển của quốc tế, Thành phố đề xuất với tỉnh đa dạng hóa đầu tư, mời gọi doanh nghiệp cùng tham gia đầu tư và khai thác. Chú trọng cụ thể hóa quy hoạch phát triển các khu dân cư, rà soát, khai thác tiềm năng các quỹ đất chưa sử dụng hiệu quả để tạo nguồn vốn cho phát triển đô thị. Ngoài ra, Thành phố cũng có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ liên quan đến công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và xây dựng hạ tầng đô thị. Tích cực đổi mới công tác quản lý quy hoạch, quản lý đô thị kết hợp với cải cách thủ tục hành chính, tạo môi quan hệ liên thông trong quản lý giữa Thành phố với các sở, ngành và các địa phương, đơn vị, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ hai, thường xuyên làm tốt công tác giáo dục, tuyên truyền trong nhân dân đồng bào về chủ trương phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Công tác tuyên truyền biển, đảo cần bám sát thực tiễn tình hình, không ngừng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức, phương pháp tuyên truyền phù hợp với trình độ nhận thức của từng đối tượng, đồng thời tận dụng có hiệu quả các phương tiện kỹ thuật và chú trọng mở rộng phạm vi tuyên truyền.

Công tác tuyên truyền về chủ quyền quốc gia trên biển đòi hỏi có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành và các địa phương; phải có sự chỉ đạo thống nhất, chặt chẽ từ Trung ương tới cơ sở về nội dung và phương pháp tuyên truyền. Nội dung tuyên truyền phải đa dạng và phong phú trên các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và quốc tế, lồng ghép chặt chẽ giữa các hoạt động đối ngoại, chính trị, kinh tế, quân sự, quốc phòng... Qua đó, nhân dân Việt Nam cũng như cộng đồng quốc tế hiểu và nắm vững các vùng, khu vực thuộc chủ quyền lịch sử lâu đời của Việt Nam cũng như chủ quyền biển Việt Nam được xác lập trên cơ sở các điều khoản quy định trong Công ước quốc tế về Luật Biển 1982.

Tuyên truyền về các điều khoản và nghĩa vụ cần phải chấp hành các quy định của luật pháp Việt Nam khi hoạt động hoặc tham gia giao thông trong phạm vi lãnh hải, các vùng nội thủy, vùng đảo, quần đảo và khu vực đặc quyền kinh tế trên biển Việt Nam; về các quan điểm chủ đạo và nhất quán của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thực thi quyền tài phán quốc gia trên các vùng biển, đảo, quần đảo và các khu vực đặc quyền kinh tế biển. Đặc biệt, chú trọng nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, nhất là các cấp, ngành ở địa phương ven biển, nhận thức rõ tính chất phức tạp của nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong bối cảnh mở cửa, hội nhập quốc tế; khẳng định, củng cố niềm tin cho nhân dân cả nước, cộng đồng quốc tế về chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa; làm chuyển biến ý thức, trách nhiệm của mỗi người... Qua đó phát huy sức mạnh của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và của cả hệ thống chính trị, kết hợp sức mạnh trong và ngoài nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Thứ ba, không ngừng nâng cao hiệu quả giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng và nhân dân trên địa bàn. Cần nhân rộng các hoạt động, phương thức giáo dục quốc phòng, an ninh đã thành công và được đánh giá cao. Đồng thời, rút kinh nghiệm đối với những hoạt động giáo dục còn hạn chế. Để từ đó, tạo ra hiệu quả giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng và nhân dân trên địa bàn đồng đều nhất.

Thứ tư, đầu tư nguồn lực thỏa đáng và thực hiện xã hội hóa đối với công tác giáo dục nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế biển kết hợp giữ vững quốc phòng, an ninh. Đặc biệt là chú trọng đầu tư nguồn lực con người để làm tốt công tác nâng cao nhận thức cho cả hệ thống chính trị về về phát triển kinh tế biển kết hợp giữ vững quốc phòng, an ninh. Mặt khác, công tác tuyên truyền, giáo dục cần được tiến hành sâu rộng trong và ngoài nước, gắn kết giữa lịch sử với hiện tại để người dân thấy được ý nghĩa và tầm quan trọng của biển, đảo trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước; làm cho mỗi công dân Việt Nam thấy được trách nhiệm, nghĩa vụ của mình đối với chủ quyền biển, đảo quốc gia. Từ đó đoàn kết, chung sức đồng lòng quyết tâm làm chủ, bảo vệ biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc

Thứ năm, trong quá trình thực hiện, cần phải chống tư tưởng nóng vội, chủ quan, duy ý chí và các khuynh hướng tuyệt đối hóa phát triển kinh tế biển dẫn đến coi nhẹ việc giữ vững quốc phòng, an ninh, an ninh hoặc ngược lại, tuyệt đối hóa giữ vững quốc phòng, an ninh coi nhẹ phát triển kinh tế biển.

Trong quá trình thực hiện, phải vận dụng nhiều biện pháp, hình thức phong phú, đa dạng: trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề, mạn đàm trao đổi, sinh hoạt của các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội..., nhằm nâng cao nhận thức cho toàn dân, trước hết là đội ngũ cán bộ, đảng viên. Công tác tuyên truyền không chỉ dừng lại ở việc phổ biến kiến thức, pháp luật về biển, mà còn phải làm cho mọi người nhận thức đúng nhiệm vụ, trách nhiệm trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo; nhất là đối với

các lực lượng, như: Bộ đội Hải quân, Biên phòng, Cảnh sát biển, Kiểm ngư và Dân quân tự vệ biển... Các lực lượng này phải thường xuyên nắm chắc tình hình, âm mưu, thủ đoạn xâm phạm, lấn chiếm chủ quyền biển, đảo của các loại đối tượng; từ đó, xây dựng ý chí, quyết tâm, phương án, kế hoạch để xử trí kịp thời, hiệu quả các trường hợp vi phạm, làm thất bại các hành động xâm lấn biển, đảo trong mọi tình huống. Cùng với đó, phải chủ động phối hợp, kịp thời phát hiện, giải quyết các tranh chấp, giữ gìn an ninh, phòng chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn trên biển, đảo; tích cực tham gia phát triển kinh tế biển ở các lĩnh vực có thể mạnh. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền tại các diễn đàn quốc tế nhằm quảng bá hình ảnh đất nước, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các nước, các tổ chức quốc tế đối với Việt Nam về chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc và khai thác các nguồn lực, phục vụ cho phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, đảo. Qua đó, kiên quyết đấu tranh với những hành động xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

4.3.2. Hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình

Hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch chính là cơ sở, là nền tảng để xây dựng và triển khai các chính sách cụ thể về phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh cho các ngành, các lĩnh vực. Với tầm quan trọng như vậy, tỉnh Thái Bình cần khẩn trương thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, hạ tầng đồng bộ, cảnh quan hiện đại và thân thiện với môi trường, trọng tâm là phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Cần tiến hành thống kê hiện trạng sử dụng đất vùng bãi bồi ven biển để làm căn cứ quy hoạch nuôi trồng thủy sản; ban hành quy định về cho thuê đất vùng bãi triều để nuôi ngao. Ngoài ra, tập trung rà soát lại cấu trúc của nền kinh tế và các quy hoạch, các chiến lược phát triển

sản phẩm chủ lực của địa phương, trên cơ sở đó tập trung xây dựng kế hoạch thực hiện, lộ trình và nguồn lực thực hiện quy hoạch; lựa chọn những dự án có hiệu quả để tập trung đầu tư; tăng cường quản lý, kiểm soát đầu tư xây dựng nhằm hạn chế thất thoát, lãng phí trong quá trình đầu tư; giải quyết kịp thời những quyền lợi hợp pháp, chính đáng của nhân dân. Cụ thể:

- Quy hoạch phát triển các vùng kinh tế ven biển

Là giải pháp thể hiện vai trò của chính quyền địa phương trong việc xây dựng tầm nhìn, quy hoạch, định hướng một cách bài bản nhằm khắc phục tình trạng bất cập thiếu quy hoạch của các ngành, lĩnh vực kinh tế biển hiện nay tại khu vực ven biển Thái Bình.

Triển khai lập quy hoạch khu vực ven biển của tỉnh, làm cơ sở quy hoạch chi tiết các khu chức năng (như quy hoạch các khu vực quai đê lấn biển, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản, phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị, khu thương mại, dịch vụ ven biển...) để định hướng phát triển trong những năm tới cho các ngành và thu hút đầu tư đón trước cơ hội phát triển.

Nâng cao chất lượng của các quy hoạch để định hướng thu hút đầu tư đảm bảo phát triển nhanh và bền vững. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, tập trung vào công tác xác định mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung giải pháp thực hiện, đồng thời đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, bảo đảm tính hiệu quả và khả thi. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy hoạch. Định kỳ hàng năm, kết thúc mỗi giai đoạn quy hoạch phải tiến hành đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu quy hoạch để kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình mới.

Tăng cường sự phối hợp liên ngành giữa các đơn vị quản lý các ngành dọc để giảm thiểu việc chồng chéo trong quy hoạch dẫn tới mâu thuẫn lợi ích giữa các ngành.

- Quy hoạch các khu, cụm kinh tế ven biển

+ Quy hoạch và đầu tư xây dựng cảng 1.000 tấn tại xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy (phục vụ cho Trung tâm Điện lực Thái Bình); cảng 1.000 tấn tại xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư (phục vụ cho Tổng kho Xăng dầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).

+ Cải tạo và nạo vét luồng lạch cảng biển Diêm Điền đủ điều kiện cho tàu 10.000 tấn ra vào; quy hoạch và đầu tư xây dựng cảng Trà Lý 1.000 tấn tại xã Đông Quý, huyện Tiền Hải.

+ Quy hoạch và đầu tư xây dựng cảng sông: Cảng Hiệp quy mô 300 tấn tại xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ và bến thủy nội địa tại khu công nghiệp Cầu Ngàn, thị trấn An Bài, huyện Quỳnh Phụ.

+ Xây dựng Khu kinh tế ven biển Thái Bình

Tổng diện tích của Khu kinh tế ven biển Thái Bình là 30.583ha; trong đó phần diện tích đất tự nhiên theo ranh giới các xã là 21.583ha, phần diện tích đất ngập nước ven bờ khoảng 9.000ha.

Giai đoạn 1 tập trung ưu tiên phát triển khu vực phía Đông của Quốc lộ ven biển với quy mô khoảng 10.000ha nằm trong khu vực đất bãi bồi, không có dân cư, không có đất lúa. Xây dựng và phát triển Khu kinh tế ven biển Thái Bình với các ngành công nghiệp gắn với biển (công nghiệp đóng tàu, sản xuất điện năng, chế biến thủy sản, sản xuất phân đạm, vật liệu xây dựng cao cấp, nguyên liệu cho ngành khai khoáng ...); phát triển khu du lịch, cảng, khu phi thuế quan và khu dân cư đô thị.

Phân đầu đến năm 2030, Khu kinh tế ven biển Thái Bình đóng góp khoảng 25- 30% tổng thu nhập của cả tỉnh Thái Bình.

- Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng

Về định hướng, việc phát triển các khu kinh tế ven biển nhất thiết phải gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương và của vùng theo hướng CNH, HĐH dựa trên thúc đẩy phân công lao động xã hội theo chuỗi giá trị

sản phẩm trong khu vực và quốc tế, là cửa ngõ để kết nối lao động và hàng hóa dịch vụ trong hệ thống phân công lao động quốc tế. Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cao nhất và bảo đảm phát triển bền vững theo hướng hiện đại; bảo đảm sử dụng một cách hiệu quả cả quỹ đất, mặt nước và không gian của khu kinh tế ven biển gắn với quốc phòng, an ninh trên biển và trong đất liền. Hướng tới hình thành các khu kinh tế chức năng nòng cốt, chủ đạo và gắn kết chặt chẽ với phát triển vùng. Phát triển các khu kinh tế ven biển phải có lộ trình phù hợp với điều kiện cụ thể và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của cả nước trong bối cảnh hội nhập sâu, chịu tác động từ sự biến đổi nhanh chóng của môi trường quốc tế; chú ý tới yêu cầu bảo vệ môi trường và an ninh, quốc phòng.

Về giải pháp cụ thể, cần rà soát, đánh giá chính xác các lợi thế, tiềm năng và khó khăn của các khu kinh tế ven biển. Trên cơ sở đó thực hiện quy hoạch với tầm nhìn dài hạn, tổng thể, đồng bộ, có lộ trình thực hiện cụ thể trong từng giai đoạn phát triển. Xác định rõ lộ trình huy động nguồn lực cho thực hiện quy hoạch. Mỗi khu kinh tế ven biển phải tạo ra được nhu cầu cho toàn vùng, toàn miền phát triển, mở ra nhu cầu cho nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư. Có như vậy, đầu tư của Nhà nước vào khu kinh tế ven biển mới không lãng phí, không dàn trải, phát huy được hiệu quả đầu tư. Xây dựng mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy, đường biển, đường sắt và đường không đồng bộ, kết nối với mạng giao thông quốc gia và quốc tế. Nhà đầu tư phải nhìn thấy được các khu kinh tế ven biển là “cửa ngõ” cho hàng hóa và dịch vụ, không chỉ của Việt Nam, mà còn của ASEAN và thế giới, có thế mạnh trong việc kết nối kinh tế, thương mại và đầu tư với khu vực và thế giới. Theo đó, sự phát triển của khu kinh tế ven biển Đình Vũ - Cát Hải (Hải Phòng) nhất thiết phải tạo ra được nhu cầu phát triển cho khu vực đồng bằng Bắc Bộ; đồng thời, tạo nhu cầu phát triển cho các nước trong khu vực Đông Nam Á, Đông Bắc Á về sản

xuất và lưu thông hàng hóa, phát triển các ngành kinh tế biển. Các khu kinh tế ven biển khu vực miền Trung phải tạo ra được nhu cầu phát triển cho toàn bộ các địa phương miền Trung, khu vực Tây Nguyên về thông thương hàng hóa, phát triển kinh tế biển... Khu kinh tế Phú Quốc và cụm đảo Nam An Thới (Kiên Giang) phải tạo được nhu cầu phát triển cho khu vực đồng bằng Nam Bộ, cho các nước trong khu vực về hợp tác, phát triển, thông thương hàng hóa, phát triển kinh tế biển.

Cần xác định rõ thế mạnh của mỗi khu kinh tế ven biển, tránh để tập trung đầu tư, tránh đầu tư phát triển dàn trải, nhiều lĩnh vực. Lựa chọn những nhà đầu tư có đủ năng lực, có thể tham gia quy hoạch, định hướng chiến lược phát triển.

Tạo sự kết nối các khu kinh tế ven biển, hình thành trục động lực phát triển ven biển, trong đó, có sự phân công chặt chẽ trong phát triển ngành, lĩnh vực giữa các khu kinh tế. Nghiên cứu hình thành, phát triển các mô hình khu kinh tế mới gắn với cơ chế chính sách đặc thù theo hướng mở, tạo bước đột phá phát triển cho các khu kinh tế ven biển. Tập trung phát triển các dự án động lực hiện đã thu hút được các dự án đầu tư và có kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu trong các khu kinh tế ven biển để làm tiền đề cho việc hình thành khu vực phát triển công nghiệp chiến lược trong các khu kinh tế và tiếp tục thu hút các nhà đầu tư. Đi đôi với hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, cần xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia cho các khu kinh tế ven biển, trước mắt có thể xây dựng trang thông tin điện tử chung để quảng bá nhu cầu đầu tư và cơ chế xúc tiến đầu tư. Đẩy mạnh kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý các khu kinh tế ven biển, đáp ứng yêu cầu phát triển.

Để thực hiện được mục tiêu trên, Tỉnh cần cần đẩy nhanh triển khai các dự án trọng điểm, các dự án liên vùng và khu vực,... Thực hiện đa dạng các hình thức đầu tư nhằm huy động tối đa nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để triển khai thực hiện các dự án quai đê lấn

biển, phát triển quỹ đất; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp và các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội khác. Đẩy mạnh hình thức đầu tư Nhà nước và nhân dân cùng làm, thực hiện xã hội hóa trong đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; mở rộng hình thức tín dụng đồng tài trợ của các tổ chức tín dụng và huy động mọi nguồn vốn dưới các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Trong đó, đặc biệt chú trọng hình thức hợp đồng đối tác công tư, ưu tiên đối với dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu kinh tế ven biển.

Cần tiếp tục đẩy mạnh huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng, nâng cấp đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật vùng ven biển, trong việc thăm dò dầu khí và điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên than nâu, làm cơ sở triển khai thực hiện các dự án đầu tư về khai thác khí đốt và than nâu ở khu vực ven biển của tỉnh. Đồng thời điều tra, khảo sát, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 và 1/5000 khu vực bãi cồn ven biển.

Xây dựng lựa chọn và danh mục dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn khu vực ven biển, trong đó ưu tiên thu hút những dự án có quy mô vốn đầu tư lớn và công nghệ cao, đóng góp nhiều cho ngân sách địa phương và không gây ô nhiễm môi trường trong các lĩnh vực: chế biến nông sản thực phẩm, cơ khí chế tạo, đóng tàu, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp, công nghiệp khai khoáng than, dầu khí, kinh doanh thương mại dịch vụ và du lịch biển... để đẩy mạnh xúc tiến thu hút đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn vùng ven biển.

Phối hợp phát triển giữa Thái Bình với các tỉnh trong Vùng và cơ quan Trung ương: Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các tỉnh trong Vùng về xây dựng tuyến đường ven biển từ Thanh Hóa - Ninh Bình - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh; nâng cấp các quốc lộ 10, 39, 37; hoàn thiện hệ thống cầu Hồng Quỳnh, cầu Hồng Tiến, cầu An Khê, cầu Sa Cao ... để tạo ra mạng lưới giao thông thông suốt, kết nối trong nội tỉnh và liên vùng, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

4.3.3. Hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo lập môi trường kinh doanh hấp dẫn để đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình

Đây là yếu tố quyết định đến việc thu hút, hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến với tỉnh Thái Bình, từ đó, quyết định đến tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh so với các địa phương trong cả nước. Do vậy, cải thiện môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi để thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển, thu hút vốn bên ngoài, tranh thủ khai thác tối đa nguồn vốn đầu tư tập trung của tỉnh theo các dự án phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển nông thôn là rất quan trọng.

Tỉnh cần tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, bảo đảm công khai, minh bạch, cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng cho nhà đầu tư và trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính Nhà nước; thực hiện tốt các quy định về điều kiện kinh doanh, về quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu, phù hợp với thông lệ quốc tế. Đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, tăng cường sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan trong Tỉnh thực hiện cơ chế “một cửa”, giảm tối đa thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính; Hỗ trợ, giúp đỡ các nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc kịp thời trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

Nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, phát triển kinh tế biển toàn diện

Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Tỉnh cần có các giải pháp cụ thể để huy động cao nhất các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển kinh tế biển, trong đó nguồn nội lực là chủ yếu, huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất, thu hút vốn từ các thành phần kinh tế, đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực văn hóa, xã hội.

Phối hợp phát triển giữa Thái Bình với các tỉnh trong Vùng và cơ quan Trung ương: Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các tỉnh trong Vùng: Xây dựng tuyến đường ven biển từ Thanh Hóa - Ninh Bình - Thái Bình - Hải

Phòng - Quảng Ninh; nâng cấp các quốc lộ 10, 39, 37; xây dựng cầu Hồng Quỳnh, cầu Hồng Tiến, cầu An Khê, cầu Sa Cao ...

Tập trung phát triển khai thác, chế biến thủy hải sản; hệ thống cảng và dịch vụ vận tải biển, khu neo đậu, dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, chế biến, đánh bắt. Trong đó, ưu tiên xây dựng các tập đoàn kinh tế, các trung tâm dịch vụ có tiềm lực kinh tế mạnh, kết hợp tốt phát triển kinh tế với bảo vệ, làm chủ biển, đảo...

Hợp tác trong lĩnh vực thương mại, du lịch: Xây dựng trung tâm giới thiệu sản phẩm, thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại ... chung cho cả vùng.

Phối hợp nâng cao năng lực khai thác, năng lực tưới, tiêu của hệ thống thủy nông có liên quan giữa các tỉnh.

Phát triển mạnh và đa dạng các loại hình thương mại dịch vụ, khuyến khích các thành phần kinh tế tích cực đầu tư, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Phân đấu tốc độ tăng trưởng ngành thương mại dịch vụ bình quân 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9-10%/năm; giai đoạn 2026 - 2030 đạt 15 -17%/năm. Tạo điều kiện thu hút dự án đầu tư xây dựng siêu thị, nhà hàng, khu vui chơi giải trí... Huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại, chợ đầu mối theo các hình thức đầu tư như hình thức Hợp đồng Xây dựng - chuyển giao, hình thức Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao và phát triển các loại hình dịch vụ khác.

Phát triển du lịch sinh thái biển, kết hợp tham quan di tích lịch sử, giá trị văn hóa truyền thống, tâm linh. Tiếp tục đầu tư hạ tầng, đẩy mạnh xúc tiến thu hút phát triển khu du lịch Cồn Đen, khu rừng ngập mặn xã Thụy Trường...

Đặc biệt, các ngành hữu quan của tỉnh như Công an, Quân sự, Biên phòng đã phối hợp với các cơ quan chức năng và hai huyện ven biển trong việc phổ biến, tuyên truyền giáo dục về kiến thức quốc phòng cho các cơ quan, doanh nghiệp, cán bộ và nhân dân, các chủ hộ nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản, kinh doanh vận tải biển... góp phần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm trong việc gắn phát triển kinh tế với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền

trên biển, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và xây dựng thế trận phòng thủ ven biển. Các công trình quân sự phòng thủ ven biển trên địa bàn hai huyện Thái Thụy, Tiền Hải được quan tâm từng bước đầu tư xây dựng theo Quy hoạch thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ của tỉnh.

Cùng với việc bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội ven biển, các lực lượng Công an, Quân sự, Biên phòng đã tích cực tổ chức lực lượng, tham gia có chất lượng các cuộc diễn tập và thực hiện phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn trên sông, trên biển; đã tổ chức cứu hộ cứu nạn thành công 26 phương tiện/113 thuyền viên bị nạn trên biển; kêu gọi, ngăn chặn, cưỡng chế hàng nghìn lượt phương tiện vào nơi tránh trú an toàn, góp phần quan trọng giảm thiểu thiệt hại do bão, lụt gây ra. Đồng thời thiết lập hệ thống thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn giữa cơ quan Bộ Chỉ huy và các đồn Biên phòng với các tàu khai thác hải sản nhằm bảo vệ cho ngư dân sản xuất và kịp thời thông tin, xử lý những tình huống trên biển.

Xúc tiến và quản lý đầu tư

Triển khai cơ chế chính sách thu hút đầu tư theo Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển kinh tế biển. Cần nghiên cứu vận dụng các cơ chế đầu tư mới theo Luật Đầu tư sửa đổi và các Nghị định mới ban hành quy định về hợp tác công tư để tổ chức thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng. Một số hình thức có thể xem xét bao gồm: đổi đất lấy hạ tầng, doanh nghiệp làm trước, nhà nước trả sau,... Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư; tổ chức hiệu quả công tác quảng bá, xúc tiến đầu tư, đúng đối tượng, có trọng tâm, trọng điểm để thu hút nguồn vốn trong dân, doanh nghiệp trong nước, nước ngoài vào các khu kinh tế ven biển của tỉnh; hướng đến xây dựng trung tâm giới thiệu sản phẩm, thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại... chung cho cả vùng; tăng cường thu hút đầu

tư theo hướng ưu tiên dự án quy mô lớn, dự án tiềm năng, công nghệ tiên tiến tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh phát triển nhanh và bền vững; chọn lọc các dự án có tính liên kết vùng, các dự án có tỷ lệ nội địa cao và chiếm tỷ trọng lớn về xuất khẩu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo hiệu quả về năng suất, chất lượng; tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển khu kinh tế ven biển.

4.3.4. Tỉnh Thái Bình xây dựng chính sách đặc thù nhưng thống nhất với vùng biển phía Bắc, tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế biển gắn với với đảm bảo quốc phòng, an ninh

Với tiềm năng và lợi thế sẵn có về nguồn nhân lực cũng như vị trí địa lý, với yêu cầu phát triển kinh tế hướng ra biển của thời đại đã và đang đặt ra cho tỉnh Thái Bình yêu cầu mới để phát triển kinh tế biển gắn với với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong thời gian tới. Vấn đề đặt ra về việc hoàn thiện và đổi mới chính sách phát triển tạo sự bứt phá nhanh trong thập kỷ tới là: Hệ thống chính sách trong mỗi phân ngành phát triển kinh tế biển ở tỉnh Thái Bình phải được xây dựng thống nhất, có nhấn mạnh đến yếu tố đặc thù là khu vực kinh tế biển phía Bắc. Do đó, vừa cần đảm bảo tính hoàn thiện theo hướng mở, hội nhập được với kinh tế quốc tế, vừa đảm bảo quan hệ tương tác với các tỉnh lân cận và có sự điều phối thống nhất từ Trung ương; gắn tăng trưởng kinh tế biển với giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường. Để phát triển kinh tế biển gắn với với đảm bảo quốc phòng, an ninh thì việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển ngành, sản phẩm có lợi thế từ biển cần đi trước một bước. Bên cạnh đó, để những chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế biển gắn với với đảm bảo quốc phòng, an ninh được thực thi một cách hiệu quả, nhanh chóng, đòi hỏi phải có hướng triển khai đồng bộ, đầy đủ.

Đồng thời, đối với vấn đề hợp tác quốc tế, hoạt động ngoại giao giữ vai trò quan trọng đối với việc bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển. Thông qua hợp tác kinh tế như khai thác dầu khí, khai thác các nguồn tài nguyên biển, đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học, chia sẻ kinh nghiệm cứu hộ, cứu nạn

trên biển, công tác cảnh báo thiên tai và bảo đảm an ninh trên biển... Cần tận dụng học hỏi, giao lưu và hợp tác với các nước trên thế giới và các nước trong khu vực, nhất là các nước ven biển Đông để có thêm tiếng nói trong quá trình bảo vệ chủ quyền biển đảo và chủ quyền quốc gia. Thông qua các cuộc giao lưu, hợp tác cũng như việc tham gia tích cực vào các diễn đàn, hội nghị thế giới và khu vực để bảo vệ biển, đảo. Một mặt sẽ giúp hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo có được sự ủng hộ của bạn bè quốc tế, mặt khác cũng là cơ hội để chúng ta tìm kiếm đối tác để cùng phát triển kinh tế và thương mại.

4.3.5. Phát triển nguồn nhân lực liên quan đến biển nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình

Tập trung rà soát, dự báo dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực

Phát triển mạnh kinh tế biển và bảo đảm tốt quốc phòng, an ninh trên vùng biển của tỉnh cũng đòi hỏi huy động tối đa lực lượng lao động của các ngành kinh tế biển tham gia. Trên thực tế, biển chỉ là con đường đi qua của các thủy thủ, là nơi làm việc tập trung dài ngày của công nhân giới hạn trên các dàn khoan dầu khí, là nơi vãng lai ngắn ngày của du khách ở ven biển và một số đảo ven bờ, nhưng lại là không gian sống của ngư dân. Phát triển một nền kinh tế biển mạnh theo đúng nghĩa đòi hỏi không chỉ giải quyết hoặc chạy theo chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế đơn thuần, mà điều không kém phần quan trọng là giải quyết được các vấn đề xã hội bức xúc của người lao động biển nói chung và lao động nghề cá nói riêng, cũng như bảo vệ môi trường sinh thái và nguồn lợi biển. Do đó, đây là một trong những nhân tố quyết định sự thành công của việc phát triển các ngành kinh tế biển, đảo. Thực tế triển khai Chiến lược Biển Việt Nam cho thấy, chúng ta đang thiếu hụt trầm trọng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn trong những ngành mũi nhọn: công nghiệp, tàu thủy, khai thác dầu khí trên biển, công nghệ lọc hóa dầu, kinh tế hải đảo, thông tin liên lạc biển, bảo vệ môi trường

sinh thái biển..., trong khi quy mô đào tạo, các ngành nghề liên quan tới kinh tế biển còn rất hạn chế.

Như vậy, trước tiên cần tập trung rà soát, dự báo dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực để có kế hoạch đào tạo nhằm khắc phục tình trạng chất lượng nguồn nhân lực biển tại địa phương còn thiếu và yếu nhằm phục vụ cho phát triển các ngành nghề kinh tế biển đồng thời đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực khi thành lập khu kinh tế ven biển Thái Bình.

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác thống kê, dự báo về nhu cầu nguồn nhân lực. Để có một chiến lược phát triển nguồn nhân lực đúng đắn, điều quan trọng nhất là phải dự báo đúng nhu cầu của xã hội. Công tác dự báo phải dựa trên các số liệu tin cậy, có phương pháp phân tích, đánh giá số liệu tốt để từ đó đưa ra những dự báo chính xác nhằm định hướng phát triển cho hoạt động đào tạo nguồn nhân lực. Trong dự báo, cần chỉ ra nhu cầu nguồn nhân lực của từng ngành với số lượng cụ thể, yêu cầu bằng cấp, trình độ tương ứng để từ đó có một kế hoạch đào tạo rõ ràng nhằm đáp ứng nhu cầu.

Thứ hai, thực hiện triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực của Tỉnh đến năm 2030 tầm nhìn 2045, cần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao bao gồm: đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ quản lý, lao động được đào tạo chuyên sâu về các ngành nghề mũi nhọn mà khu vực đang có nhu cầu lớn như: điện, cơ khí chế tạo, xây dựng, du lịch, dịch vụ cảng, vận tải biển, khai thác và nuôi trồng thủy sản, khai thác dầu khí, tài nguyên- môi trường...

Tổ chức đào tạo những ngành mới có nhu cầu cao

Phát triển nguồn nhân lực của Tỉnh cần đảm bảo cả về số lượng và chất lượng nhằm phục vụ cho phát triển các ngành nghề kinh tế biển đồng thời đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực khi phát triển khu kinh tế ven biển Thái Bình.

Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển nhân lực của khu vực đến năm 2030 và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng

cao từ đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ quản lý, lao động được đào tạo chuyên sâu về các ngành nghề mũi nhọn mà khu vực đang có nhu cầu lớn như: điện, cơ khí chế tạo, xây dựng, du lịch, dịch vụ cảng, vận tải biển, khai thác và nuôi trồng thủy sản, khai thác dầu khí, tài nguyên - môi trường...

Cần tổ chức đào tạo theo ngành nghề phù hợp. Do sự phát triển rất nhanh của các lĩnh vực liên quan đến kinh tế biển, đảo và tính bao phủ lớn (liên quan đến hầu khắp các lĩnh vực) nên nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển, đảo có một đặc thù nghề nghiệp rất rõ. Vì vậy, khi đào tạo nguồn nhân lực cần xác định ngành nghề hoặc nhóm ngành nghề cho đúng để tạo điều kiện thuận lợi cho người học và người tuyển dụng. Tập trung mở ngay những ngành mới có nhu cầu cao. Hiện nay, một số ngành và lĩnh vực rất cần nhưng chưa có chuyên ngành đào tạo, như: quản lý tổng hợp vùng bờ, quản lý rủi ro, khai thác vật liệu hóa phẩm trong nước biển, công nghệ hóa lý trong khai thác nước ngọt từ biển, công nghệ khai thác năng lượng biển (sóng biển, thủy triều, thủy nhiệt)... Đây là những lĩnh vực rất cần cho một nền kinh tế biển hiện đại.

Xác định rõ tiêu chuẩn đào tạo. Ở Việt Nam nói chung và tỉnh Thái Bình nói riêng, hiện có rất nhiều đơn vị tham gia đào tạo nguồn nhân lực với nhiều cấp độ khác nhau nhưng chưa thống nhất về tiêu chuẩn. Điều này dẫn đến tình trạng “trắng đen lẫn lộn” và bằng cấp không được công nhận, đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Vì vậy, cần thống nhất về nội dung chương trình, quy trình đào tạo và cách thức đánh giá chất lượng đào tạo. Tỉnh cần nhanh chóng chọn lựa và triển khai đào tạo dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế.

Theo mô hình đào tạo truyền thống, nguồn cung ứng nhân lực chủ yếu đến từ các trường đào tạo nghề hoặc các trường đại học và bao gồm các bậc học phổ biến như trung học nghề, cao đẳng, cử nhân/kỹ sư, thạc sĩ và tiến sĩ. Tuy nhiên, do đặc thù của thị trường lao động trong kinh tế biển là liên quan

đến rất nhiều các lĩnh vực khác nhau nên ngoài kiến thức về biển, hàng hải,... còn đòi hỏi các kiến thức chuyên môn và những kỹ năng khác nhau nên việc đào tạo lại là rất cần thiết. Trong mô hình đào tạo mới, người lao động được đào tạo những kiến thức cơ bản về lĩnh vực chuyên môn và liên quan thông qua các chương trình đào tạo chính thức và sau khi đi làm nếu cần thêm kiến thức gì thì đi học bồi dưỡng, bổ sung thông qua các chương trình ngắn hạn.

Cân đối tỷ lệ đào tạo theo bậc và ngành nghề. Các địa phương cần phối hợp với các trường đại học để xem xét, đánh giá cẩn thận chiến lược phát triển và sự thay đổi nhu cầu nguồn nhân lực theo từng giai đoạn để điều chỉnh tỷ lệ sinh viên đầu vào cho từng nhóm ngành và bậc học, bảo đảm hài hoà nguồn cung cho thị trường.

Mở rộng xã hội hóa dạy nghề bằng nhiều hình thức thích hợp. Thực hiện tốt chương trình đào tạo nghề cho người lao động ven biển, chú trọng tập huấn và dạy nghề ngắn hạn cho nông, ngư dân. Nâng cao năng lực và chất lượng đào tạo của các cơ sở dạy nghề, gắn với nhu cầu sử dụng lao động trực tiếp của các khu công nghiệp.

Tiếp tục đầu tư, mở rộng Trung tâm dạy nghề ở hai huyện Thái Thụy, Tiền Hải; đồng thời có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư có tiềm lực, kinh nghiệm và trình độ tiên tiến thành lập cơ sở giáo dục đào tạo trình độ Đại học, Cao đẳng, để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; cán bộ quản lý kinh tế giỏi, công nhân kỹ thuật lành nghề đáp ứng yêu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp. Tăng cường công tác bồi dưỡng đào tạo nâng cao trình độ cán bộ trong các cơ quan nhà nước, cán bộ quản lý các doanh nghiệp. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách để thu hút nhân tài và lao động kỹ thuật đến công tác và làm việc lâu dài ở khu vực ven biển của tỉnh.

Cần khuyến khích ngư dân bám biển phát triển kinh tế. Trong số các ngành kinh tế biển, thủy sản không chỉ giữ vững là một ngành kinh tế biển truyền thống, mà còn phát triển thành một ngành kinh tế sản xuất hàng hóa lớn và đi đầu trong hội nhập kinh tế quốc tế, khẳng định kinh tế thủy sản đan

xen giữa lợi ích trước mắt và lợi ích lâu dài theo một ý nghĩa đầy đủ. Thời gian tới, phát huy lợi thế của một ngành kinh tế cần dựa vào nguồn tài nguyên tái tạo và quan trọng là lực lượng lao động và dự trữ lao động dồi dào, có khả năng bám biển dài ngày và có mặt trên khắp vùng biển. Ngư dân chính là lực lượng bổ sung cho các hoạt động kinh tế biển khác và cũng là lực lượng không thể thay thế cho một thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân trên biển Đông, góp phần “dân sự hóa” các hoạt động của tỉnh Thái Bình trên biển, gắn thủy sản với sự nghiệp bảo vệ quốc phòng, an ninh trên vùng biển của Tổ quốc. Tuy nhiên, ngư dân luôn sống và làm việc trong môi trường khắc nghiệt và đầy rủi ro, luôn chịu tác động của thiên tai, vì vậy, tỉnh cần có trách nhiệm và chính sách bảo đảm an sinh cho họ trước các rủi ro thiên tai. Vì thế, phát triển thủy sản ngoài ý nghĩa đóng góp cho nền kinh tế quốc dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, còn giải quyết các vấn đề xã hội cho ngư dân. Phát triển các mô hình sản xuất thủy sản dựa vào người dân giúp họ thoát nghèo, khuyến khích và tạo điều kiện cho họ tham gia quản lý nghề cá ở địa phương là một nhiệm vụ chính trị quan trọng mà Đảng và Nhà nước ta đang tập trung chỉ đạo nhằm thực hiện chiến lược xóa đói giảm nghèo toàn diện, cũng như tăng cường phát triển kinh tế ở địa phương, kết hợp bảo đảm an sinh xã hội và an ninh vùng biển. Theo cách tiếp cận trên, thời gian tới ngành thủy sản của tỉnh cần chú trọng giải quyết đồng bộ cả ba vấn đề (tam ngư): ngư nghiệp, ngư dân và ngư trường trong quá trình phát triển kinh tế thủy sản gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Như vậy, đây phải là công việc chung của chính quyền các cấp, các tổ chức xã hội, các trường đại học, cao đẳng, các doanh nghiệp, các tổ chức nghề nghiệp... trong một cơ chế thống nhất, theo phương châm xã hội hóa mạnh mẽ, phát huy tính chủ động ngay từ cơ sở. Mặt khác, cần đổi mới chính sách liên kết, hợp tác vùng, địa phương trong việc bố trí cơ cấu ngành nghề, phân công lao động... Đồng thời, lấy kinh tế biển làm động lực cho sự phát triển của tất cả các địa phương có biển, đảo, tạo việc làm thu hút mạnh lao động.

4.3.6. Đảm bảo các nguồn lực đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong từng ngành, từng lĩnh vực

Huy động và phát huy tốt tất cả các nguồn lực để khai thác tối đa mọi tiềm năng và lợi thế nhiều mặt của biển, tạo sự chuyên biến cơ bản, toàn diện về kinh tế biển, hướng mạnh về xuất khẩu chính là góp phần tăng cường khả năng bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia trên biển. Do đó, cần kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong quá trình quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Tuân thủ các quy định pháp luật trên vùng biển và ven biển của tỉnh và phát triển và hiện đại hoá có trọng tâm, trọng điểm và bước đi thích hợp, có tính tới hợp tác quốc tế và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế biển hiện đại gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình

Khi xây dựng các công trình kinh tế - văn hóa - xã hội cần tính toán đến kế hoạch bảo vệ và duy trì hoạt động để chuyển hướng phục vụ cho quốc phòng khi có chiến tranh xảy ra. Chú trọng phát triển kinh tế kết hợp với phục vụ, đáp ứng kịp thời tăng tiềm lực quốc phòng trên các lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng, bưu chính viễn thông, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi. Các công trình quân sự phòng thủ ven biển trên địa bàn hai huyện Thái Thụy, Tiền Hải cần từng bước đầu tư xây dựng theo Quy hoạch thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ của tỉnh.

Đã đến lúc cần tiến hành xây dựng mô hình thí điểm các khu quốc phòng - kinh tế, kinh tế - quốc phòng tại một số khu vực làm cơ sở kết nối quân - dân, dân - quân trong việc thực hiện các hoạt động dịch vụ kinh tế biển - đảo, hậu cần nghề cá, nuôi trồng hải sản xa bờ và dịch vụ du lịch sinh thái biển... Các điểm triển khai khu kinh tế - quốc phòng phải gắn với tuyến và khu vực phòng thủ biển.

Việc hoàn thành dự án kinh tế kết hợp với quốc phòng ở khu vực còn

Vành đạt hiệu quả thiết thực, vừa tạo điều kiện phát triển kinh tế thủy sản và du lịch biển, vừa góp phần tăng cường tiềm lực quốc phòng trên hướng phòng thủ chủ yếu của tỉnh. Ngoài ra, các chương trình, dự án trồng rừng ngập mặn, tăng gia sản xuất, cấp điện, cấp nước và hoạt động quân dân y kết hợp được đẩy mạnh, góp phần xây dựng và phát huy sức mạnh tổng hợp quân dân trong bảo vệ chủ quyền an ninh trật tự vùng biển và khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

Cùng với việc bảo vệ an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội ven biển, các lực lượng Công an, Quân sự, Biên phòng cần hoàn thiện hơn nữa hệ thống thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn giữa cơ quan Bộ Chỉ huy và các đồn Biên phòng với các tàu khai thác hải sản nhằm bảo vệ cho ngư dân sản xuất và kịp thời thông tin, xử lý những tình huống trên biển.

- Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, trước hết là lực lượng Hải quân làm nòng cốt bảo vệ biển, đảo, làm nền tảng vững chắc để phát triển kinh tế biển

Tình hình Biển Đông hiện nay và thời gian tới tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định; nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc đang đặt ra cho chúng ta yêu cầu rất cao và hết sức khẩn trương. Vì vậy, hơn lúc nào hết, chúng ta phải quán triệt sâu sắc tình hình nhiệm vụ, nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng lực lượng hải quân nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; xứng đáng là lực lượng nòng cốt bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên và phát huy hiệu lực, hiệu quả của các tổ chức quần chúng. Theo đó, phải xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng có lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; có bản lĩnh chính trị vững vàng, nhiệt tình, trách nhiệm, quyết tâm

cao, gương mẫu, đoàn kết, kỷ luật, sẵn sàng nhận nhiệm vụ và chấp nhận hy sinh để bảo vệ chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc. Tăng cường giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ ý thức bảo quản, làm chủ các trang thiết bị vũ khí, nhất là các vũ khí mới, hiện đại; tránh tư tưởng chủ quan, tự kiêu, tự mãn.

Xây dựng Hải quân nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, thực sự là lực lượng nòng cốt trong nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Trong điều kiện khoa học, công nghệ phát triển cao, mọi hoạt động trên biển diễn ra mau lẹ, việc quản lý, bảo vệ chủ quyền biển, đảo sẽ gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Để thực hiện tốt nhiệm vụ quan trọng này, cần phải phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc; trong đó, tập trung xây dựng Hải quân nhân dân hiện đại, đủ sức làm nòng cốt trong các hoạt động quốc phòng, an ninh trên biển. Theo đó, Quân chủng cần tập trung xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cơ sở để nâng cao chất lượng tổng hợp, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ được giao; chú trọng kiện toàn tổ chức, biên chế theo hướng tinh, gọn, mạnh, có sức cơ động cao, sẵn sàng xử trí thắng lợi các tình huống trên biển; ngăn chặn kịp thời những hoạt động vi phạm pháp luật, xâm phạm chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Quân chủng cần tiếp tục tham mưu cho Đảng, Nhà nước đầu tư nghiên cứu, cải tiến, mua sắm vũ khí, trang bị thế hệ mới, có tính năng vượt trội, như: tàu ngầm, không quân tác chiến trên biển, tàu hộ vệ đa năng, tàu tên lửa, tên lửa bờ tầm gần, tầm xa cho lực lượng hải quân; trong đó, chú trọng trang bị các loại tàu tên lửa loại nhỏ, tàu tuần tiễu đa năng, thủy lôi cho lực lượng tác chiến biển gần. Quân chủng cần nghiên cứu, phát triển nghệ thuật tác chiến hải quân; điều chỉnh bố trí lực lượng hải quân phù hợp với yêu cầu của chiến lược biển, nhiệm vụ, điều kiện địa hình, khí hậu, thủy văn ở từng vùng, khu vực biển, hình thành thế trận QPTD trên biển (nòng cốt là Hải quân nhân dân trên địa bàn Tỉnh) trong thời bình và sẵn sàng chuyển thành thế trận chiến tranh nhân dân đánh bại kẻ địch xâm lược từ hướng biển. Để đáp ứng yêu cầu đó, các lực lượng của Bộ đội Hải quân cần tích cực huấn luyện nâng cao trình

độ khai thác và sử dụng các trang bị, thiết bị mới hiện đại; trình độ tác chiến hiệp đồng quân chủng, binh chủng. Đồng thời, dự kiến nhiều phương án tình huống, chủ động đấu tranh bằng nhiều hình thức để bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo. Các đơn vị cần đẩy mạnh công tác huấn luyện, diễn tập, không ngừng nâng cao trình độ sẵn sàng chiến đấu, khả năng cơ động, khả năng phối hợp, hiệp đồng giữa các lực lượng hoạt động trên biển, trong thế trận khu vực phòng thủ địa phương, thế trận QPTD trên biển; chuẩn bị tốt các phương án tác chiến bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Công tác huấn luyện phải bám sát phương châm "Cơ bản, thiết thực, vững chắc" và thực tiễn của Quân chủng; coi trọng huấn luyện toàn diện, đồng bộ và chuyên sâu, sát thực tế chiến trường và vũ khí, trang bị hiện có, sát đối tượng tác chiến và trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao; lấy nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển, đảo thềm lục địa Tổ quốc làm mục tiêu huấn luyện. Tập trung huấn luyện cho bộ đội có đủ trình độ quản lý, khai thác sử dụng và làm chủ, bảo đảm an toàn tuyệt đối vũ khí, trang bị, khí tài mới, hiện đại.

Tiếp tục nghiên cứu bổ sung hoàn chỉnh các văn kiện, phương án tác chiến phù hợp với thực tiễn nhiệm vụ. Phải tập trung nghiên cứu xây dựng các phương án chiến đấu phù hợp với các trang bị vũ khí hiện đại và kế thừa kinh nghiệm truyền thống của cha ông; chú trọng phát triển những phương thức tác chiến mới trên biển. Nghiên cứu tham mưu chính xác, kịp thời cho cấp trên về các giải pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân trên biển vững chắc; phối hợp trong đấu tranh ngoại giao, tạo nên sức mạnh tổng hợp để xây dựng và bảo vệ lãnh thổ, lãnh hải.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho tất cả các hoạt động của bộ đội, tập trung cho các hoạt động sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu; các hoạt động dài ngày trên biển, trong điều kiện khó khăn, phức tạp; trong các môi trường hoạt động đặc thù của lực lượng Hải quân và hỗ trợ ngư dân trên các vùng biển, đảo xa bờ. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại quân sự nhằm góp phần giải quyết các

vấn đề trên biển, giảm thiểu bất đồng, ngăn chặn nguy cơ xung đột, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực. Phát triển kinh tế biển, kết hợp quốc phòng với kinh tế, phát huy các lĩnh vực Hải quân đang có thế mạnh như khai thác cảng biển, nuôi trồng, chế biến thủy hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá trên các vùng biển, đảo xa bờ.

Để bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo, thềm lục địa của Tổ quốc, phải xây dựng quân đội nhân dân đủ mạnh, thật sự là lực lượng nòng cốt trong thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trên biển và phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, kết hợp với sự ủng hộ của nhân dân thế giới và kinh nghiệm đánh giặc trên các chiến trường sông, biển của cha ông ta.

- Phối hợp bảo vệ an ninh chủ quyền biển đảo giữa các ban, ngành, chính quyền, nhân dân địa phương với các lực lượng vũ trang, trước hết là lực lượng Hải quân.

Tích cực chuẩn bị mọi mặt, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân với xây dựng các trung tâm kinh tế - xã hội trên biển, đảo. Vùng biển nước ta rộng, môi trường biển phức tạp, nên trong quá trình chuẩn bị thế trận quốc phòng, an ninh trên biển phải gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) đã xác định. Theo đó, các địa phương ven biển, đặc biệt là các đảo, quần đảo, huyện đảo phải coi trọng xây dựng thành các pháo đài phòng thủ kiên cố, vững chắc và xây dựng các khu vực kinh tế trên biển (nhà máy chế biến hải sản, đồ thủ công mỹ nghệ, xây dựng các kho chứa xăng, dầu, bể nước, âu tàu, khu tránh bão...) nhằm thu hút nguồn nhân lực dồi dào, có trình độ cao hoạt động trên biển, đảo. Từ đó, có thể bổ sung nhân lực được đào tạo, huấn luyện phù hợp với yêu cầu tác chiến, cung cấp và bảo đảm vật chất, hậu cần, vũ khí, trang bị cho các lực lượng. Công tác chuẩn bị phải tạo ra những điều kiện thuận lợi, vừa bảo đảm an toàn cho các hoạt động trên biển trong mọi hoàn cảnh, thời tiết, ban ngày cũng như ban đêm, vừa tạo thế trận có lợi cho tác chiến của các lực lượng khi chiến tranh

xảy ra. Muốn vậy, các cơ quan, ban, ngành từ Trung ương đến địa phương và các lực lượng, nhất là địa phương ven biển, đảo và huyện đảo phải đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng, phòng thủ chiến đấu: căn cứ, hải cảng, sân bay; đặc biệt là hệ thống bảo đảm thông tin - liên lạc, thông báo hàng hải, cứu hộ, cứu nạn trên biển; hệ thống trinh sát, thông tin quan sát, dẫn đường trên không, trên biển, dưới ngầm; hệ thống công sự, trận địa chiến đấu ở ven biển, dưới ngầm và trên các đảo ngay từ thời bình, tạo thành thế trận liên hoàn biển - đảo - bờ. Hệ thống này luôn đảm bảo đủ cơ sở cũng như yêu cầu kỹ thuật theo quy định sẵn sàng chiến đấu và kế hoạch, phương án tác chiến. Hiện nay, các khu kinh tế - quốc phòng trên các vùng biển đã và đang được triển khai có ý nghĩa thiết thực về nhiều mặt, trực tiếp bổ sung lực lượng tại chỗ, tạo thế bố trí mới về lực lượng tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên biển.

Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy, tạo cơ sở pháp lý cho các lực lượng hoạt động và quản lý biển, đảo có hiệu quả. Trên vùng biển của tỉnh hiện nay có rất nhiều lực lượng thường xuyên hoạt động, như: Hải quân, Phòng không - Không quân, Lục quân, Biên phòng, Cảnh sát biển, Dân quân tự vệ biển, Kiểm ngư, vận tải biển, khai thác thủy sản, khoáng sản (dầu khí) và nhân dân sinh sống, làm ăn trên biển. Mỗi lực lượng có chức năng, nhiệm vụ, hoạt động theo phương thức riêng, trong các điều kiện và thời gian khác nhau, trực thuộc quyền quản lý của nhiều bộ, ngành. Bên cạnh đó, chính quyền các địa phương ven biển, các lực lượng quản lý biển, cơ quan chức năng Nhà nước thường xuyên có hoạt động trao đổi, hợp tác với chính quyền và lực lượng quản lý biển của các nước có chung vùng biển để cùng phối hợp giữ vững an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên biển theo nguyên tắc thỏa thuận giữa nước ta với các nước có liên quan. Vì thế, phải tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về biển để làm cơ sở phối hợp, thống nhất hoạt động và quản lý chặt chẽ các hoạt động trên biển. Chỉ có như vậy mới tạo cơ

sở cho việc phát huy sức mạnh tổng hợp của tất cả các lực lượng phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế biển và bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Sự liên kết, hợp tác giữa các tỉnh, thành phố có biển, đảo trong cả nước bằng những chương trình hành động cụ thể dựa trên từng lợi thế so sánh, trong tất cả các hướng chiến lược và kế hoạch của từng bước đi là việc tất yếu, là sự sống còn.

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở các huyện đảo đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng ở tỉnh Thái Bình

Hệ thống chính trị ở các huyện đảo, nhất là những huyện đảo xa bờ - vừa là “cầu nối” đưa chủ trương, chính sách của Đảng đến với quần chúng, vừa là chủ thể trực tiếp tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các chủ trương của Đảng trên các địa bàn biển, đảo. Vì vậy, xây dựng hệ thống chính trị ở các huyện đảo vững mạnh là một giải pháp quan trọng để củng cố thế trận quốc phòng toàn dân trên biển đáp ứng yêu cầu bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc hiện nay. Quy trình thực hiện là phải hoàn thiện hệ thống chính trị với các thiết chế đầy đủ, cơ cấu hợp lý và cơ chế hoạt động hiệu quả, phù hợp với điều kiện hoạt động đặc thù trên các địa bàn biển, đảo. Trong đó phát huy vai trò và chức năng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là tổ chức đảng; thực hiện tốt các chính sách xã hội đối với các huyện đảo xa bờ và các địa bàn trọng điểm, chiến lược; coi trọng giải quyết tốt mối quan hệ và sự phối hợp hoạt động giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị ở mỗi huyện đảo và giữa các huyện đảo với nhau, tạo ra thế trận liên hoàn trên biển để có thể nhanh chóng tập hợp và sử dụng hiệu quả sức mạnh của các lực lượng tại chỗ phục vụ cho quốc phòng - an ninh trên biển.

Đặc biệt, các ngành Công an, Quân sự, Biên phòng của Tỉnh cần phối hợp với các cơ quan chức năng, đặc biệt của hai huyện ven biển trong việc

phổ biến, tuyên truyền giáo dục về kiến thức quốc phòng cho các cơ quan, doanh nghiệp, cán bộ và nhân dân, các chủ hộ nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản, kinh doanh vận tải biển... góp phần nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm trong việc gắn phát triển kinh tế với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền trên biển, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc và xây dựng thế trận phòng thủ ven biển; xác định nhiệm vụ phát triển bền vững kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền lợi của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

Biển, đảo Thái Bình là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, có vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước hiện nay và mai sau. Bảo vệ chủ quyền biển, đảo là nhiệm vụ trọng yếu và là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân của Tỉnh. Để hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng và cao cả đó, hơn lúc nào hết phải phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, sự quản lý, điều hành thống nhất của Chính quyền tỉnh, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, toàn vẹn vùng biển nói riêng và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc nói chung, của tỉnh Thái Bình nói riêng./.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu vấn đề phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình, bước đầu, luận án đã phân tích, làm rõ được những nội dung gắn kết giữa phát triển kinh tế biển và đảm bảo quốc phòng, an ninh được biểu hiện trong quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện; trong xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, trong xây dựng kết cấu hạ tầng, trong huy động các nguồn lực, trong việc kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực hiện và trong các lĩnh vực phát triển khác. Đồng thời, sự gắn kết này còn được đánh giá qua các tiêu chí như: Tăng trưởng từ kinh tế biển đi liền với củng cố thế trận an ninh nhân dân và thế trận quốc phòng toàn dân trên biển vững chắc; Tăng trưởng từ kinh tế biển đi liền với bảo vệ và phát huy lợi thế vị trí địa lý biển; Tăng trưởng từ kinh tế biển đi liền với cải thiện và từng bước thực hiện công bằng xã hội, từ đó củng cố niềm tin của nhân dân vào chế độ; Tăng trưởng từ kinh tế biển đi liền với đảm bảo bền vững môi trường biển, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo, các quyền chủ quyền và quyền tài phán, quyền đặc quyền kinh tế biển.

Luận án đã phân tích một số yếu tố khách quan, chủ quan tác động tới phát triển kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng, an ninh, cũng như nêu một số bài học của một số địa phương ở Việt Nam về giải quyết hiệu quả mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế biển với đảm bảo quốc phòng, an ninh mà tỉnh Thái Bình cần nghiên cứu vận dụng.

Trên cơ sở đó, Luận án tập trung phân tích làm rõ thực trạng phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình thời gian qua trên các nội dung và tiêu chí cụ thể. Từ đó, luận án đã chỉ ra những kết quả đạt được trong giai đoạn 2010 – 2022 như sau: tình hình kinh tế- xã hội vùng ven biển chuyển biến khá tích cực. Kết cấu hạ tầng đã được tập trung nguồn vốn cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng khu vực ven biển. Bước đầu xây dựng môi trường pháp lý cho phát triển kinh tế biển. Khu vực ven biển

Thái Bình hiện nay đã thu hút được một số dự án lớn đã, đang và sắp được triển khai. Công tác quốc phòng, an ninh được các cấp, các ngành chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, góp phần bảo vệ vững chắc vùng biên, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các địa phương ven biển. Đảm bảo nguồn nhân lực tham gia vào phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh quốc phòng; đã xây dựng chính sách quản lý, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, nhất là đất đai, nguồn nước, khoáng sản, rừng ngập mặn; phòng ngừa, xử lý có hiệu quả các hành vi gây ô nhiễm môi trường, quan tâm đầu tư cho công tác thu gom, tái chế và xử lý chất thải...

Tuy nhiên, khi giải quyết nhiệm vụ phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, tỉnh Thái Bình cũng còn nhiều hạn chế và vấn đề đặt ra trong quy hoạch, tổ chức thực hiện, trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trong huy động các nguồn lực, kể cả trong tư duy, nhận thức, tầm nhìn của đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị các cấp và trong nhân dân, nhất là ở hai huyện ven biển.

Từ những đánh giá, phân tích đó, Luận án đã nêu ra một số quan điểm cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm khắc phục những hạn chế và vấn đề đặt ra, trong đó chú trọng và các giải pháp như: (i) Nâng cao nhận thức về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh cho cán bộ, đảng viên và người dân tỉnh Thái Bình; (ii) Hoàn thiện quy hoạch, xây dựng chiến lược đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình; (iii) Hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo lập môi trường kinh doanh hấp dẫn để đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình; (iv) Phát triển nguồn nhân lực liên quan đến biển nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình; (v) Đảm bảo các nguồn lực đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh trong từng ngành, từng lĩnh vực.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Ngọc Khánh (2022), “Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán*, (11).
2. Nguyễn Ngọc Khánh (2023), “Những thành tựu trong phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình”, *Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán*, (01).
3. Nguyễn Ngọc Khánh (2023), “Giải pháp phát triển kinh tế biển gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh ở tỉnh Thái Bình trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Nghiên cứu tài chính kế toán*, (03).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Danh mục tài liệu bằng tiếng Việt

1. Lại Lâm Anh (2012), *Quản lý kinh tế biển: kinh nghiệm quốc tế và vận dụng vào Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam, Hà Nội.
2. Lại Lâm Anh (2012), “Phát triển kinh tế biển của Trung Quốc”, *Tạp chí Kinh tế và Chính trị Thế giới*, (12), tr. 25-27.
3. Ban Tư tưởng văn hóa Trung ương (2016), *Một số vấn đề phát triển kinh tế biển của Việt Nam*, Báo cáo chuyên đề, Hà Nội.
4. Ban Tuyên giáo trung ương (2015), *Tình hình biển đảo ở nước ta hiện nay và một số giải pháp chủ yếu tăng cường quốc phòng an ninh trên biển góp phần thực hiện thắng lợi chiến lược biển đến 2020*, Báo cáo chuyên đề, Hà Nội.
5. Ban Tuyên giáo Trung ương (2007), *Biển và Hải đảo Việt Nam*, Trung tâm thông tin công tác tư tưởng, Báo cáo chuyên đề, Hà Nội.
6. Ban tuyên giáo Trung ương (2010), *Chiến lược biển Việt Nam: Từ quan điểm đến thực tiễn*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
7. Phạm Ngọc Bách (2008), “Nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế biển”, *Tạp chí Tài nguyên và môi trường*, (7), tr.32-33.
8. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2007), *Báo cáo: Định hướng chiến lược về phát triển bền vững ở Việt Nam đến năm 2020*, Hà Nội.
9. Bộ Khoa học và Công nghệ (2006), *Báo cáo Đánh giá tổng hợp tiềm năng tự nhiên, kinh tế - xã hội; thiết lập cơ sở khoa học và các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội bền vững cho một số huyện đảo*, Hà Nội.
10. Bộ Ngoại giao (2012), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc tế lần thứ 4 về Biển Đông*, Tp. Hồ Chí Minh.
11. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2013), *Chiến lược khai thác, sử dụng bền*

vững tài nguyên và môi trường biển Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

12. Bộ Quốc phòng Mỹ (2015), “Chiến lược an ninh biển Châu Á - Thái Bình Dương”, *Bản dịch tiếng Việt, Báo điện tử Báo mới*, [truy cập ngày 20/8/2012].
13. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2017), *Báo cáo 20 năm thực hiện chiến lược Biển Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
14. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2007), *Nghị quyết số 27/2007/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*, Hà Nội.
15. Cục Thống kê tỉnh Thái Bình (2010-2022), *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình từ năm 2010 - 2017*, Thái Bình.
16. Lê Viết Chử (2016), “Quảng Ngãi phát triển kinh tế biển, đảo gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, (7), tr.61-63.
17. Kim Dung (2022), *Thái Bình đẩy mạnh hạ tầng giao thông kết nối vùng*, tại trang, <https://diendandoanhnghiep.vn/thai-binh-phat-trien-ha-tang-giao-thong-ket-noi-vung-tao-thu-hut-dau-tu-227952.html>, [truy cập ngày 9/6/2022].
18. Phạm Dũng (2007), “Biển và kinh tế biển”, *Tạp chí Cộng sản*, (20), tr.3-13.
19. Hoàng Dương (2021), *Chi Cục Thủy sản Thái Bình phát triển và bảo tồn nguồn lợi thủy sản theo hướng bền vững*, tại trang: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/chi-cuc-thuy-san-thai-binh-phat-trien-va-bao-ton-nguon-loi-thuy-san-theo-huong-ben-vung-81775.htm>, [truy cập ngày 9/3/2022].
20. Minh Duyên (2017), “Phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng an ninh, đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển”, *Báo Văn hóa Thể thao*, [5].

21. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Nghị quyết 03-NQ/TW ngày 06/5/1993 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ phát triển kinh biển đã khẳng định đẩy mạnh phát triển kinh tế biển đi đôi với tăng cường khả năng bảo vệ chủ quyền và lợi ích quốc gia; bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái biển; phấn đấu trở thành một nước mạnh về biển vào năm 2020*, Hà Nội.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (1997), *Chỉ thị số 20-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Khóa X, về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
25. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Lê Cao Đoàn (1999), *Về đổi mới và phát triển kinh tế vùng biển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Kang Fong (2015), “Đánh giá tình hình an ninh và viễn cảnh của khu vực Biển Đông”, *bản dịch tiếng Việt, Báo điện tử Báo mới*, [truy cập ngày 26/7/2022].
28. Khánh Hà (2016), “Biển trong chiến lược an ninh - quốc phòng”, *Tạp chí Giao thông điện tử*, [truy cập ngày 21/10/2020].
29. Vũ Văn Hà (2013), “Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, truy cập ngày 21/3/2013.
30. Lê Thị Thanh Huyền (2007), “Một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế biển”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, (8), tr.12-13.

31. Dương Danh Huy và cộng sự (2017), *Tranh chấp biển Đông và vai trò của Liên hiệp quốc*, Nxb Thống kê (tái bản), Hà Nội.
32. Lê Hai (2015), “Phát triển kinh tế biển, tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển đảo”, *Báo Hà Nội mới*, tr.3.
33. Nguyễn Ngọc Huệ (2006), “Hệ thống cảng biển Việt Nam - xu hướng phát triển trước tình hình mới”, *Tạp chí Hoạt động khoa học*, (7), tr.17-19.
34. Nguyễn Đức Hùng (2017), “Một số ý kiến về việc nghiên cứu lịch sử ngành hàng hải Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, (6), tr.17-22.
35. Nguyễn Thiết Hùng (2013), “Kinh tế biển Việt Nam trong thời đại hội nhập: Cơ hội và các vấn đề”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Tầm nhìn kinh tế biển và phát triển ngành thủy sản Việt Nam*, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Hà Nội, tr 76-79.
36. Nguyễn Văn Hiến (2011), “Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên các vùng biển, đảo của Tổ quốc và những vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, (11), tr. 21-25.
37. Nguyễn Chu Hồi (2016), “Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm chủ quyền vùng biển quốc gia”, *Báo điện tử Báo mới*, [truy cập ngày 21/5/2021].
38. Nguyễn Thành Hữu (2016), “Phát triển kinh tế biển tăng cường tiềm lực kinh tế quốc gia và bảo vệ chủ quyền biển đảo”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, (5), tr. 35-38.
39. IUCN (2012), *Sổ tay đánh giá tiến độ và kết quả công tác quản lý tổng hợp biển và vùng bờ*, bản dịch tiếng Việt, Nguyễn Công Minh dịch, Nxb Lao động, Hà Nội.
40. Hà Linh (2023), *Hội thảo tập huấn thu hút đầu tư vào tỉnh Thái Bình*, UBND tỉnh Thái Bình, tại trang <https://thaibinh.gov.vn/doanhnghiep/tin-tuc/tin-kinh-te/hoi-thao-tap->

huan-thu-hut-dau-tu-vao-tinh-thai-binh.html, [truy cập ngày 22/8/2023].

41. Lê Nguyễn (2007), “Chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam”, *Tạp chí Thương mại*, (3), tr.4-5.
42. Võ Thị Nhài (2008), “Về phát triển kinh tế biển hiện nay”, *Tạp chí Thương mại*, (11), tr.8-10.
43. Nguyễn Nhâm (2016), “Chiến lược biển của các nước lớn trên thế giới những quan tâm từ góc độ kinh tế biển Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, (20), tr.31-33.
44. Trần Thị Hồng Nhung (2016), “Kinh tế biển Việt Nam trong thời kì đổi mới và hội nhập”, *Bản tin Khoa Việt Nam học, Đại học Sư phạm Hà Nội*, (3), tr.25-28.
45. Vũ Oanh (2017), “Bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và hải đảo - một số giải pháp cấp bách”, *Trang thông tin điện tử, Báo mới*, truy cập ngày 03-9-2017.
46. Nguyễn Thế Phán (2007), “Phát triển kinh tế biển Việt Nam khai thác và bảo vệ”, *Tạp chí Con số và sự kiện*, (9), tr.16-18.
47. Vũ Văn Phái (2008), *Biển và phát triển kinh tế biển Việt Nam - Quá khứ, hiện tại và tương lai*, Kỷ yếu Hội thảo Việt Nam học lần thứ 3, Hà Nội.
48. Vũ Văn Phúc (2011), “Phát triển kinh tế biển, đảo gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh”, *Tạp chí Hải quan điện tử*, ngày 24/9/2011.
49. Đào Duy Quát (2008), “Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển và giàu lên từ biển”, *Báo Tuyên giáo*, (9), tr.18-20.
50. Đào Duy Quát (2008), *Phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
51. Đào Duy Quát (2008), “Biển và hải đảo”, *Báo Tuyên giáo*, tr.3.
52. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XII (2012), *Luật Biển Việt Nam năm 2012*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

53. Nguyễn Trường Sơn (2017), “Liên kết đánh bắt hải sản xa bờ kết hợp với bảo vệ biển, đảo của Tổ quốc, một đòi hỏi bức xúc của các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ”, *Tạp chí Thủy sản*, (8), tr. 23-25.
54. Lê Văn Sang (2008), “Chiến lược kinh tế biển một số kinh nghiệm thế giới”, *Số chuyên đề, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, (8), tr.18-21.
55. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình (2018), *Báo cáo 10 năm thực hiện chiến lược phát triển biển ở tỉnh Thái Bình*, Thái Bình.
56. Ngô Lực Tải (2008), “Suy nghĩ về chiến lược đào tạo nguồn nhân lực cho kinh tế biển”, *Báo Thái Bình*, tr.3.
57. Lê Đức Tố (2004), *Quản lý biển*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
58. Nguyễn Đức Tinh (2011), “Một số giải pháp kết hợp phát triển kinh tế biển với tăng cường quốc phòng-an ninh, bảo vệ chủ quyền biển, đảo”, *Tạp chí quốc phòng toàn dân*, (8), tr. 25-27.
59. Cao Thượng Toàn (1988), “Then chốt của việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế vùng ven biển là đi sâu cải cách”, *Tin tham khảo đặc biệt, số ra ngày 21-3, Thông tấn xã Việt Nam*, Hà Nội.
60. Quốc Toàn, Mạnh Hùng, Mạnh Dũng (2008), “Kết hợp phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng an ninh trên biển và vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, (10), tr.47-49.
61. Phạm Huy Tiến (2016), Tiềm năng khoáng sản biển Việt Nam và vấn đề khai thác sử dụng, *Tạp chí Năng lượng*, (6), tr. 23-25.
62. Đức Tuân (2016), “Phát triển kinh tế biển trên tinh thần chiến lược biển Việt Nam”, *Trang thông tin điện tử của Cục Biển và Hải đảo Việt Nam*, [truy cập ngày 26-05-2020].
63. Nguyễn Việt Thắng (2008), “Ngành thủy sản với nhiệm vụ phát triển kinh tế biển và bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, (4), tr.42-45.

64. Nghiêm Xuân Thành (2015), “Kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh ở vùng biển, đảo Quân khu 7 trong tình hình mới”, *Tạp chí Cộng sản*, (9), tr.17-21.
65. Nguyễn Hồng Thao (1997), *Những điều cần biết về biển*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
66. Nguyễn Xuân Thu - Bùi Tất Thắng (2005), “Kinh tế biển Việt Nam thực trạng và triển vọng”, *Tạp chí Tài nguyên và môi trường*, (10), tr.23-24.
67. Nguyễn Thị Hoài Thu (2018), “Phát triển kinh tế biển đảo gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh”, *Báo điện tử Báo mới*, [truy cập ngày 08/6/2018].
68. Nguyễn Đức Triều (2002), “Phát triển kinh tế biển là cơ hội tạo việc làm, nâng cao thu nhập, và từng bước ổn định đời sống cho ngư dân, nông dân”, *Tạp chí Nông Thôn mới*, (7), tr.6-8.
69. Nguyễn Thế Tràm, Lê Quang Hải (2015), “Phát triển kinh tế biển, đảo các tỉnh duyên hải miền trung gắn với an ninh - quốc phòng”, *Báo Gia đình - xã hội*, tr.3.
70. Bùi Tất Thắng (2011), “Các khu kinh tế ven biển trong tiến trình đưa Việt Nam trở thành Quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, (6), tr. 27-30.
71. Bùi Tất Thắng (2007), “Về chiến lược về phát triển kinh tế biển Việt Nam”, *Tạp chí kinh tế và dự báo*, (8), tr.6-9.
72. Nguyễn Quang Thái (2010), *Vấn đề phát triển các khu kinh tế mở hiện đại vùng ven biển Việt Nam*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, Hà Nội.
73. Thu Thảo (2013), “Môi trường biển: thiếu một chiến lược tổng thể”, *Tạp chí tài nguyên Môi trường*, (6), tr. 15-19.
74. Trần Vũ Thanh (2008), “Cảng biển trong nền kinh tế quốc gia”, *Chuyên san Hồ sơ và sự kiện*, *Tạp chí Cộng sản*, (48), tr.3-59.
75. Nguyễn Thu Thanh (2019), *Thái Bình phát triển kinh tế biển gắn với bảo*

đảm an ninh - quốc phòng, Tạp chí Cộng sản, <https://www.tapchicongsan.org.vn/kinh-te/-/2018/815750/thai-binh-phat-trien-kinh-te-bien-gan-voi-bao-dam--an-ninh---quoc-phong.aspx>, [truy cập ngày 5/3/2021].

76. Ngô Bình Thuận (2016), “Một số giải pháp phát triển kinh tế biển bền vững”, *Tạp chí Tài chính* kỳ 2, (3), tr. 14-15.
77. Thân Trọng Thụy (2012), “Phát triển các khu kinh tế ven biển - Bước đột phá trong phát triển kinh tế vùng của Việt Nam”, *Tạp chí khoa học Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh*, (41), tr.18-21.
78. Dương Trọng Trung (2018), *Chính sách phát triển kinh tế biển của một số quốc gia ASEAN trong hội nhập kinh tế quốc tế và kinh nghiệm cho Việt Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
79. Nguyễn Ngọc Trung (2022), “Phát triển kinh tế biển ở tỉnh Quảng Ninh hiện nay”, *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, (8).
80. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23/9/2008 về việc phê duyệt Đề án "Quy hoạch phát triển các Khu kinh tế ven biển của Việt Nam đến năm 2020"*, Hà Nội.
81. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 1570/QĐ-TTG ngày 06-9-2013 về phê duyệt Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Hà Nội.
82. Ủy ban kinh tế và Ngân sách Quốc hội (2016), *Đánh giá mô hình khu kinh tế ven biển Việt Nam: thực tiễn ở Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế*, Thư viện Quốc Hội, Hà Nội.
83. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình (2014), *Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Thái Bình giai đoạn đến 2020, định hướng đến năm 2030*, Thái Bình.
84. Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng (2017), *Phát triển kinh tế biển trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế - nhìn từ thực tiễn Hải*

- Phòng, Báo cáo sơ kết 20 năm thực hiện Chỉ thị 20-CT/BCT của Bộ chính trị về phát triển kinh tế biển theo hướng hiện đại hóa, Hải Phòng.*
85. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình (2017), *Báo cáo đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh tỉnh Thái Bình giai đoạn đến năm 2020*, Thái Bình.
 86. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (2020), *Báo cáo tình hình Kinh tế - xã hội năm 2020*, Thái Bình.
 87. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (2021), *Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 16/6/2020 và Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 30/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh trong năm 2021*, Thái Bình.
 88. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (2022), *Báo cáo tình hình Kinh tế - xã hội năm 2022*, Thái Bình.
 89. Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình (2022), *Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh Thái Bình thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050*, Thái Bình.
 90. Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình (2023), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu năm 2023*, Thái Bình.
 91. Ủy ban nhân dân huyện Thái Thụy (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2015 - 2020*, Thái Bình.
 92. Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải (2021), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2015 - 2020*, Thái Bình.
 93. Văn phòng TW Đảng (2006), “Về chiến lược và mô hình quản lý biển của một số nước”, *Thông tin Chuyên đề (08)*, Hà Nội.
 94. Viện KHXH Việt Nam và Bộ NNPTNT (2015), *Tầm nhìn kinh tế biển và phát triển thủy sản Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia, Hà Nội.

95. Hồng Việt (2017), “Giải pháp phát huy thế mạnh kinh tế biển”, *Báo Nhân dân*, tr.2.
96. Lê Đức Vinh (2017), “Khánh Hòa gắn phát triển kinh tế du lịch biển với bảo đảm quốc phòng an ninh khu vực biên giới biển”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, (9), tr.51-53.

Danh mục tài liệu Tiếng Anh

97. Adm. Harry and B. Harris, U.S naval Institute (2015) “U.S. Should Consider Establishing a South China Sea International Operations Center in Indonesia”- *U.S. Pacific Command (PACOM) commander*.
98. Catherine Zara Raymond (2005), “Maritime Security: The Singaporean Experience”, Institute of Defence and Strategic Studies Singapore.
99. Carlyle Thayer (2014) “The capacity on the eastern sea, navy, marine police, fishery control of Vietnam”, *University of New South Wales*, Australia.
100. Gunter Pauli (2010), “The Blue Economy”, *Far Eastern Economics, review*, (3), pp. 16-18.
101. James N. Sanchirico, Kathryn A. Cochran, and Peter M. Emerson, (2002), “Marine Protected Areas: Economic and Social Implications”, *Asia Study Review*, (5), pp. 21-25.
102. Juren Schwaz (2003), *Sea strategy in Asia 2003*, White Lotus Publish house, Taiwan.
103. Juan C. Regueiro (2013), *Marine economy: A proposal for its definition in the European Union*, Department of Applied Economics, University of Vigo.
104. John C. Baker and Analysis Institute for Homeland Security (2015) “Cooperation of satellite monitoring in East Sea”, *Asia Study Review*, pp. 22-23.
105. John F. Bradford (2005), “The Growing Prospects for Maritime Security Cooperation in Southeast Asia”, *Asia Study*, (3), pp.12-15.

106. John Hayton (2016) “*South China Sea - a power competition in Asia*” <http://nghiencuubiendong.vn/diem-sach-bao/4779>, [truy cập ngày 21-3-2016].
107. Lee Ki-suk (2002), “East Sea in the world maps”, *Far Eastern Economics, review*, (5), pp. 11-15.
108. M. Ariff (1991), *Pacific connections, South-East Asian Social Science Monographs*, Oxford University Press, UK.
109. Robert Kaplan (2016), “Asia’s Cauldron: the South China Sea and the End of a Stable Asia - Pacific”, <http://nghiencuubiendong.vn/diem-sach-bao/4779>, [truy cập ngày 21-3-2016].
110. Rong Liu, Liyan Chen (2013), *Countermeasure Research on Blue Marine Economy* Development of Dalian University, China.
111. Stephen Oppenheimer (2011), *Eden in the East: The Drowned Continent of Southeast Asia*, UK.
112. UNEP (2011), *Towards a Green Economy: Pathway to Sustainable Development and Poverty Eradication*. Geneve.
113. UNDP (2011), *South China Sea-Deep*, Report, US.
114. Wilfred Thomason Grenfell (2012), “The Harvest of the Sea, A Tale of both sides of Atlantic”.

Các website

115. www.dangcongsan.vn
116. <http://www.tapchicongsan.org.vn>
117. <http://www.baomoi.com>
118. <http://vccinews.vn>
119. <http://www.thaibinh.gov.vn>.
120. <http://maritimeeconomics.com/research/mel-thesis-library/>
121. <http://danang.gov.vn>